

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: **NGUYỄN-VỸ**

Quản-lý: **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỚI SỐ 24 1-12-1959

1.— Văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam . . .	Nguyễn-Vỹ	6	—	9
2.— Tôi thân oan cho Tôn-thất-Thuyết . . .	Tô-Đặng-Minh	10	—	20
3.— Đáy, Sóc-trăng	Vương-đức-Hà	21	—	26
4.— Sinh hoạt văn-hóa V.N. tại Pháp .	Guêstave Meillon	27	—	33
5.— Dạ sầu (thơ)	H.T. Duyên-Hải			34
6.— Trái « Ô Buy » (truyện ngắn)	Hoàng-Thống	35	—	37
7.— Ca-kịch Việt-Nam	Tchya	38	—	44
8.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	45	—	48
9.— Không Minh	Nguyễn quang Lục	49	—	52
10.— Đại sứ Việt-Nam tại Pháp	Tân-Phong	53	—	60
11.— Mai sau (thơ) !	Vân-Khanh	61	—	62
12.— Hòn đất nắn nên ông Bụt	Thanh-Phương	63	—	70

13.— Văn sĩ, thi sĩ tiền chiến : Nguyễn-v-Vĩnh	Nguyễn-Vỹ	71	—	77
14.— Nụ cười Phồ-Thông	Trọng-Tấu	78	—	79
15.— Có gái điên (truyện dài)	Vi Huyền Đắc	80	—	84
16.— Thi-sĩ lão thành: bà Cao-ngọc-Anh . .	Diệu-Huyền	85	—	89
17.— Đôi bóng (thơ)	Nguyễn-Vỹ	90	—	93
18.— Minh ơi !	Cô Diệu Huyền	94	—	100
19.— Y học Phồ-Thông.	Quang-Hoa	101	—	106
20.— Những người đôi mươi	Nguyễn-thu-Minh	107	—	111
21.— Kiên-Trinh	Cô Vân-Nga	112	—	114
22.— 4.000 năm ca dao	Ba-Tèo			115
23.— Chút niềm tâm sự mến trao bạn đọc	P.T.	116	—	118
24.— Kỷ-niệm đệ nhất chu niên, ban Biên tập T.C.P.T. .		119	—	120
25.— Đáp bạn bốn phương	Cô Bạch Yến			
	và Diệu-Huyền	121	—	130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền

- ★ Bản kẽm Nguyễn-Vân-Dầu
- ★ Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

CHƯƠNG II

**B. — TUY-NHIÊN VĂN-
CHƯƠNG VIỆT-
NAM KHÔNG
PHONG - PHÚ**

I. — Tiếng Việt rất thuận
lợi cho văn Thơ

**2. — ẢNH-HƯỞNG CỦA
VĂN-HÓA TÀU.**

Ảnh-hưởng này đã thâm-nhập vào truyền-thống sinh-hoạt Việt-nam ngay từ nguyên-thủy của Lịch-sử Dân ta.

Nước ta đã không có chữ riêng, phải học chữ Tàu lại gặp lúc bị nhà Hán chinh-phục, rồi qua hết đời Tiền-Lý thì lại bị nội thuộc nhà Đường.

Nói giống Việt-nam bắt đầu khai-hóa đã phải hấp-thụ tất cả các học-thuyết luân lý đạo-đức từ đời nhà Chu để lại, đồng-thời với Hồng-Bàng Kỷ-Nguyên, Tâm-hồn dân ta đã bị nhồi-nén trong khuôn-khổ duy nhất của tư-

VĂN CHUƠNG

VÀ TƯ-TU Ở NG

VIỆT-NAM

QUA CÁC THỜI ĐẠI

NHẬN XÉT TỔNG QUÁT

về VĂN-HỌC SỬ VIỆT-NAM

tướng Trung - quốc, cho đến hết đời Lý, thì văn-thơ phần-thịnh của nhà Đường lại tràn sang nước ta, để thâm-nhập vào tâm-hồn Việt-nam cả một trào-lưu lãng-mạn của bốn thế-hệ Đường - thì lâu đến 290 năm, gần 3 thế-kỷ ! Cho nên khắp các tầng lớp từ dân của Việt-nam thời bấy giờ đều mặc-nhiên thọ-hưởng dấu-tích sâu-đậm ấy.

Rồi từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, trải qua các thời-dại sau, vượt tất cả các biến-cổ chính-trị và quân-sự, ảnh-hưởng của văn Thơ đời Đường vẫn tồn-tại, hòa lẫn vào nếp sống tinh-thần của Dân-tộc.

Trên phương-diện chính-trị lãnh-thổ, Vua và Dân ta vẫn cương-quyết không chịu lệ-thuộc nước Tàu. Trong lúc mỗi vị Thủ-lĩnh của mỗi thời đại Trung-Quốc tạo riêng một thế-lực và một uy-quyền rộng lớn, gây ra những cuộc chiến

tranh liên-tiếp, nhất là từ đời Tam - quốc trở đi, để chinh-phục các quốc-gia chư-hầu và thâu-gồm hết cả giang-sơn Thiên-hạ vào trong tay một cá-nhân, một gia-đình, một họ, lập ra các triều - đại mệnh - danh là « Thiên-tử », trong lúc đó nước Việt-nam cũng là một nước chư-hầu, phải cống-hiến Bắc-triều, và thừa-nhận uy-danh của Hoàng-Đế nước Tàu, nhưng vẫn cố hết sức biệt lập thành một quốc-gia tự chủ.

Trải qua mấy nghìn năm, từ đời Hồng-Bang lập-quốc cho đến Thế-kỷ XIX, kể-tiếp từ Trưng Trắc đến Nguyễn-Huệ, các vua chúa của Nước ta và toàn thể Dân ta đều đã chứng tỏ ý-chí quyết-liệt không chịu nô-lệ các Triều-dại Trung-Quốc, và xây-dựng một quốc-gia độc-lập trên một lãnh-thổ riêng. Lịch-sử Dân-tộc Việt-nam còn ghi

tên những vị Nam-Nữ anh-hùng hiển-hách đã hoàn-thành các cuộc chiến-đấu ấy, và đã biệt-lập hẳn ngoài hệ-thống chánh-trị và quân-sự của Trung-Hoa. Đó là về Lịch-sử chính-trị.

Nhưng, trái lại, về phương diện văn-hóa, và nói riêng về phương-diện văn-chương thi-phú, nước ta đã chịu hoàn-toàn chi-phối trong hệ-thống tư-tướng và học-thuật của Tàu.

Nhận-xét đại-cương văn-học-sử Việt-nam với con mắt khách-quan của một nhà sử-học, chúng ta không thể chối cãi rằng trải qua 2.000 năm văn-hiến, Học-thuật và tư-tướng Việt-nam đã MẶC-NHIÊN TÒN-TRONG ĐỊA VỊ BÁ-CHỦ của văn-học Trung-Quốc, và nhìn nhận sự thực-tế nó-lệ ấy một cách công-khai, ưng-thuận và gần như hãnh-diện.

Không những Khổng-Tử, (một nhà Hiền-triết, vâng, nhưng một bậc Thần-Thánh) được các Vua Chúa lập đền thờ và lễ-lễ với tất cả các nghi-thức sùng bái một đấng

oai-linh, — không những lịch-sử và chiến-sử của các Hoàng-đế Tàu và các Vua Chư hầu, như Vua Nghiêu vua Thuấn, như Tào-Thào, Lưu-Bị v.v... đều được dân-chúng Việt-nam học gần thuộc lòng, và biết rõ hơn là Lịch-sử và chiến-công của Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ, — không những thế mà thôi, các nhà Thi-sĩ Tàu đời Đường, đời Tống, cũng như các Thi-Nhân ở các Triều-đại khác, đều được các nhà Tri-Thức và Thi-sĩ Văn-sĩ Việt-nam của các thời Nho-học tôn làm Thi-Thần Thi-Thánh cả.

Lòng sùng bái ấy có ảnh-hưởng sâu rộng cho Văn-Chương và Tư-tướng Việt-nam trong suốt các thời đại mà chữ Hán được đơm-nhiên chiếm địa-vị độc-quyền bá-chủ trong lịch-sử tiến-triển văn-hóa của Dân ta.

Tôi đã nói về chính-trị và độc-lập lãnh-thổ, các vị Vua chúa và toàn dân đều quyết liệt chống lại cuộc đô-hộ của Tàu. Cho đến những cô thiếu nữ và những nàng thiếu phụ

phất cờ khởi nghĩa để đánh đuổi quân thù. Nhưng, lạ thay, trên địa-hạt Văn-hóa, Ông Cha chúng ta đã tỏ ra triệt-đề lệ-thuộc người Tàu. Mười-chín thế-kỷ, tất cả cuộc sinh-hoạt tinh-thần và tri-thức của Dân tộc Việt-nam đều rập theo khuôn-mẫu của Tàu.

Hiền triết như Khổng-tử, Mạnh-tử, Đạo giáo huyền-bí như Lão-tử, Trang-tử, thơ hay như Lý-Bạch, Đào-Tiềm, đờn giỏi như Bá-Nha, Tử-kỳ, rượu nặng như Lưu-linh, cờ cao như Đế Thích, đàn bà thi giỏi văn-chương như nàng Ban ả Tạ, đẹp lộng lẫy như Tây-Thì, thương chông như Tô Huệ, Vô-tướng thì mưu-trí như Khổng-Minh, tài thao lược như Tào-thào, v.v... đều là những nhân vật điển hình trong Văn-Thơ bác-học Việt-nam cũng như trong văn-chương bình-dân vậy. Từ Thiên-tử đến thứ Dân, đều lấy các nhân-vật Tàu, Lịch-sử Tàu, truyện tích Tàu, Thi phú Tàu, làm mực thước. Cho đến đời một viên tướng Tàu là Quan-Công, không dính-liu gì đến Nước ta mà Dân ta cũng

không riêng gì Khổng-Tử ! Cả nước Việt-nam đều khao-khát Văn-minh tinh thần của Hán-tự, say sưa hương-vị văn-hóa của các Triều-đại Trung-Hoa.

Bởi vậy nên một phần lớn Văn-chương và Tư-tướng Việt-nam trong 19 thế-kỷ, đều hầu hết rập theo kiểu mẫu của Tàu, kiểu mẫu duy nhất, bất di bất dịch, chỉ bị hòa trộn một phần ít với văn-minh Phật giáo của Ấn-độ mà thôi. Ngay Phật giáo của ta cũng rập theo Phật-giáo Đại thừa của Trung- quốc truyền sang.

Trong một tình trạng « bế quan tỏa cảng », nước Việt-nam chỉ thấy có một nước Tàu là Chúa Tể cả Thiên-hạ, chỉ học chữ Tàu, viết chữ Tàu, đọc sách Tàu, dùng điển tích Tàu, và áp-dụng cách-thức cảm-xúc và tư-tướng của các nho-sĩ Tàu.

Vì vậy, từ nguyên thủy đến cuối Thế-kỷ XIX, hầu hết các Văn-nhân Thi-sĩ Việt-nam đều làm thơ Đường-luật, để lại những « Thi tập » bằng chữ Hán, diễn tả hoàn toàn theo cú pháp của văn thơ đời Đường.

(Còn nữa)



TÔN - THẮT - THUYẾT

Một ý
kiến của
Nhà Học
Giả Trần
trọng -
Kim



Trang 288 cuốn Việt-Nam Sử Lược, nhà Học-Giả kiêm Sử-Gia Trần-trọng-Kim có chú thích và bàn về hành động của Tôn-Thất-Thuyết bại trận trốn sang Tàu cầu cứu như sau đây :

— « Tôn-thất-Thuyết chạy lên ở Lai Châu nương tựa vào nhà họ Điều. Đến lúc nghe quân Pháp lên đánh liền bỏ họ Điều mà trốn sang Tàu. Con cháu họ Điều nói chuyện lại rằng : Khi Tôn-thất-Thuyết lên đến Lai-Châu còn có bốn, năm mươi người đi theo. Lên đây ở một độ, chém hết hơn 3 phần. Lại có khi toan hại cả nhà họ Điều nữa. Xem như thế thì ông Thuyết là một người cuồng dại mà lại nhất gan. Một người như thế mà làm Đại-Tướng giữ nước thì tài gì nước không nguy được ».

Lời chú thích và bàn của nhà Học-Giả Trần-Trọng-Kim, chúng tôi thấy có điều chủ quan, thiên lệch. Không biết có phải khi viết cuốn Việt-Nam Sử-Lược nhà Học-Giả họ Trần đã chịu ảnh hưởng phần nào về uy quyền thống trị của

* TÔ ĐĂNG MINH

Thực-Dân Pháp, kẻ thù số một của cha con Tôn-thất-Thuyết nên mới có lời chú thích và bàn trên đây đối với Tôn-thất-Thuyết chẳng ? Sở dĩ chúng tôi đoán như thế vì trong cuốn Việt-Nam Sử Lược nhà Học-Giả Trần-trọng-Kim đã dùng nhiều danh từ suy tôn người Pháp rất « Phong-Kiến ». Ví dụ gọi viên Đại-Úy (quan ba) Henri Billet đi hộ giá vua Đồng Khánh là QUAN ĐẠL ÚY Henry Billet (V.N.S.L. Chương XIV, trang 291, giòng cuối).

Tôn-thất-Thuyết là võ tướng, tính nóng nảy lại có quyền thế trong tay, tiền trạm, hậu tấu, lập Vua này, phế Vua khác, ai cũng khiếp sợ nên thời bấy giờ không mấy người ưa Thuyết. Bởi vậy, dân gian mới đặt ra mấy câu đồng giao sau đây :

« Nước Nam có bốn Gian hùng »
« Trùng gian, Viêm đốt, Khiêm khùng, Thuyết ngu »
« Lại thêm hai đứa võ phu »
« Đề Đức, đề Soạn đưa mu chịu đòn ».

Gian sảo là Nguyễn-văn-Trường, đốt nát là Hoàng-Kế-Viêm, điên khùng là Ông Ích-Khiêm, ngu muội là Tôn-thất-Thuyết, võ đồng vô mưu là đề đốc Nguyễn-văn-Đức và Trần-xuân-Soạn, hai tỳ Tướng của Tôn-thất-Thuyết.

TÔI THÂN OAN CHO TÔN-THẮT-THUYẾT

Lấy những câu đồng giao thời bấy giờ mà phê phán với sự chủ quan thiên lệch e rằng không đúng tư cách của một nhà Viết Sử vô tư chăng ?

Đề khỏi tử cho người đã chết, vì nước lưu vong, thân tang tại Long-Châu hôn u uất nơi Trưng-Quận, chúng tôi cần phải đem việc làm, thân thể của Tôn-Thắt-Thuyết và hai con của Thuyết là Thiệp và Đạm ra bàn lại để chứng minh cho lòng chung thủy của người đã khuất.

*** TƯỜNG GIAN NHUNG THUYẾT CÓ NGU KHÔNG ?**

Tôn - thắ t - Thuyết là giòng Nguyễn-Phúc họ Tôn Thắt nhà Nguyễn, triều Tự-Đức làm Tán Trương quân vụ cùng với Lạng Bình Ninh Thái Tổng đốc quân vụ Hoàng-kế-Viêm ra Bắc dẹp giặc...

Hồi bấy giờ ở đất Bắc có rất nhiều giặc giã, nội loạn. Nào giặc cờ Đen, cờ Vàng của Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng sùng Anh, giặc Châu Chấu của Cao - bá - Quát, Cai Tổng Vàng, của Lê Văn Phụng tục danh là Cai Tổng Nguyễn Văn Thịnh cùng với bọn giặc Khách Lý-Dương-Tài.

Quan quân nhà Nguyễn đã đánh mãi không được. Năm Tự Đức thứ 28, vào khoảng tháng 8 năm Ất Hợi (1875), Tôn thắ t Thuyết

đang làm Tán Trương quân vụ lĩnh Sơn Tây thì gặp bọn giặc Khách Cờ Vàng là một bọn giặc lớn nhứt hồi bấy giờ kéo đến đóng tại làng Châu Thương, phủ Vĩnh Tường, Vĩnh Yên nhìn sang bên Sơn Tây của Thuyết. Thuyết liền đem quân đến đánh. Trận đụng độ đầu tiên Thuyết đã giết được hằng hà sa số quân Cờ Vàng và bắt sống được Hoàng sùng Anh đem trị tội. Giặc Cờ Vàng từ đó lần lần tan rã. Năm sau, Thuyết lại giết được giặc tên Trần ở Cổ Loa và dẹp yên được những bọn cướp ở mạn Sơn Tây, Phú Thọ và Vĩnh Yên, Thuyết dụng binh rất tài tình. Thuyết đúng là một vị quan võ ngày xưa, tinh nóng nảy, quân-pháp rất nghiêm đối với con cái, gia nhân cũng vậy.

Truyền rằng, Thuyết đóng quân ở đâu luật lệ quân ngũ hết sức nghiêm minh. Binh lính dưới quyền Thuyết phải tuân theo một kỷ luật sắt. Nơi Tổng-Hành Dinh của quân đội Thuyết đóng phải yên lặng. Chớ không được sửa, gà không được gáy, mèo không được kêu, trẻ không được khóc, run dẽ không được kêu nghĩa là mọi vật xung-quanh phải tuyệt đối im lặng.

Dân gian thường gọi Thuyết là quan Trưng. Thuyết có quyền tiền trạm hậu tấu nghĩa là giết trước tàu sau ! Có khi giết rồi Thuyết cũng không cần phải tàu về Kinh

TÔI THÂN OAN CHO TÔN-THẮT-THUYẾT

nữa. Thuyết giết người không biết ghê tay, gớm máu. Năm mơ Thuyết cũng giết người.

Theo lời kể lại của những ông già bà cả đã được sống thời Thuyết làm tướng thì Thuyết chẳng những nghiêm minh trong quân ngũ mà thôi đến việc gia-dinh Thuyết cũng nghiêm như thế.

Lệnh của Thuyết ban ra là phải thi hành ngay không được trì trể. Đao Phủ quân luôn luôn cầm gươm đứng hầu bên Thuyết để chờ lệnh Thuyết. Một ngày ít nhứt Thuyết cũng giết hàng chục mạng. Bởi vậy, câu chuyện nhà họ Điều ở Lai Châu mà cụ Trần trọng Kim thuật lại trong Việt Nam Sử Lược là đúng. Trên án thư của Thuyết luôn luôn có một tờ cờ lệnh. Hễ Thuyết ném cờ lệnh xuống là một người chết. Nhiều lúc Thuyết đang ngồi ở Án thư xem sách có bóng người đi qua, Thuyết ném cây cờ lệnh xuống là Đao phủ đem người kia ra chém rồi dâng đầu cho Thuyết coi. Một hôm, Thuyết ngủ mơ gục trên án thư. Không hiểu Thuyết mơ những gì bỗng Thuyết hét lên một tiếng rồi vụt ngọn cờ lệnh sai đao phủ quân chém. Giữa lúc ấy, người vợ Ba của Thuyết đi ngang, người vợ Thuyết yêu quý nhứt lúc nào cũng cho đi theo trong quân ngũ, Đao Phủ

quan lo sợ không hiểu Quan Trưng vụt cờ lệnh giết ai ? Nhìn quanh quân chỉ có bà Ba, Đao Phủ Quân đành đem bà Ba ra chém đầu. Lệnh của Thuyết rất nghiêm minh dù là con hay vợ, hễ Thuyết ban lệnh chém là chém ngay không được trì hoãn, hễ trì hoãn là đao phủ quân bị chặt đầu. Bởi vậy, Đao Phủ quân thấy cờ lệnh vội đem người vợ Ba Thuyết ra chém. Chém xong đưa đầu vô dâng, Thuyết mới bừng tỉnh nhưng cờ ót đã ra lệnh Thuyết cũng làm thỉnh luôn. Có đau xót chỉ đau xót trong lòng mà thôi, Thuyết không bao giờ chảy nước mắt cả. Thuyết không khóc bao giờ. Thuyết luôn luôn giữ bộ mặt nghiêm trang, đầy sát khí. Lại một hôm Thuyết nằm mơ ném cờ lệnh giết người con trai nhỏ vừa trong phòng vẫn đi ra. Đao Phủ Quân đem đầu con trai Thuyết vô, Thuyết giật mình ôm lấy lạng người. Một người dầy tờ trung thành của Thuyết cũng bị Thuyết giết khi nằm mơ.

Thuyết đa nghi lắm. Hơi nghi là Thuyết giết ngay không cần suy xét. Trong một buổi khi Thuyết đóng quân ở Thanh - Hóa, Thuyết gặp một người đàn ông và một người đàn bà đang cãi nhau. Thuyết truyền gọi đến hỏi. Người đàn ông thưa rằng :



Vua Hàm-Nghi

TÔI THÀN OAN CHO TÒN-THẤT-THUYẾT

— Tôi mua bánh lá (tức bánh dò ở Bắc, tiếng thanh gọi là bánh lá) của Mụ ni, ăn 3 chiếc, mụ nhất định biếu tôi ăn những 4 tôi không chịu nên cãi nhau.

Người đàn bà bán bánh thưa :
— Hẳn ăn của tôi 4 cái, chối có 3 nên tôi không chịu.

Thuyết hỏi người đàn ông :
— Một chiếc bánh lá mi ăn mấy miếng ?

Người đàn ông thưa : — Dạ 3 miếng một chiếc.

Thuyết truyền quân mổ bụng người đàn ông ra coi số bánh ăn. Quả người đàn ông ăn có 3 chiếc bánh vì dấu cuống hòng ba nấc một cái bánh đã rõ rệt.

Thấy quan Tướng mổ bụng người đàn ông để khám bánh. Mụ bán bánh lo sợ chết ngất nhưng Thuyết đâu có tha về tội đồ oan cho người ăn. Thuyết truyền đem người đàn bà bán bánh ra mổ bụng, chém đầu.

Mỗi buổi tối, Thuyết ghét nhứt những tiếng động. Chỗ Thuyết đóng quân là Chó bị giết thịt cho khỏi sủa, mèo bị giết thịt cho khỏi kêu. Hằng đêm run để kêu vang, Thuyết bắt phải đào giết cho kỹ được.

Bởi vậy đêm đêm quân lính của Thuyết cứ phải thay phiên nhau cầm xâu xâu đất cho run để khỏi kêu. Chỉ vì tiếng run để kêu có khi lính bị chết oan.

Mỗi buổi sáng mai lúc Thuyết thức dậy là nhiều người bị

chết nhứt. Thuyết sũa tóc chống grom lom khom đứng như mê mẩn, như hốt hoảng, hề nghe tiếng động hoặc tiếng người đi là Thuyết sợ, ném cờ lệnh bắt chém. Vô phúc kẻ nào đi ngang là bị Thuyết giết rồi.

Tình tình của Thuyết hung ác, đa nghi như thế nên dân gian ai cũng ghét Thuyết. Chính khi bị Tây lừa đuổi chạy lên Lai-Châu còn có một số người tâm huyết mà Thuyết vẫn còn đa nghi giết không kể số.

Khi được về Kinh đề làm Phụ-Chánh Đại-Thần cùng với Nguyễn-văn-Tường, Thuyết chỉ biết có vì nước đánh Tây, còn mưu trí đều do Nguyễn văn Tường bày đặt ra cả. Tường gian hùng, còn Thuyết thời ngay thẳng, nóng nảy. Hễ nghe Tường bàn phải, có lý là Thuyết làm. Có thể nói Tường là lý trí, đầu não, còn Thuyết là hành động, tay chơn. Vua Tự-Đức băng hà. Tường đã xúi dục Thuyết lập Hiệp Hòa, Kiến Phúc rồi lại xúi giết đi đề lập Vua Hàm-Nghi. Giết Vua rồi lại lập Vua không phải Thuyết tham quyền cố vị mà Thuyết muốn dựa vô uy-tín của một đấng Quân vương anh minh để kêu gọi nhân tài và dân chúng đoàn kết kháng Pháp. Thuyết đã hy sinh cả nhơn, hy-sinh cả cuộc đời, cả danh vọng cho công cuộc tranh đấu Giải-Phóng Quê hương. Thuyết đã cảm thấy nhục nhã làm một tên

Dân hay là một viên Quan dù là Nhứt phẩm Đương Quan, Nhiếp Chánh Đại thần của một Triều-đình nô lệ, mất nước giữa lúc hàng trăm, hàng ngàn kẻ khác bo bo, giữ lấy chức phận, cúi đầu, khom lưng làm nô lệ cho bọn ngoại bang. Có lẽ Thuyết ngu vì thế. Thuyết ngu vì không biết gió chiu nào che chiu ấy. Thuyết ngu vì không đạt vận Nước, không biết mình và cũng không biết người, không cảm thấy cái sức nhỏ bé yếu ớt của một Nhục tộc Quốc như nước Việt Nam hồi bấy giờ mà dám đương đầu với «Quan Đại Pháp», tay không dám chống nhau với súng đồng.

Người đồng chi ruột của Thuyết là Nguyễn văn Tường mà người đời không cho là ngu lại cho là Gian Hùng mới là một kẻ chí ngu. Đối với Tường người Pháp khinh thường cho là hạng biền lận, lưu manh lừa thầy, phản bạn, theo đóm ăn tàn. Tường dựa vào Thuyết để hống hách, để vinh thân phi gia đến khi Thuyết thua chạy, Thuyết và các con đem vua đi ăn trốn thì Tường gian manh hơn ra đầu Tây để giữ miếng cơm, manh áo một cách dè hèn. Kẻ thù của Dân tộc là bọn Thực dân, một bọn lưu manh chủ trương dùng người Việt trị người Việt mà không thêm dùng hạng Tường vì Tường là kẻ gian manh chó không thể là tên gian

hùng được. Đầu Tây cốt để vinh thân, phi gia. Đầu Tây cốt để khỏi phải tội tù. Bao kẻ đánh Tây rồi lại đầu Tây đều được Tây nể và có khi trọng dụng. Riêng Tường chẳng những không được Tây dùng đến mà còn bị Tây sỉ vả, tống ra Côn-Đảo, rồi đưa đày ra đảo Haiti, Thái Bình Dương.

Cái quan định luận (đây nắp áo quan rồi mới đ nh công, luận tội) nay chúng ta đem hành động của Thuyết và Tường ra mà bàn, vậy Tường ngu hay Thuyết ngu?

Cứ như cụ Trần bàn trong Việt Nam Sử Lược thì chẳng những Thuyết ngu mà lại còn dốt nữa. Theo tôi Thuyết không ngu hoặc có lẽ vì thời gian cụ Trần viết cuốn Việt Nam Sử Lược là thời gian chính quyền Bảo Hộ của Tây đang dè dặt trên đầu nhân dân ta nên cụ Trần phải viết như vậy chăng? Tôi không dám tin như thế đối với một bậc tiền bối mà tôi vẫn hằng kính trọng, một bậc Thầy đã thông hiểu Hán học và Tây học há khi viết Sử, Cụ lại không nhớ chuyện ba Anh em người Việt Sử thời Thời-Từ thì Tề Quân?

Tình Thuyết có ác, có đa-nghi hay giết bậy nhưng không phải tình tình ấy mà bảo Thuyết là dốt được. Dốt tức là sợ và hèn. Nếu sợ, Thuyết đã khoan tay đứng trước sức xâm lấn của

quân Pháp, Thuyết không dám xông quan Cựu-Thần kể chuyện khởi binh đánh Pháp bằng một đội quân Phan Nghĩa của Thuyết đã chiêu mộ cho triều-đình ngày 23 tháng 5 năm Ất-Dậu (1885).

Khi De Courcy đến Huế cho đòi Tường và Thuyết sang hầu. Thuyết không đi chỉ có Tường sang mà thôi. De Courcy hỏi đến Thuyết thì Tường bảo Thuyết đau. De Courcy hách-dịch bảo khiêng Thuyết sang hầu. Thuyết uất ức nhất định không chịu sang.

Việt-Nam Sử Lược trang 281, Cụ Trần-Trọng Kim đã tả hình dáng của Thuyết và phê bình hành động của Thuyết khi cưỡng lệnh De Courcy không chịu sang hầu, chúng tôi thấy không được vô tư:

— Đến ngày 19 tháng 5 năm Ất Dậu, Thống Tướng De Courcy đem non 500 quân đi Tàu vào Huế. Triều-Đình cử hai quan Đại Thần theo quan Khâm-Sứ Pháp là ông De Champeaux ra đón quan Thống-Tướng ở cửa Thuận-An. Sáng hôm sau, Thống-Tướng cho đòi hai quan Phụ-Chánh sang bên Khâm-Sứ để định việc vào yết-kiến vua Hàm-Nghi.

Hai ông (Tường và Thuyết) lúc bấy giờ còn đang lừng lẫy, việc triều chính ở trong tay mình cả mà thấy Thống-Tướng làm sự đường đột như thế cũng đã tức giận lắm. Lại cứ như lời mấy

lại thì ông thuyết là quan Văn làm Tướng Võ nhưng hình dáng thời không được thanh tú, đầu thì trọc, người thì béo và đen, cách đi đứng thì không được chững chạc, sự giao thiệp và đối đáp thì không sành. Xưa nay chỉ lấy quyền thế mà dè nèn người ta, hơi một tí thì lấy sự chêm giết làm oai. Đến khi phải ra theo lễ bang giao mà đối với một người tướng ngoại quốc như ông De Courcy thì trong bụng khiếp sợ không biết ra như thế nào.

Ông Tường thì là một ty giao thiệp giỏi lại có nhiều mưu cơ và tài nghệ ừng biển cho nên lúc ấy chỉ có một mình ông Tường sang ra mắt quan Thống Tướng De Courcy mà thôi, còn ông Thuyết thì cáo bệnh không sang. Thống Tướng thấy vậy bảo đau cũng phải khiêng sang.

Ông Thuyết không sang hầu De Courcy có phải vì ông Tường xấu béo và trọc đầu, đi đứng, nói năng không được chững chạc, sự giao thiệp đối đáp không được sành hay vì ông Thuyết ghét mặt những tên trùm sở cướp nước ông mà ông không thêm sang. Nếu quả ông Thuyết không sành việc giao thiệp thời ông hãy bắt chước những bạn đồng liêu của ông hồi bấy giờ cũng như sau này là cứ việc cúi gập lưng xuống, vênh tai



Nguyễn Văn Tường

lên mà nghe, miệng luôn luôn « dạ » để cầu mong lấy sự thương hại của De Courcy lẽ nào không được.

Hành động của Thuyết là hành động ái quốc. Thuyết chỉ biết có Tổ-Quốc nên Thuyết đã gánh bao nhiêu điều thiệt hại chẳng riêng gì cho cá nhân Thuyết mà cho cả gia đình Thuyết nữa. Người như thế chúng ta có thể cho là ngu và dốt không ?

Nếu Thuyết cứ bo bo an phận với chức Phụ Chánh Đại Thần thì Thuyết cũng như Hoàng-Cao-Khải, Nguyễn-Thân, Lê-Hoan, Hoàng-Kế-Viêm v.v... chớ đâu đến nỗi cha Thuyết là Cu Tôn-thất-Đĩnh bị Pháp bắt đày ra Côn-Lôn, 2 con Thuyết là Tôn-thất-Đạm, Tôn-thất-Thiệp kẻ bị đâm chết, kẻ treo cổ tự vẫn chết, còn thân Thuyết thành một ông Già chém đá bỏ xác ở Long-Châu và con rể là Nguyễn-thượng-Hiền cũng phải lưu vong bên Trung-Quốc.

Thất bại trong trận tập kích quân đội Pháp ở Huế ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, Thuyết mang Vua Hàm-Nghi ra trú ở Quảng-Trị rồi một mình lặn lội ra Bắc cầu cứu với Càn Vương đất Bắc. Khi Vua Hàm-Nghi bị tên Việt Gian Trương-quan Ngọc và tên Tinh đầu Pháp phản bắt tại làng Thanh Lang và Thanh Cuộc, Tôn-thất-Thiệp,

con Cả Tôn-thất-Thuyết đang ngủ, giết mình thức dậy cầm gươm ra phòng giữ nhà Vua, bị tên Ngọc lén đâm chết. Thấy Thiệp chết, tên Ngọc làm phản, Đức Hàm-Nghi liền trao gươm cho tên Ngọc rồi bảo : « Giết tao đi còn hơn đưa tao về nạp cho Tây ».

Giữa khi tên Ngọc bắt Đức Vua giao cho Tây thì người con thứ hai của Thuyết là Tôn thất Đạm ở Ngàn Trươi Hà-tĩnh nghe tin, liền hội các tướng sĩ lại truyền cho ra thú để về yên nghiệp làm ăn rồi viết hai bức thơ : một dâng Đức Vua Hàm Nghi đề xin tha tội lạt; tôi không cứu đảng Vua ; còn một gửi Thiếu tá Dabat đóng ở đồn Thuận-Bãi xin cho bọn Thủ Hạ ra đầu thú.

Viết xong thơ rồi, Tôn-thất-Đạm nói rằng : « Bây giờ bọn Pháp muốn bắt ta thì vô tìm mã của ta trong rừng này ». Đoạn Đạm thắt cổ tự vẫn chết.

Thật là cha Hồ sanh con Hồ không mang tiếng cho dòng giống nhà Thuyết vậy. Phê bình về hành động của hai người con Tôn-thất-Thuyết, nhà Học Giả họ Trần viết như sau đây : « Ông Tôn-thất-Thuyết làm Đại Tướng mà cư xử ra một cách rất hiền nhạt không đáng là người trọng phu chút nào. Nhưng hai người con thì thật là bậc thiếu niên anh hùng có thể che được cái xấu cho cha vậy ».

Trong đời người, ai cũng có sở đoản và sở trường, ai cũng có tính tốt và tính xấu, vậy cái tính đa sát của một vị tướng như Thuyết có đầy đủ quyền hành đâu phải là xấu. Và lại có riêng gì Thuyết là đa sát trong lúc bấy giờ. Lê Hoan giết người nổi tiếng ở đất Bắc, Tống Đốc Lộc ở miền Nam, Nguyễn Thân ở miền Trung, là những kẻ xu thời bán nước, hành động nhiều điều đê hèn, bỉ ổi như vụ Nguyễn Thân đốt xương cụ Phan đình Phùng để trả thù Cụ Phan .đám đánh Tây» và không chịu đầu Tây bán nước như Thân.

Cha già bị đày ra Côn Đảo, hai con chết một cách đau thương chỉ vì hành động ái quốc của Tôn thất Thuyết. Rồi vì Thuyết không chịu được cảnh cúi lòn, không chịu được cái nhục vong quốc nên đành lang thang ở đất Long Châu. Chiều chiều tại Long Châu, Tôn thất Thuyết uất hận nhìn về phía Nam, mặt cau, lòng căm uất, giang tay rút gươm chém lên những phiến đá cho hả giận căm thù mất nước. Dân chúng Long Châu lấy làm lạ vì hành động chém đá của ông già nước Việt.

Rồi tháng 7 năm Giáp Dần (1913), Thuyết chết ở Long Châu. Thuyết chết vì uất hận ngập lòng son, căm thù trào máu đỏ. Thuyết chết chỉ có người con rể thân yêu là cụ Nguyễn thượng -

Hiển, một nhà Chí sĩ Việt Nam đồng thời với cụ Phan bội Châu, cụ Huỳnh thúc Kháng v.v... đến thăm viếng, ma chay.

Các Nhân sĩ ái quốc Trung Hoa cũng như các nhà Cách Mạng Việt Nam lưu vong ở đất Trung quốc đến viếng Thuyết đôi câu đối :
— Thù Nhung bắt cộng đại thiên, vạn cổ phượng danh lưu Tượng Quận.

— Hộ giá biệt tâm tinh địa, thiên niên tàn cốt kỹ Long Châu.

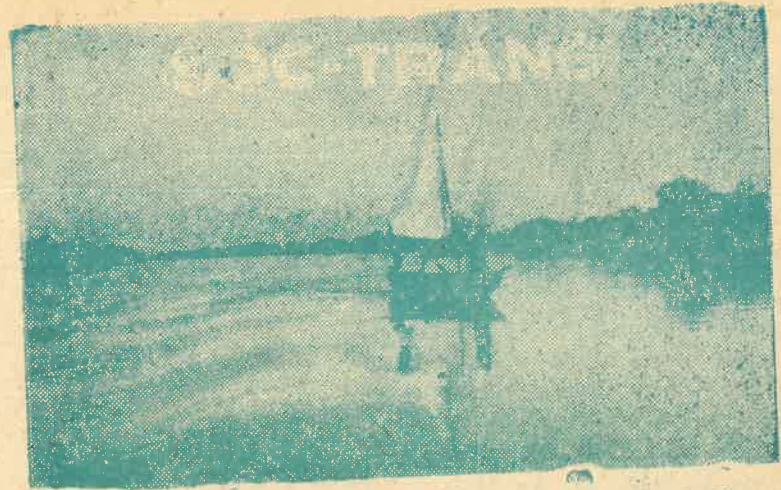
Tạm dịch :

— Thù ngoài không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng Quận.

— Giúp chúa riêng tim cõi khác, ngàn năm xương bạc gói Long - Châu.

Hai câu đối đã tả rõ hết nỗi lòng Thuyết và hành động ái quốc của vị Đại tướng nhà Nguyễn trước nạn xâm-lãng của bọn thực dân Pháp. Thế mà trong Việt Nam Sử lược của nhà Học giả Trần trọng Kim nở nào hạ bút chê chưởi Thuyết như thế cho đành !

Quả thật là oan cho Tôn thất Thuyết vô cùng.



★ VƯƠNG ĐỨC HÀ

Ba-xuyên đi dễ khô về,
Trai đi có vợ, gái về có con !
(ca dao).

(Tiếp theo P. T. số 23)

N GÀY nay tỉnh Sóc-trăng và tỉnh Bạc-liêu hợp lại thành một tỉnh Ba-xuyên rộng lớn.

Sau khi đã đánh một vòng phía Bắc Sóc-trăng, chúng ta lại trở về phía Nam.

Qua Phi - trường Ba - xuyên trên con đường ngồng-ngoè ngót 5 cây số, chúng ta đến Hòa tâm (Xài-tim) nay đổi Đại-tâm rồi đến Xài-ca-nà (Nhu-gia). Từ vùng này tới mặt Nam, chí biên Nam - Hoa toàn là đất cát và dân chúng chuyên về đa-canh.

Nhà nông không hề được rảnh việc. Mùa mưa họ dọn đất làm ruộng. Mùa nắng thì lo trồng trọt, rẫy bãi. Dưa hấu và bắp cải Xài-ca-nà được danh tiếng lắm. Từ mấy năm nay, khắp tỉnh nơi nào cũng có trồng dưa hấu. Đến như bên «cồn» người ta cũng trồng được dưa hấu, song có miếng mà không có tiếng. Thật ra khôn có dưa hấu nơi nào bì-kip dưa hấu Xài-ca-nà !

Dưa hấu có 2 loại : loại sớm được trái, và loại hái trái trễ. Loại sớm được trái là loại dưa xấu; từ ngày gieo hạt đến ngày hái trái chỉ mất 50 ngày thôi. Còn loại sau là loại dưa tốt trái, tới 60 hay 70 ngày mới ăn trái được.

Hình thù trái dưa hấu không phân biệt được. Hầu hết có thứ dưa ruột vàng và dưa ruột đỏ. Đặt biệt là nếu ta bón phân tôm (có nhiều chất vôi) thì dưa ngon bạc nhứt, ngoài ra các loại phân khác thì thua xa.

Dọn đất trồng dưa cần có công kỹ. Ngoài đồng rất hợp cho việc trồng dưa. Tụ trung là phải bón phân 2 lần, từ ngày gieo hạt đến trổ hoa. Kỳ đầu bón mặn còn kỳ sau bón lạt. Mỗi dây chỉ để vài trái là cùng. Chỉ dưa nhứt và nhứt là có giá-trị thối, dù nhỏ trái.

Năm nào dưa trúng và có giá thì mỗi công dưa có thể bán được từ 8 đến 15 ngàn đồng. Dưa hấu rất sợ mưa. Năm nào mưa muện và còn sót đến tháng 11 tức nhiên năm ấy thất bại mùa dưa hấu...

Qua khỏi Nhu-gia chúng ta tới chợ Phú-lộc (nay là quận Thạnh trị). Hai cây cầu Nhu-gia và Phú-lộc đã xây xong năm 1957, nên sự giao thông rất thuận tiện. Theo đường liên-tỉnh chúng ta tới Bạc-liêu (quận Vĩnh-Lợi) qua Trà-khuôn và Cái-Dây.

BẠC LIÊU



Bạc-liêu là xứ quê khờ,
Dưới sông cá trớt, trên bờ
Triều châu,
(Ca-dao)

Bạc-liêu cũng thường gọi là Po-liêu (âm tiếng Tàu — Pó = thứ dăng ngăn cá ở sông rạch; liêu : chòi nhỏ).

Khi xưa trên bờ sông Bạc-liêu chỉ có một nhóm người Trung hoa đến lập nghiệp. Họ chuyên nghề lưới cá trước. Dưới sông dăng ngăn cá; trên bờ cất những cái chòi nhỏ nhỏ để ở và giữ dăng, dấy...

Hiện giờ về phía Đông — Bạc Bạc-liêu có ngôi chùa Miên rất lớn. Kế bên ấy chiếm cứ một ngôi trường Tiều-học, mang danh trường Po-liêu...

Dân Bạc liêu quê khờ hay không thì không biết; chớ về câu « tám » (ca-dao) ở dưới thì thật là đúng. Sự buôn-bán trong thành phố đều gồm trong tay người Tàu. Còn dưới sông nước mặn có cá trớt rất nhiều. Đó là loại cá ở khắp các sông. Thân nhỏ chừng bằng ngón tay, không vảy, bụng trắng, lưng hơi đen. có 2 ngạnh rất sắc. Cá trớt sống từng bầy rất nhiều — vài trăm đến vài ngàn con — Mùa nước lên, hàng bầy cá tràn lên theo các đường

mương, hào rãnh trong thành-phố. Nhưng ít ai ăn, chỉ làm phân và nấu nước mắm vì chúng nó ăn toàn phân.

Thành-phố Bạc-liêu hơi hẹp so với Sóc-trăng. Bạc-liêu không có mặt hậu. Đường phố ít sửa-sang nhứt là sau khi đổi thành quận. Chợ Bạc-liêu có nhiều cá biển do những vùng biển đem tới.

Theo con đường trải đá — nay đã tróc đá vì thời-gian — đi về phía đông tới Vĩnh-châu qua Vĩnh trạch, Lai-Hòa, Vĩnh Phước; dân trung hoa sống rất đông.

Phía Đông-nam chợ Bạc-liêu, qua cầu sắt có con lộ đá chạy thẳng ra biển. Tại nơi này có đền cá Ông thờ đã lâu đời. Kể từ đó có con đường đất cát chạy dọc theo ven biển về phía đông - bắc song song với con đường về Vĩnh châu. Con đường này không hẹp nhưng hơi bất-tiện. Mùa nắng thì khô, cát nổi lên, các thứ xe khó chạy. Còn về tháng mưa thì lầy - lội lại càng khó giao - thông hơn.

VƯỜN NHÂN

Hai bên quảng đường từ Vĩnh trạch ngoài cho tới Lai-Hòa ngoài (Prey-chóp) là vườn nhân. Những

cành nhãn oản trái về tháng 7, tháng 8 là-là trên mặt đường. Những chùm trái tròn mọng nước màu xam xám lung-lay theo chiều gió thu như đang chào đón du-khách. Mùi thơm ngào - ngạt tỏa khắp nơi. Những khúc - nhạc sấu do những chú chim đồng trời lên như ru-lòng khách viễn-phương...

Trong đám nhãn xanh um, lơ-thơ ăn hiện vài mái nhà lụp-xụp, tối tăm. Ta có thể vào bất cứ một mái nhà nào cũng được biệt - đãi cả. Dân ở đây thành thật và hiền-lành lắm dù họ ít hiểu tiếng Việt.

Nghề trồng nhãn lợi to lắm. Trung bình một gốc nhãn bán trên 1 ngàn đồng. Nếu một gia đình trồng từ 100 đến 200 gốc; số huê-lợi thâu vào hằng mùa không thể kể.

Hàng năm đến tháng 7 tháng 8 là hái nhãn được. Sự chăm nom nhãn không phải là việc dễ. Lắm công phu. Chủ vườn nhãn treo những chiếc thùng thiếc liên-tiếp nhau trên cành nhãn, nối nhau bằng sợi dây. Ngày thì chận chim. Đêm thì đuổi dơi — nhứt là dơi quạ — mỗi con có thể ăn vài trăm trái trong một đêm. Người chủ vườn ngày đêm luân phiên giữ nhãn. Độ giầy lát, họ giựt « đây

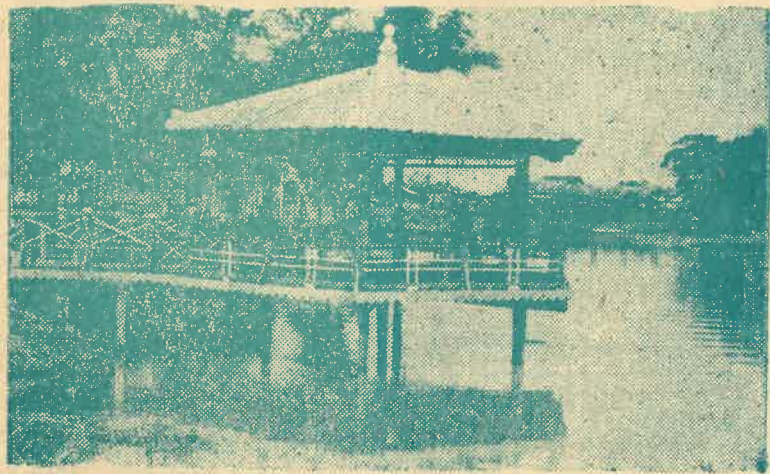
dại » thì trong vườn, tất cả những thung đều khua vang rầm-rầm làm rền vang cả khu vườn. Nếu chúng ta không hiểu trước mà lọt vào đó, có lẽ chúng ta hoảng lắm !

VĨNH CHÂU

Vượt 29 cây số, chúng ta đến Vĩnh châu. Vĩnh châu còn gọi Trà - nhô. Không hiểu sao gọi vậy ?

Còn Vĩnh châu thật ra là Vinh châu (vùng đất mới bồi).

Vĩnh châu trước kia là quận, sau đổi thành Tổng Thạnh Hưng.



Nhà mát trên sông Sóc-trăng (Baxuyên)

Giờ đây có văn phòng Phụ-tá Quận Trưởng đặt tại chợ. Chợ Vĩnh châu khá lắm. Phố, lâu sạch sẽ, chưng dọn đẹp mắt. Dân đông. Người Tàu có tới 60% trong số người Việt và Miên.

Phía nam chợ Vĩnh châu có con lộ ra biển, lối cây số gặp con đường từ vườn nhãn đi lên tạo thành ngã tư giòng biển. Chịch về hướng tây lối 500 thước có ngôi miếu.

PHƯỚC - HƯNG
CỔ MIẾU

Miếu này còn gọi chùa « Xà-bế » (âm tiếng tàu : ngựa cây). Miếu rộng lối 2 căn nhà, xây trường gạch, mái ngói. Bên trong thờ 3 vị thần (ông « bôn »). Hai bên vách vẽ hình xưa. Trong những bức hình ấy có hình 3 anh em Lưu bị, Quan-Công, Trương Phi kết nghĩa tại vườn đào. Trước miếu có 2 cây điệp (phượng) rất lớn, sống trên 50 năm. Đầu mùa mưa điệp trở hoa đỏ cành — trở 2 lần — năm nào trở hoa trẻ là mưa muộn.

Theo vài ông lão trong xóm kể lại thì cách đây lối 100 năm trước miếu là bãi biển. Rừng rú um-tùm. Một vài gia-đình Trung-hoa đến lập-nghiệp. Lăn-lăn thêm đông, sống lẫn lộn với người Cao-miên. Khi ấy ở nơi này có cọp thường phá rối sự an-ninh, làm vẩn đục đời sống yên tĩnh của dân quê. Nhưng nhờ sự đoàn-kết họ tiêu trừ được loài thú dữ.

Và cũng vào khoảng ấy, con ngựa bạch của vua Cao - miên (?) chạy lạc đến vùng này. Vua cho người theo tìm. Nhưng vẫn bật tăm. Ít lâu sau, trên bãi biển có khúc gỗ giống hình con ngựa từ đâu trôi dạt đến. Từ mờ sáng,

nhiều người trông thấy « con ngựa cây » chập chòn trên sóng biển. Sáng ra dân chúng hay tin đổ xô ra xem. Mọi người đều ngỡ rằng mảnh gỗ ấy là « hiện-tinh » của con ngựa nói trên. Họ truyền ra thẩu tới tai nhà vua Miên. Vua truyền cho em gái cùng số cận thần tức-tốc họp dân cử hành « đám phước » cầu siêu vong hồn cho con ngựa thân yêu. Do đó, dân bèn lập đền thờ tiếng gọi « xà bế ». Trước miếu trồng 2 cây thốt-nốt để làm kỷ niệm. Đến năm Thìn, trận bão làm ngã một cây. Còn một đến năm 48 lính Pháp bắn gãy ngọn và tiêu luôn.

Mấy năm gần đây, sau giặc già, dân quê vẫn sống yên ổn và một lòng thờ « thần mã », để tỏ lòng tri-ân bèn hợp lực dựng lên ngôi miếu đẹp hơn, ngoài cửa đề : « Phước hưng cổ miếu. »

Mảnh đất kế ngã tư (còn gọi Long-Hải) trước năm 45 quân đội Pháp lấy làm sân bay. Do đó, anh em họ Trần-Trinh... có máy bay hay đậu sân này. Người ta thường gọi anh em họ Trần Trinh

là Hắc công Tử và Bạch công Tử vì chúng đã từng gây sóng gió khắp tỉnh Sóc-trăng — Bạch-liêu này. Mà danh từ công tử Bạch-liêu cũng ám chỉ anh em họ ấy !

Nhân dân miền duyên hải Bạc-liêu sống về nghề biển và ruộng rẫy. Công việc biển gồm có : đánh lưới, dẫy xiệp (lưới te hay lưới tép), lưới rọ, lưới chì, đặt nò... Nơi nào cũng chuyên nghề rẫy và nghề ruộng. Địa thế cao ráo ; đất khô, hiếm nước, ít sông, nước mặn và phèn, nên mùa màng hay thất.

Nói đến vùng này, chúng tôi không quên nhắc đến vấn đề muối. Thật vậy, nạn muối gớm lắm ! Ban đêm nghe muối kêu mà lạnh mình ! Người ta ví « muối kêu như sáo thổi » thật không ngoa chút nào. Đến nỗi những trường ở vùng xa phải hung muối trong lớp mới ngồi yên học được. Thật thảm đạm quá !!!

Đường lên xứ Mỹ công công,
Lộ xe vắng lạnh, đời nông
gấp-ghenh t

Một buổi sáng về mùa mưa, trời không đẹp lắm, chúng tôi cả thấy năm người đi Mỹ - Thanh bằng xe đạp. Đường xa bằng - bằng 24 cây số. Sở dĩ chúng tôi tổ-chức đi xe đạp là vì đường ấy không có xe chạy tới cửa Mỹ - Thanh. Và lại, chúng tôi cũng ham thích thể-thao lắm lắm !

Đi Mỹ - Thanh có hai ngã : ngã phía Đông và phía Bắc. Đường không trải đá chỉ toàn bằng cát.

Qua cầu phía Bắc chợ Vĩnh - châu, vượt 12 cây số, chúng tôi đến xã Lạc-Hòa. Đoạn đường này chỉ có vài chuyến xe trong một ngày thôi. Hai bên đường có cây cao che bóng mát. Thỉnh thoảng hiện ra một khoảng trống, nhìn đồng ruộng bao-la chạy dài tằm - tấp đến rặng cây xa xa. Người Tàu, Việt và Miên ở rải rác khắp nơi...

(Còn nữa)

SINH HOẠT VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI PHÁP

★ GUSTAVE MEILLON

Bạn đọc PHỒ-THÔNG đã biết ông Gustave Meillon, Chủ tịch hội Việt Pháp ở Paris và giáo sư Việt-ngữ tại trường Đại-học sinh ngữ Á-Đông ở Thủ đô Pháp. Trước ông có sang viếng Việt Nam do chính phủ Pháp phái qua để nghiên cứu tình hình văn hóa nước ta từ sau chiến-tranh. Ông có tiếp xúc với rất nhiều giới Trí-thức và Văn-học Việt Nam ở khắp nước. Hôm 18-10, ông có diễn thuyết tại Trụ sở Phái bộ Văn hóa Pháp ở Saigon về vấn đề « Văn hóa Việt Nam ở Pháp ». Ông diễn thuyết bằng tiếng Việt, và ông nói rất hùng hồn lưu loát, được rất đông thính giả nhiệt liệt hoan nghinh. Bài thuyết trình của ông chưa được nhiều báo cáo rất ích lợi về địa vị của Văn hóa Việt Nam ở Pháp và thái độ của sinh viên Việt Nam đối với Văn hóa của Đất Nước ở nơi đất khách quê người.

Bạn đọc PHỒ-THÔNG ở Paris, Bordeaux, Montpellier, Lyon, Marseilles, có ý kiến gì về vấn đề này không ? Chúng tôi mong các bạn tham gia thảo luận.

Giáo sư Meillon có nhã ý gửi bài thuyết trình của ông cho Phồ Thông. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn giáo sư, và xin dâng nguyên văn như sau đây để quý Độc giả đồng tâm.

N. V.

T
hưa quý ngài,

Thưa quý ông, quý bà, quý bạn,

Có lẽ không một ai là không biết rằng nhiều vạn người Việt-Nam hiện đang sống ở Pháp. Đối với nhiều người trong số đó, những biến-cố trong vòng hai mươi năm gần đây là lý-do chính đã khiến họ phải rời quê - hương xứ-sở. Trước hết là những thợ - thuyền, gọi là « thợ không chuyên môn », đã sang Pháp trước kỳ thế-chiến thứ-nhì mà thêm vào con số những người Việt-nam đã ở sẵn đó. Họ cốt để thay - thế những người Pháp bị động - viên để bảo-vệ đất nước. Rồi khi cuộc xung-đột kết liễu ở Âu - châu, chính nước Việt nam cũng đã

trải qua một thời-kỳ chiến - tranh thảm khốc trên đất này, với tất cả những cảnh nghèo nàn, tang - tóc và tàn-phá. Bấy giờ nhiều lớp người cũng đã di-cư từ Việt-nam sang Pháp. Gần đây, từ khi người ta đã tỏ ra khôn-ngoa hơn sau những sự hy - sinh, mà một phần chỉ có tính-cách tạm - thời, như cuộc phân-chia Việt - nam ở Bến-Hải, có thêm những làn sóng Tây-du khác nhỏ hơn. Nước Việt nam độc-lập thấy rõ rằng thành-lập những ngành chuyên-viên trong mọi ngành là một điều thiết-yếu. Do đó nhiều sinh-viên đã được gửi đi ngoại - quốc, nhất là đi Pháp, vì họ không thể thân - thái được ở nước-nhà tất cả những hiểu biết cần-thiết. Vì vậy mà ở Pháp hiện có tới hơn bốn ngàn thanh-niên đang theo đuổi việc học về mọi ngành, ở những trường đủ loại.

Phải chăng như thế là số người quan-trọng ấy chỉ còn vài dây liên lạc lỏng-lẻo với tổ - quốc họ? Chẳng-chẳn rằng một số thợ-thuyền đã lập gia đình tại chỗ, đã sinh con đẻ cái và có nghề sinh - nhai như bất-cứ người thợ Pháp nào. Cũng chắc-chắn rằng một số gia đình Việt-nam đã sinh - cơ lập-nghiệp ở Pháp trong những điều-

kiện có thể gọi là vĩnh-viễn. Cuối cùng, hiển-nhiên là một số sinh - viên còn nấn ná quá lâu tại vài trường nào đó, để giết hết mảnh bằng nọ đến mảnh bằng kia, rồi xong những năm học dài đằng - đẳng ấy, đã kiếm được một số-làm. Sở-làm ấy, trong các cơ-quan kinh đ anh, sẽ giúp họ đem ứng-dụng những hiểu biết về lý-thuyết của họ, khiến họ có thêm nhiều kinh-nghiệm thực-hành, mà đầu sao, ta cũng không phủ-nhận được tính-cách hữu-ích.

Nhưng ta chỉ cần quan sát gần hơn một chút lối sinh-hoạt của những người Việt nam ấy là nhận thấy rằng sự thật khác xa bề ngoài. Nhiều người đã khéo tạo ra cho mình, trong phạm-vi gia đình họ, một khung - cảnh nhắc lại được quãng đời niên - thiếu của họ. Nhiều người, tùy số thì-giờ mà họ dề ra được, tùy số vật - phẩm mà họ mua được, vẫn ăn theo lối Việt - nam. Số khách ăn cũng không phải ít trong những tiệm ăn V.N. khá nhiều, ở Ba-lê cũng như ở những thành-phố chính các tỉnh, là một bằng-chứng rõ-ràng. Rồi những ngày hội-hè lớn trong năm là những dịp cho các cuộc hội-hợp trong đó người ta nói

chuyện về xứ sở, người ta trao-doi những tin-tức từ nước nhà sang. Trong dịp Tết và ngày Quốc-khánh, các cuộc vui chơi, tổ-chức công-cộng, hấp dẫn hàng ngàn người tham-dự. Ai nấy đều sung-sướng được chung sống, đầu là trong khoảnh-khắc, trong phút thông-cảm với các đồng - bào ở nước nhà. Dĩ-nhiên là trong cảnh tha-hương, lòng nhớ quê - hương đã xâm-chiếm tâm-hồn họ...

Rồi đều đều, mỗi chuyến tàu, mỗi chuyến máy bay lại đem về đất nước Việt-nam một vài đứa con yêu-dấu; và còn mong gì hơn thế nữa, vì xứ-sở này vẫn cần đến tất cả các con-dân, xứ-sở còn cần đến những chuyên - viên đã được đào - luyện kỹ - càng, mà không đòi-hỏi một khả - năng chuyên - môn quá cao, Xứ - sở đã và còn hiến cho họ một phạm-vi hoạt-dộng rộng-rãi trong đó, hơn bất cứ nơi nào khác, họ sẽ thực-hiện những hoài-bảo của họ đúng với khả-năng của họ, thích hợp với bản-phận công-dân của họ, trong đại gia đình tổ- quốc.

Những cuộc « ở Pháp về » ấy thường là những dịp cho họ kể lại, trong những lúc trà dư tửu

hậu, đời-sống của họ ở một nơi xa-cách ngàn trùng ra sao, với tất cả những nỗi vui - buồn, thương-nhớ, những mối hy-vọng, những phút ngã-lòng, nhất là trong khi không ai là bà-con thân-thích. Họ tả lại những nơi-chốn đầy kỷ-niệm mà họ đã lui-tới, những khung-cảnh quen thuộc mà họ hãy còn luyến-tiếc. Thế là đôi khi, một mối u-hoài khác lại chớm dậy trong lòng, và họ lại mơ-tưởng đến một cuộc viễn-du mới.

Tuy vậy, mặc dầu tất cả những tâm-sự ấy, dầu tất cả những mẫu chuyện ấy, ta, vẫn còn có thể dừng lại đôi phút mà không sợ thành nhàm-lời, để nói về cục-diện chính của đời sống văn-hóa Việt-Nam ở Pháp, và thử phác họa những nét chính về đời sống ấy.

Chúng ta đang ở ngoại-quốc. Nếu chúng tôi nhấn mạnh vào sự hiển-nhiên đó, lý-do là, ngay từ buổi đầu, phải nhận-thức rằng những điều-kiện sinh-hoạt khác nhiều, và nhân đó, cả sự hoạt-dộng của mỗi người cũng khác, mặc dầu về nhiều điểm, vẫn có thể so-sánh được. Một thí dụ sẽ giúp ta hiểu ngay. Ở Sài-gòn, và ngay ở những nơi khác, có

những hội văn-học. Một vài buổi tối nào đó, văn-nghệ-sĩ tụ-hợp lại; trong bầu không-khí đầy hương-vị của tao-nhân mặc-khách, và, nếu có thể, dưới ánh trăng sáng dịu, họ sẽ trình bày tác-phẩm của họ, những lời thơ nhẹ-nhàng, những câu văn chải-chuốt. Rồi họ ngâm ngợi; họ phê-bình những tác-phẩm ấy mà, nhiều khi vì nhún nhặn hay vì dè-dặt, tác-giả không đề-phò-biến. Trái lại, ở Pháp, theo chỗ chúng tôi biết, thì không có được những cảnh như thế trong giới Việt-nam. Ở đó, những hoạt-động văn-nghệ thuần-túy thường hiếm-hoi, trừ vài trường-hợp đặc-biệt, gặp dịp thuận-tiện để tự-do thực-hiện, vì sinh-hoạt văn-hóa Việt-Nam hầu như thuộc cả về phái thanh-niên mà mỗi bản-khoản đáng kể nhất là sự thành-công trong việc học, tiên-triệu của sự thành-công trong cuộc sinh-hoạt mai sau.

Những kẻ chủ-động trong đời-sống văn-hóa ấy chính là những học-trò, và tiếng « học-trò » này, chúng tôi muốn hiểu theo một nghĩa rộng nhất là những « người còn đi học ». Người ta gặp họ trong tất cả những thành - phố Pháp, rải-rác và biệt-tịch trong

các đô-thị nhỏ ở tỉnh. Họ là những học-sinh trường trung-học này hay trường trung-học nọ; họ là những sinh-viên, ở các viện đại-học mà chúng tôi thấy rằng vài nơi hình như được họ ưa-thích hơn: Marseille, Montpellier, Toulouse, Bordeaux, và nhất là Ba-lê. Họ theo học ở đây các môn học khác nhau, tùy theo sở-thích của họ: y-học, dược-học, luật-học, và gần đây — một điều rất đáng mừng — những môn thiên về kỹ-thuật.

Là nội-trú hay ngoại-trú, đời sống của họ không có thay-đổi chi-nhiều. Suốt ngày họ có mặt ở giảng-đường hay ở thư-viện, tận-dụng số thì-giờ mà họ có, và thức thật khuya để khỏi chậm-trễ trong việc học hỏi. Như vậy, đa số các sinh-viên làm việc, học - hành và tiến-bộ khả-quan. Những người giỏi nhất, khi thi đậu, được báo-chí nêu danh, và đó là lễ đương-nhiên. Nhưng cũng cần phải thừa-nận công phu của những kẻ khác, những kẻ dầu không có những thành-tích vẻ vang cho lắm, cũng không vì thế mà không thành-công trong việc học, và không góp phần vào việc biểu-dương thanh-danh xứ-sở ở ngoại-quốc.

Cơ-nhiên cũng có những lệ-ngoại. Vài người lễ bước từ lớp này qua lớp khác, ném hết trường-nọ đến trường kia, và dành tất cả ngày-giờ quý-báu cho các cuộc-du-hí sẵn-sàng đón rước họ: kết-cuộc, họ không đạt đến một thành-quả nào đáng kể. Trường-hợp các sinh-viên ấy tương-phản với các trường-hợp trên rõ-ràng đến nỗi nó có một giá-trị quan-trọng quá-đáng để gán cho sự thật một tính-cách không hay mà ta phải biết là chưa đúng.

Sự thật buộc ta nói rằng những lệ-ngoại ấy sẽ hiếm hơn nữa nếu con-em được hướng-dẫn cẩn-thận hơn. Nếu các bậc phụ-huynh sáng-suốt hơn. Có một thời-kỳ mà thanh-niên có trong tay những số-tiền khổng-lồ, tiêu-xài vô ý-thức, hoang-phí không giới-hạn. Chính họ lôi-kéo đến với họ những cám-dỗ của sự vui chơi đủ loại, và đi đến chỗ bỏ-bê học-hành. Thời-kỳ đó đã qua, nhưng các bậc phụ-huynh không nên quên rằng họ phải tính-chop đủ mức những nhu-cầu của con-em, và sự quá-độ nào cũng có hại, ngay về tiền-bạc.

Phụ-huynh còn phải lo cho con-em những người đỡ-đầu đáng

tin-cậy. Con-em cần đến những phương-tiện vật-chất, nhưng cũng cần đến những người có kinh-nghiệm để, thay-vì gia-đình vắng-mặt, có thể hướng-dẫn, khuyên-nhủ, khuyến-kích, hay răn-bào họ, để giúp họ vượt được những khó-khăn mà sự thiếu kinh-nghiệm của họ có thể khiến thành nguy-hiểm nữa. Phận-sự của những người lớn ấy tế-nhị và quan-trọng hơn ta thường tưởng. Cách mà người ta làm tròn phận-sự ấy nhiều khi định-đoạt cho chính tương-lai của con-em, đến nỗi những lỗi-làm về điều-khiên có thể đưa đến những thất-bại chua cay. Những thất-tạ ấy do ở sự thiếu tinh-thần trách-nhiệm của người lớn hơn là ở bản-tính kém-cỏi của kẻ mà họ phải trông-nom.

Điều này không đem ta đi xa vấn-đề của chúng ta, như người ta có thể tưởng, vì mỗi người Việt-nam ở ngoại-quốc là một sứ-thần của đất-nước, một đại-diện phát-huy văn-hóa dân-tộc. Họ là hình-ảnh linh-động của xứ-sở họ, và người ngoại-quốc xét nước Việt-nam một phần lớn qua hình-ảnh ấy. Nhiều giáo-sư có thiện-cảm đặc-biệt với nước Việt-nam

hơn vì các học-trò Việt-nam của họ đã biết khiến người ta chú ý đến nhờ hạnh-kiểm rất tốt, nhờ tính cần-mẫn trong-việc học, nhờ tình bạn chân-thành trong sự giao-du.

Cũng những đức-tính ấy đã có ảnh-hưởng rất nhiều đến các sinh-viên Pháp. Những người này đã kết-bạn với sinh-viên Việt-nam, và tình-bạn ấy càng là một yếu-tố để tạo ra những dịp trao-đổi thông-tin về hai xứ. Người ta khó mà tưởng-tượng được số những cuộc nói chuyện về tình-hình xứ-sở của hai bên trong tình thân-hữu ấy.

Như vậy, những sinh-viên ấy biết gây thiện-cảm cho mình với các thầy và các bạn, cũng như với những người trong hoàn-cảnh sinh-hoạt của họ bao nhiêu thì họ càng khiến chính nước Việt-nam được chú ý đến bấy nhiêu. Bấy giờ nhiều cuộc nói chuyện được trao-đổi, hàng ngàn câu-hỏi về Việt-nam được đặt ra, và tất cả những gì dính-liu đến Việt-nam được lưu-tâm đến. Đó là những trung-tâm pát huy văn hóa Việt-nam uy-nho-nhỏ nhưng ta không nên coi thường.

Những trung-tâm khác có một

hình thức rõ-rệt hơn. Ta có thể kể, chẳng hạn : những buổi diễn-thuyết đầy hứng-thú tổ chức ở Trung-tâm Sinh-viên đường Monge (do cơ-quan Văn-hóa tòa đại-sứ Việt-Nam), những cuộc hội-hợp có định-kỳ ở Hội Truyền-giáo Gia tô tại đại-lộ Observatoire, những cuộc tổ-chức trí-thức, nghệ-thuật và chiếu-bóng của Hội « Thân-Hữu Pháp Việt » (Association « Amitié France-Việt nam »). Thêm vào đó có nhiều tạp-chí Việt-nam, như tạp-chí « Tin văn-hóa » của tòa đại-sứ Việt-nam ăn-hình, và những tạp-chí của sinh-viên luật-khoa, sinh-viên y-khoa và dược-khoa. Các tạp-chí đăng những bài thật đứng-đắn trong đó có những bài về các vấn-đề Việt-Nam. Sau cùng, ta cũng không thể quên, trong bản tổng-kê quá sơ-lược này, một số sinh-viên vẫn viết những bài rất được tán-thưởng cho những tạp-chí phát-hành ở Việt-nam, nhất là tờ tạp-chí rất có giá-trị của viện Đại-học Huế : đó là tờ *Đại-Học*. Nơi một cách tổng-quát, những bài-viết đó, chứng-tỏ ở tác-giả những khả-năng chắc-chắn và góp một phần không phải là nhỏ vào sự đề-cao

thanh-danh của Việt-nam.

Tất cả những hoạt-động đủ loại ấy nuôi-dưỡng một cuộc sinh-hoạt văn-hóa Việt-nam mạnh-mẽ, với sự tham-dự của những người có đủ các quốc-tịch, từ đủ mọi nơi đến ; điều này nhờ ở uy-tín của văn-hóa Pháp và số người ngoại-quốc rất đông theo học các trường đại-học Pháp.

Một trạng-thái sinh-hoạt văn-hóa Việt-nam khác nữa ở Pháp đã tìm thấy trong chương-trình giáo-dục Pháp. Chúng tôi đã nhận thấy, trong số nhiều sự-khiến khác, rằng những thanh-niên Việt-nam sống ở Pháp cần phải luôn-luôn hướng về tổ-quốc để, khi tốt-nghiệp, có thể trở về phụng-sự quốc-gia. Muốn thế, không gì bằng chính văn-hóa, mà bản-phận họ là phải thấm-nhuần một cách sâu-xa hơn. Họ không được phép sống như những kẻ mất gốc, mà trái lại, phải luôn-luôn, ngay trong lúc xa quê-hương, tìm cách thấu-thái thêm những hiểu-biết mới về nước-nhà. Ai đã dám tự-hào là biết rõ đất nước, nhất là vì tuổi nhỏ, vì chiến-tranh, họ

chưa có nhiều dịp đi đây đi đó để nhận-xét, và sự học-hỏi về nước-nhà của họ chắc-chắn còn thiếu-sốt, đôi khi ngay ở trong trường, không nói gì ở ngoài đời.

Do đó, trong những năm gần đây, một phần quan-trọng đã dành cho ngôn-ngữ và nền văn-minh Việt-nam trong chương-trình học và chương-trình thi Pháp. Tiếng Việt đã được kê trong chương-trình đối với chỉ-h người Việt-nam, hoàn-toàn ngang hàng với những ngôn-ngữ gọi là « quan-trọng nhất », tiếng Anh, tiếng Đức chẳng hạn. Tiếc thay, chúng tôi nhận thấy rằng đôi khi thanh-niên Việt-nam đã từ-chối không thụ-hưởng những sự thuận-tiện dành cho họ, không phải vì còn lo học-hỏi thêm về các mặt khác, mà vì sợ những khó-khăn mới chồng thêm vào việc học của họ ! Tuy vậy, ở vài trường đã sẵn cho họ những điều-kiện dễ-dàng để có một chương-trình Việt-nam giúp cho họ khỏi phải so-bì về mặt ấy, ở bất-cứ điểm nào, với các bạn ở nước nhà, và khỏi phải cảm thấy thua-kém cũng về mặt ấy, khi trở về xứ-sở.

(Còn nữa)



ĐẠ SẦU

Trở giấc nghe sầu lên gối chần
Cô-liêu vẫy xuống tự cung Hằng
Nghe hương phấn lạ vào xiêm áo
Nửa giấc thơ buồn lạnh ái-ân.

Tràng ở ngoài kia tôi ở đây
Phòng hoang tự độ gió hương gây
Tiêu tan đến cỏ hôn khuê-nữ
Lòng thức vui đêm mộng trắng ngày.

Gió lạc trời xa mây hết xanh
Người vui cùng với mộng lâm-hanh
Mùa xuân đi hết không thương tiếc
Tôi gởi hồn theo bước viễn trình.

Lạnh những chiều hoang, mưa cuối sông
Nửa đêm chợt tỉnh nhớ muôn trùng
Cô-liêu vẫy kín hồn hoang dại
Anh hỡi phương nào anh biết không?

HOÀNG-THỊ DUYÊN-HẢI



KHI nhìn thấy trái « ô buy » nằm chính i nh trong một cái hố nơi thửa ruộng của mình, bác Tấn, một nông dân của xóm Mai Thanh, run lên bần bật. Nếu bác không nom thấy và với một nhát cuốc bở xuống thì thử hỏi rằng đời bác sẽ ra sao?

Bác chưa đi lính bao giờ như Minh, người hàng xóm của bác nên bác không hiểu cách tháo gỡ ra làm sao. Bác chỉ biết rằng đụng vào nó thì nguy hiểm lắm.

Bác lặng ngẫm « của quý » đó một lúc lâu mà không biết tính sao. Bác cũng không muốn về hỏi người hàng xóm mà bác đang ghét cay ghét đắng họ. Đã từ lâu, bác và hần giận nhau vì cây mít mọc ở bờậu hai nhà. Gốc cây thì ở bên phía bác nhưng cành lại chĩa sang bên cạnh và lẽ dĩ nhiên những trái mít thơm ngon đã được ông hàng xóm

quý hóa bẻ mang vào nhà dùng một mình.

Nhưng chẳng lẽ cứ để trái « ô buy » ở đây, nhờ ra có bọn trẻ chần trâu nào chúng thấy và có thể chúng mang ra nghịch thì nguy. Báo chí đã từng đăng nhiều vụ trẻ nít, vì không biết đã đập đạn đề rờn chơi rồi chết tan xác. Bác phải tìm cách mang về nhà rồi đi báo các hương chức trong làng tới đề lấy đi.

Không phải bác là người thờ nhứt đã tìm thấy đạn bởi vì những thử này thấy thường luôn trong khu cánh đồng làng bác. Chiến tranh kết liễu, hòa bình mới được tái lập, nhưng những viên đạn giết người kia vẫn còn nằm rải rác ở cánh đồng chưa tìm ra hết vì ruộng nương bỏ hoang từ lâu, cỏ lau mọc rậm rạp quá.

Rất khéo léo, bác Tấn lấy được viên đạn lên. Nó không to lắm nhưng cũng nặng và đã rỉ vì đất bám nhưng cũng còn nguy hiểm.

TRUYỆN NGẮN

Trái

« Ô-BUY »

* HOÀNG-THẮNG

Bác nâng nó như nâng trứng nhẹ nhàng, nhẹ nhàng, bác bước chậm chạp theo dọc bờ ruộng của mình để lên đường cái. Không thể vô ý để đánh rơi nó được : muốn vạn phần nguy hiểm.

Khi đi ngang qua ruộng của người hàng xóm, một ý nghĩ thoáng hiện trong óc bác Tấn.

« Tôi gì mang về cho nhọc xác rồi nhớ ra... Tiện có đồng cỏ ở trong thửa ruộng của lão Mạnh mà hần mới dọn được mấy hôm nay chỉ còn chờ khô là đốt... »

Đảo mắt nhìn từ phía, không có một bóng người. Im lặng bao trùm toàn cả h đồng. Bác Tấn tiến nhanh lại đồng cỏ và nhẹ nhàng đặt trái «ô-buy» vào giữa đồng cỏ cao.

Vừa soa tay bác vừa nghĩ «ngày mai hoặc một tên Mạnh đáng ghét sẽ đốt đồng cỏ này. Nào xem hần có còn tranh giành những trái mít của ta nữa không !»

Vi có việc phải ra tỉnh, ba ngày sau bác Tấn mới trở về làng. Từ đằng xa, bác đã trông thấy vợ bác đứng chờ ở cổng bộ mặt nghiêm trọng như cốt chờ bác về để báo một tin đặc biệt.

— Minh không biết gì cả về bác Mạnh sao ?

Bác Tấn giai, mặt tái hần đi khi nghĩ tới trái «ô-buy» mà bác đã giấu kín trong đồng cỏ của người hàng xóm. Rất có thể hần đã chết khi đốt đồng cỏ khô đó.

Bác run run hỏi vợ :

— Có chuyện gì thế ? Tôi ở tỉnh về có biết gì đâu.

— Có một chuyện lạ đến với bác ta mà không phải là đến với mình.

Bác Tấn giai sốt ruột :



— Nhưng đó là chuyện gì mà mình cứ úp úp mở mở hoài vậy? Nói mau coi.

Bác Tấn giai kể lể :

— Cách đây hai ngày bác Mạnh ra đồng để đốt cỏ khô... Sau khi tàn ngọn lửa, bác ta mới tải đồ ra khắp ruộng thì cái sừng của bác chạm phải một vật bằng sắt. Bác ta nhìn kỹ thì là một trái đạn «ô-buy». Chắc mình cũng đoán được là bác ta run sợ lắm nhỉ ? Nhưng vì bác ta trước có đi lính phao thủ nên biết ngay nó không có kíp và không có thuốc uên nó không nổ.

Cầm lên thấy nặng, mở ra coi lại được ông trời đỏi tới. Thật Trời, ở trong toàn là vàng là chẳng công bằng chút nào cả vàng. Chắc một người giàu có Tại sao lại không là mình nào đó sợ để vàng ở nhà sẽ nguy nhất được trái «ô-buy» đó nhỉ ?

hiềm cho tính mạng của mình cũng như của gia đình nên họ đã giấu bằng cách đó ... Có lẽ tôi hằng mấy trăm ngàn... Ồ, vẫn luôn luôn những kẻ gian tham thì

Bác Tấn trai bàng hoàng, thờ-thần-nói :

— Ủ, tại sao mình không nuốt được trái «ô-buy» đó nhỉ ?

* MỘT NHÀ BÁC HỌC UYÊN THÂM

Ông Bigourdan, một nhà thiên-văn danh tiếng của Pháp, chết vào năm 1933, vốn rất ân cần đối với ký-giả. Nhưng mỗi lần được phỏng vấn, ông lại hay quên rằng ông đang tiếp chuyện với những người không am hiểu về thiên văn học. Ông nói về tính văn, sao, hành tinh cho các ký giả nghe mà không cần giải nghĩa cũng như khi ông diễn thuyết trước Hàn-lâm-viện khoa học.

Với một giọng thao thao bất tuyệt, ông coi thường những con số dị thường, cũng như một thi sĩ ngâm lên bài thơ vừa viết xong. Nhiều khi ông bước lại bản đen, viết một loạt phương trình, lại trở về chỗ cũ, tiếp tục cái khái niệm vượt khỏi tầm hiểu biết về toán của các ký giả. Ông lại bình tĩnh nói rằng :

— Đây, tôi giao các ông làm những bài toán khó này!!!

* TÀI BÚT

Anh Tám là người giúp việc cho ông Z. người có chân trong Hàn Lâm-Viện. Một buổi sáng, anh Tám vào phòng ông chủ để nhờ người viết hộ một bức thư cho người bác, vì anh Tám rất dốt. Sau khi viết xong bức thư, ông chủ bèn trao cho anh Tám, nhưng anh này liền cung kính nói : «Thật là đội ơn ông, nhưng một bức thư mà không có tài bút thì chưa phải là một bức thư. Vậy xin ông làm ơn thêm...»

Rồi! ông chủ nói, vừa cười mỉm : chỉ, vậy anh muốn tôi thêm cái gì ?

— Dạ, xin ông đề giùm: hãy miễn thứ những lỗi về chính-tả!!!

CA KỊCH

Việt-Nam



• TCBYA

QUAN niệm « sinh ký tử qui », kết tinh của ba nguồn tư tưởng Nho, Lão, Thích, tựa hồ như được người V.N triệt để đem áp dụng vào thực tế, cho nên mới nảy nở ra thái độ phong lưu nhàn nhã, cho cuộc đời là một trận cười.

Cười bao nhiêu là lãi bấy nhiêu, cười mà chết như Trình-giáo-Kim là một câu chuyện thú vị. Họ Trình sống tới 120 tuổi, sung-sướng quá nên cười ngất mà bỏ mạng. Người con trai lớn ít nhất cũng ngoài tám chục, thương cha quá, khóc lịm đi rồi là đời. Chung qui cười cũng chết, mà khóc cũng chết, tốt hơn là chọn lấy nụ vui cười. Người cười, đến Trời Phật cũng cười, chỉ có người Việt-Nam mới dám nghĩ như vậy.

Tản - Đà, Nguyễn-khắc-Hiếu, muốn làm về Thiên cung viết thư hỏi Thượng-Đế :

*Ngồi buồn lấy giấy viết thơ,
Viết xong lại mượn gió đưa
lên Trời,*

*Xem thơ trời cũng nực cười.
Cười cho hạ giót làm người
oái oăm.*

Trời của Tản - Đà cười, thì Phật trong ca-đạo cũng cười :

*Của Bụt mất một đèn mười,
Bụt háy còn cười, Bụt chữa
lấy cho.*

Ốc trào phúng hí lộng của người Việt-Nam, thiết tưởng như thế là đã tới triệt để. Hát chèo xuất hiện do ở óc trào phúng đó. Bởi vậy mới dám chú trương rằng chèo có trước tuồng.

Một lý do thứ hai chứng minh

rằng hát chèo có tự thuở xưa, đó là vấn đề kỹ thuật. Kỹ thuật ở đây là sân khấu, Sân khấu nào cũng phải cần trang trí, duy có sân khấu chèo là không có gì cả. Hát chèo tuy không phải là một nghệ thuật tượng trưng, như từ cổ tới kim người ta vẫn theo tập quán là không cần sân khấu. Sân khấu chỉ là một cái sân, một cái bục, hay vài ba cái sập, có một bức màn vài điều che là đủ. Sân khấu chèo thiết lập chỗ nào cũng được, chỉ khoảnh khắc là xong. Như vậy, tại vì những gánh chèo là những gánh lưu động, phần nhiều gồm các tài tử không phải là nhà nghề, hằng niên tụ nhau lại trong dịp đầu xuân để đóng trò mua vui và kiếm ít tiền chi phí. Hết vụ hát lại giải tán ai đi đường ấy, để rồi vài năm sau lại hội họp cùng nhau.

Sự thiếu sót mặt sân khấu thích hợp cho nghề biểu diễn chứng tỏ hát chèo chỉ là một lối hát đơn sơ, dân dị, đi đôi với tinh thần bông bột ấu trĩ của lớp bình dân, cho nên các nghệ sĩ hát chèo không cảm thấy nhu cầu thiết yếu phải có một sân khấu huy hoàng và những y-phục lộng lẫy như nghệ thuật hát tuồng chẳng hạn.

Hát tuồng là môn hát bắt chước của người Trung-Quốc có tính thần Á-Đông hơn là có tính cách thuần túy Việt-Nam. Còn hát chèo trăm phần trăm là của Việt-Nam, cho nên, nếu xuất hiện trước hát tuồng, thì chẳng có gì lạ cả.

Duy chỉ có một điều là hát chèo khởi xuất từ thời nào, điều đó khó lòng ai biết rõ. Sử chép rằng Ngọa - triều Lê-long-Đĩnh mỗi khi ra châu, hễ có ai tâu sớ điều gì thì cho những thằng hề nói khôi hài hay là nhại tiếng làm trò. Như vậy có thể phỏng đoán rằng nước ta đã có những thằng hề từ thời Tiền Lê, và nếu đã có hề, thì tức là có hát chèo rồi đó. Giả thuyết cho rằng gốc tích chữ « chèo » là chữ « trào » có phần đứng vững được là vì cớ ấy.

Theo những người lão luyện sành sỏi, thì môn hát chèo gồm trên dưới một trăm giọng hát, hoặc khác hẳn nhau, hoặc na ná giống nhau, có thành thuộc lắm mới phân biệt nổi. Về phương diện âm điệu, thì nghệ thuật hát chèo rất tế nhị tinh vi, nhưng về kỹ thuật sân khấu, thì tựa hồ không có, hay thiếu sót. Do lẽ đó, môn hát chèo bị các nghệ thuật ca

kịch khác lẫn át, đến nỗi càng ngày càng lu-mờ. Đầu thế kỷ XX này, có một lão nghệ sĩ cố gắng chấp chính lại nghề hát chèo, nhưng nghề đó chỉ bùng lên được một thời-gian ngắn ngủi, rồi lại âm ỷ như than, không cháy được cũng không tắt hẳn. Hiện tình môn hát chèo đang ở trong một giai đoạn suy nhược, không biết rằng một mai đây, có cơ hội phục hưng lại nữa hay chăng ?

Môn hát chèo nếu muốn một bị chìm lấp hẳn, thì cũng là một sự đáng tiếc. Cũng như môn hát tuồng.

Khác với hát chèo, hát tuồng là một nghệ thuật của người Trung Hoa, mà người Việt Nam bắt chước.

Nếu chúng ta đã thường thức qua một vài buổi diễn tuồng của người Trung quốc, thì chúng ta sẽ nhận thấy rằng kỹ thuật Việt Nam về tuồng, tuy có nhiều điểm thua kém người Tàu, song cách phô diễn của cả hai bên không khác nhau là mấy.

Hát tuồng Việt Nam gần giống như « Kinh Hí », tức là tuồng Kinh của người Trung Hoa. Sở dĩ như vậy, cũng có một căn

nguyên lịch sử.

Sử chép rằng khi binh tướng nhà Trần bắn chết Toa-Đô ở trận Tây Kết, thì bắt luôn được cả một gánh hát mà quân Mông Cổ đem theo để tác động tinh thần. Người cầm đầu gánh hát đó là Lý nguyên Cát.

Trong khi bị giam giữ, họ Lý làm trò vui cho lính canh ngục xem. Việc đồn đến tai vua, Trần nhân Tôn bèn tha tội cho Lý nguyên Cát. Theo Trần trọng-Kim thì về sau họ Lý ở lại nước ta lấy cớ truyện mà đặt thành bài tuồng, rồi dạy người mình hát. Khi con hát ra làm trò thì mặc áo gấm, áo vóc, theo dịp đàn dịp trống mà hát. Sự hát tuồng của Việt Nam khởi đầu từ đây (Việt-Nam sử lược).

Có người nói rằng trong những tích hát trước tiên, có một tích thường đem diễn để chúc thọ vua, tức là tích Tây Vương Mẫu quần tiên phó hội. Hội đó cũng gọi là Hội Bàn Đào, vì Tây Vương Mẫu ban đào trường thọ cho các vị tiên. Diễn tích tuồng đó, phải có một đoàn cung nữ trang sức kiêu diễm mỹ lệ, mỗi người tay cầm một đĩa đựng trái đào. Cho

nên người ta gọi các cung nữ đó là các « cô đào » hay là các « ả đào ». Chữ « ả » có nghĩa là chi.

Các ả đào múa hát rất đẹp rất hay nên các vua nhà Trần rất yêu tuồng và rất thích tuồng. Sau khi đánh được giặc Nguyên, non sông được yên lặng và dân cư được thái bình, cho nên chí khí anh dũng càng ngày càng suy giảm, Trần nhân Tôn mất đi thì có Anh Tôn là một đấng anh quân, rồi kế tiếp Minh Tôn cũng là một ông Vua có đức. Sau Minh Tôn nhường ngôi cho con là Hiến Tôn mới có 10 tuổi, nhưng vẫn tự mình giữ quyền chính-trị. Rồi tới lúc Hiến Tôn băng hà, thì Minh Tôn lại lập em Hiến Tôn lên làm vua, tức là Dụ Tôn.

Khi Minh Tôn mất, thì Dụ Tôn đâm ra chơi bởi lêu lộng, rượu chè cờ bạc, giao-du với lũ trọc phú, lại « bắt các vương hầu công chúa phải đặt ra chuyện hát tuồng, và bắt các quan trong triều thi nhau uống rượu, ai uống rượu được một trăm thăng thì thưởng cho hai trật » (Trần-trọng-Kim — Việt-nam sử lược)

Khi thế nhà Trần đến đời

Dụ Tôn thì mất hết. Khi Dụ Tôn chết, bà Hoàng-thái-Hậu nhất-định đặt lên ngôi người con nuôi của em Dụ Tôn là Cung-túc-Vương. Đứa con nuôi đó tên là Dương-nhật-Lễ, vốn là con một ả đào hát bội, lấy một anh kép họ Dương, có thai rồi mới bỏ chồng lấy Cung-túc-Vương.

Các quan triều thần không chịu, họp nhau lại giết Dương-nhật-Lễ, và đi đón em vua Dụ Tôn, lên làm vua, đó là Nghệ Tôn, người nhu nhược, việc gì cũng giao cho cậu ruột là Hồ-quý-Ly quyết đoán. Cơ nghiệp nhà Trần lụn bại và suy vong từ đó.

Nhà Trần mất gian san xã tắc, một phần lớn vì hát tuồng. Hát tuồng, người Tàu gọi là « hí » có nghĩa là chơi đùa, cợt riêu, mà người Việt-Nam lại gọi là tuồng. Có người cho rằng chữ tuồng do ở chữ « tượng » mà ra. Hát tuồng tức là hát tượng, lấy vai trò để hình dung cử chỉ giáng đáp của người đời xưa, ngộ hầu tượng trưng những đức tính cao quý hoặc những tính tình xấu xa của cổ nhân, dùng làm gương mẫu dạy dỗ và răn bảo người đời.

Muốn đạt tới kết quả tượng trưng, các vai tuồng phải có điệu bộ múa hát, để diễn tả hoặc cảnh vui, hoặc cảnh buồn, bởi đó, hát tuồng cũng có tên là "hát bộ" tức là "hát bỏ bộ", và dần dần nói trại ra thành "hát bội".

Danh hiệu hát tuồng, hay hát bội, là như vậy.

Cách bài trí của sân khấu tuồng huy hoàng rực rỡ hơn hát chèo, quần áo, mũ mấn của các vai đào kép cũng lộng lẫy choáng lộn hơn. Về phương diện dàn xếp thành cảnh, thành hồi, thì tuồng và chèo cũng lộn xộn phức tạp như nhau, song về các thể văn trong câu hát thì hơi khác nhau một chút.

Văn thơ ở câu hát chèo là văn thơ bình dân phần nhiều đều chọn lọc trong ca dao, giọng hát tuy đôi thay mà thể văn chỉ có một. Tỷ dụ như một câu lục bát có thể hát ra mấy chục lần khác nhau, một câu song thất, hoặc mấy câu nói lối cũng thế.

Ba thể văn đó là ba thể thông dụng nhất trong nghệ thuật chèo, và sau này, khi có ca Huế, thì môn chèo lại thêm luôn

những điệu ca lý để cho thêm văn vẻ. Chèo vốn dĩ là lối hát bình dân và trào phúng, không có điệu hùng tráng cũng như không có điệu cực kỳ bi thảm. Giọng hát mà các nghệ giả chèo cho là thống thiết nhất, đó là giọng « Lâm-Khốc », tức là điệu Kèn đám ma. Chỉ có mỗi một điệu đó mà thôi, ngoài ra, lối hát sử hơi nam thì nghe du dương nào nột, còn cái điệu gọi là "làn thắm" thì quả tình không có gì là thảm thiết buồn rầu.

Cũng bởi thế nên môn chèo nhiều hi pha lẫn ca và tuồng, thành ra mất tinh túy của nghệ thuật cổ điển. Hát tuồng thì không cần thái độ di mỵ như đó.

Về phương diện tượng trưng, tức là "bỏ bộ", nghệ thuật tuồng đặc biệt nhất. Lối tuồng Tàu, mặc dầu bị sân khấu Tây phương đe dọa, vẫn nhất định không chịu thay đổi tính cách cổ truyền. Nhưng có lẽ cũng vì thế mà tuồng Tàu có giá trị. Tính cách cổ điển đó, người Nhật cũng không chịu bỏ. Tuồng cổ điển Nhật, gọi là « NÔ », vẫn được duy trì và thưởng thức như

thường, đến bây giờ cũng vẫn có nhiều người ham chuộng.

Đến phần âm điệu, thì hát tuồng đủ các vẻ phô diễn, thích hợp cho mọi trạng thái của tâm hồn. Vui có, buồn có, hùng tráng có, bi tráng có, trung có, nịnh có, đến cả điên cũng có. Âm mày có lối hát của ăn mày, yêu ma có lối hát của yêu ma, mỗi một hạng người hiện ra trên sân khấu lại có một giọng hát riêng biệt cho vai trò mình đóng. Tỷ dụ như Quan Công có lối hát của Quan Công, Trương Phi có lối hát của Trương Phi, Tào Tháo có lối hát của Tào Tháo, không thể trộn lẫn được. Hơn nữa, lối trang sức cũng theo một mẫu mực điển hình không bao giờ thay đổi. Vai Quan Công phải mặt đỏ râu dài, vai Trương Phi phải râu xồm mặt nhọn, vai Tào Tháo phải có vệt đen vệt trắng trên một nền đỏ thắm, tượng trưng cho tuồng gian hùng.

Nói đến tượng trưng, thì hát tuồng quả là một nghệ thuật tượng trưng tuyệt bậc. Tượng trưng cả đến câu hát nữa. Văn thơ trong câu hát tuồng phần nhiều có tính cách bác học, có nhiều câu hoàn toàn bằng chữ Hán, chớ không

bình dân giản dị như văn chương hát chèo.

Tuy nhiên, các thể văn vẫn cũng tương tự như trong môn chèo nghĩa là gồm những lối thơ lục bát, song thất, và những câu nói lối. Trong nghệ thuật hát tuồng, thỉnh thoảng có đá thêm những lời văn xuôi, và thêm cả thể Đường luật cùng thể phú nữa.

Tất cả các thể thơ phú đó được diễn tả ra bằng ba thứ giọng chính. Một giọng mạnh mẽ, vui vẻ, hùng tráng, lanh lẹn, gọi là giọng Bắc. Một giọng áo-nào, buồn rầu, đau thương, thảm-thiết, gọi là giọng Nam. Giọng thứ ba là giọng thanh nhàn, lá lứt, từ tốn, dịu dàng, đó là giọng Xuân.

Các thứ giọng đó lại chia ra nhiều lần, tức là nhiều điệu. Nhưng tương đối, nếu hát chèo thua hát tuồng về mặt kỹ thuật, thì về mặt âm điệu, có thể nói là hát tuồng không tinh vi, tế nhị bằng hát chèo. Những làn chèo phong phú hơn những làn tuồng, nhưng ở sân-khấu, thì chèo không thể sánh với tuồng được.

Tuồng tuy có uy thế hơn chèo, song tuồng vẫn là một thứ nghệ thuật ngoại lai, không được trọng-

vọng cho lắm. Gia dĩ tuồng lại có tội làm cho nhà Trần tiêu-diệt, nên khi nhà Lê lên ngôi, các vua Lê ruồng bỏ môn tuồng.

Môn tuồng bị một thời kỳ suy-nhược, nhường chỗ cho hát chèo và hát ả đào, mãi tới lúc Đào-duy Từ vào Nam, bấy giờ tuồng mới được thịnh hành trở lại.



Đào duy Từ vốn con nhà ca-xướng, cha làm quản giáp trong nghề ca hát, coi đội nữ nhạc dưới triều Lê Anh Tôn. Các quan trường cho Đào duy Từ là «xướng ca vô lại», không cho đi thi. Đào duy Từ tức khí chạy vào Nam, giúp chúa Sãi trong 8 năm, làm nên công trạng rực rỡ, được phong ấp ở thôn Tùng Châu, phủ Bồng-Sơn, tỉnh Bình Định.

Tại nơi đó, Đào duy Từ chấn chỉnh lại nền ca nhạc, và chấn hưng nghệ thuật hát tuồng. Nghệ thuật tuồng bỗng dựng phát nguồn

thứ hai ở Bình Định và lan tràn ra hai ngả. Một ngành lộn trở về Bắc, đến Phú Xuân thì gây ra «tuồng kinh», một ngành thì tiến vào Nam, gây ra «tuồng Sài Gòn».

Sau này, trong thời Pháp thuộc hai vị đại thần là Nguyễn Thân, và Hoàng cao Khải, vì yêu thích nghệ thuật nên lập ra mỗi người một gánh hát và khuyến khích môn tuồng. Hoàng cao Khải thân viết ra hai vở hát là « Tây Nam Đắc Bông » và « Tượng kỳ khí xa ».

Ngoài Bắc, là nơi môn hát tuồng bắt rễ từ đời Trần, thì nghệ thuật đó lại không được phong phú cường thịnh. Hội Quảng Lạc, trong một thời gian mấy chục năm, đã cố gắng nâng đỡ và chấn chỉnh lại sân khấu tuồng, nhưng phải mượn đào kép trong Nam vì người Bắc, ly khai với nghệ thuật đó từ lâu, không có đủ khả năng bằng anh em Trung và Nam nữa.

Nhưng rồi phong trào biến đổi, và nghệ thuật hát tuồng, cũng như nghệ thuật hát chèo, đều bị xao lãng dần dần và chỉ còn phát triển trong một phạm vi rất nhỏ hẹp.

(Còn nữa)

HỒI KÝ

Một Đời Người

★ THIẾU SƠN

PHẦN THỨ HAI

SỨNG NÒ, MAU TUỒN

(Tiếp theo P. T. số 23)

SAU ngày V. M. cướp chính - quyền lại tăng - gia biều-tình và hoạt-động. Phong-trào Thanh - Niên Tiên-Phong rầm-rộ thu hút tất cả các tầng lớp nhân-dân. Cả đến những người quá tuổi thanh-niên, cả đến những ông già lụ-khụ cũng vác tầm-vông, đeo dao găm, lặn lưng một cuốn giầy thừng và cũng « Một. Hai », sát-khí đảng-đảng, oai-phong lăm-lắm.

Mặc dầu tôi cũng được mời nhưng tôi không chịu gia-nhập vì tôi không thích một không-khí cuồng-nhiệt như thế. Về khoản này người ta không cưỡng-ép được tôi. Nhưng rồi tôi vẫn bị

xách đầu đi thề ở nhà Giây Thép Trung-ương cùng với các bạn đồng-sự : Thề trung-thành với cách-mạng, không làm việc cho Pháp, không đi lính cho Pháp, v.v... Tôi không thể từ chối việc làm này vì tôi là công-chức. Nhưng sau khi đã tuyên-thệ tôi thấy bản-khoản trong dạ không biết chánh-quyền cách-mạng này sẽ đưa mình tới đâu và không biết lời thề này mình giữ được tới bao giờ ? Nhưng dù sao tôi cũng thấy rằng mình cộng-tác với thực-dân đã lâu rồi, đầu nó có trở lại cũng không nên chấp nối mối duyên thừa, nhứt là trong khi

quốc-dân còn cương-quyết chống
ngăn cuộc tái-chiếm.

Thật ra thì sự tái-chiếm đương
âm-thầm chuẩn-bị với sự ủng-hộ
của quân-đội Anh gởi tới để
giải-giới quân Nhật.

Trong khi đó thì có anh Thái-
Phi Nguyễn-dức-Phong ở Bắc vò.
Anh đi với lãnh - sự Nhật
Komatsu tức Tiểu-tùng-Thanh,
người phụ-trách liên-lạc Văn-hóa
ở Việt-Nam.

Anh Thái-Phi xuất thân là một
nhà giáo, người trước tiên xữ
dụng cây bút phê bình văn hóa ở
Việt Nam. Nhưng anh phê bình
sách chứ không phê bình nhân vật
như tôi. Anh viết từ ngày tôi chưa
bắt đầu viết. Có hồi anh xuất bản
tuần-báo « CẬU ẤM », một tờ
báo nhi-đồng được hoan-nghinh
đặc biệt. Tôi quen anh đã trên
10 năm và chúng tôi có nhiều
điểm tương đăc. Anh người mập
mạp, chắc chắn, chơn thật và còn
giữ phong độ của nhà giáo.

Lần vô Nam chuyến này, anh
không cho tôi biết rõ mục đích của
anh nhưng anh cũng nói là anh bị
Tây bắt cầm-tù, được Nhật giải-
thoát và đương cộng tác với Tiểu-

Tùng-Thanh về một vấn đề văn-
hóa.

Anh và người bạn Nhật của
anh ở một biệt thự gần nhà tôi.
Anh Thái-Phi qua chơi tôi mỗi
ngày và nhiều khi ăn cơm với vợ
chồng tôi.

Chiều ngày 22/9/45 anh cho
hay rằng Tiểu-Tùng-Thanh đã
ngồi xe hơi về Bắc nhưng vì xe
chật nên anh còn phải ở lại để chờ
đi chuyển sau. Anh có khẩu súng
lục và nói rằng đã có giấy phép
của Ủy ban Nhân Dân.

Sáng ngày 23/9 anh bảo vợ tôi
cho anh ăn một bữa cơm rau
muống. Cũng sáng hôm đó tiếng
súng bắt đầu nổ và thanh niên ở
át xung-phong ra giữ mặt trận
Cầu Bông.

Tiếng súng nổ khi khoan, khi
nhặt, khi gần, khi xa, khi lẻ tẻ ở
thỉnh không, khi xẹt ngang rồi
biến mất. Nhưng có những tiếng
nổ *các... đùm* là làm tôi sợ như-
Tôi chưa thấy *các... đùm* giết ai,
song hề nghe *các... đùm* ở đâu
thì có tiếng hô « Việt-gian » ở đó.
Mà những cuộc rượt bắt « Việt-
gian » thật là náo nhiệt và thật là
kinh khủng ?

Trưa hôm đó, sau khi ăn cơm,

rau muống với tôi rồi, anh Thái-
Phi về biệt thự của anh để nghỉ
trưa.

Thỉnh linh, vào khoảng 2, 3
giờ có tiếng « các... đùm » rồi có
tiếng hô : « Việt Gian ở Villa bắn
ra ! » Tôi ở cửa nhà tôi ngó về
hướng biệt thự của anh Thái Phi
thấy người ta bu đen và có nhiều
thanh niên vác tầm vông, xách dao
găm hoặc cầm súng hai lòng xông
vào tới trong nhà. Tôi hoảng sợ,
lật đật chạy qua thì người ta đã
lôi anh Thái Phi, trói tay anh và
đập anh máu chảy tèm lem cả mặt
mày. Tôi nóng ruột a tới can-
thiệp : « Anh em coi chừng bắt
oan người này ! Đây là ông
Thái Phi một người làm quốc sự
mà bị Tây bắt bỏ tù mới ra
được mấy tháng nay. Người
này không thể cầm súng bắn
đồng bào được ! ». Tôi nói
chưa hết lời thì một thanh niên
vọt nói : « Máu của em tôi còn ràn-
ràn ra đây, này. Và lại thằng
này có súng sáu ». Tôi
cãi lại : « Anh có súng sáu
nhưng súng sáu có giấy phép của
Ủy-Ban. Và lại phải chờ coi nòng
súng có nóng thì mới ất là anh
bắn. » Người thanh - niên nổi

sung : « Anh nên dang ra. Phải
anh là Việt-gian không mà sao
cứ binh-vực Việt-gian ? » Tôi
lạnh xương sống và đành giang
ra để cho người ta bắt bạn tôi
đi trong một trường-hợp tức-tử
vô-cùng. Cũng may là đồng-bào
lối xóm có cảm-tình với tôi và
binh vực tôi chứ không thì người
ta cũng dám dẫn tôi đi theo anh
Thái-Phi.

Cách một giờ sau lại có tiếng
« các... đùm » và vụ bắt Việt-
gian khác nữa. Lần này là vợ
chồng ông chủ phố của tôi, ông
bà đốc-phủ Michel Mỹ, một
quan lại về hưu-trí có biệt-thự ở
gần nhà tôi. Ông chỉ mặc một
cái quần lụa, mình trần vì có
lễ không kịp mặc áo. Bà cũng
chỉ mặc một bộ đồ hàng, áo chưa
kịp gài nút đủ. Hai ông bà mặt
đều thất-sắc. Tôi không dám nói
kỳ và cũng hết dám can-thiệp nữa.

Vậy mà chưa hết. Nửa giờ
sau, ngay trước nhà tôi lại có
tiếng « các... đùm » và có tiếng
hô : « Số nhà 33 bắn ra ». Trời
ơi ! số 33 là số nh của tôi. Tôi
lật-đật mở cửa thì có người vọt
miệng nói liền : « Lại anh nữa !
Nhưng anh nên để hé một cánh

cửa sổ cho chúng tôi biết là nhà anh ». Tôi lật-dật làm theo nhưng nghĩ thật : hú vía ! Nếu lúc bình-thời mà tôi gây ác-cảm với đồng-bào thì những dịp như dịp này tôi có thể kiếm được cái chết rất dễ-dàng. Tôi nghĩ càng thương cây viết của nhà văn và cái nghề hiện-lương của thầy thông giầy - thép.

Trường-hợp của anh Thái-Phi là vì có người bị thương và có máu chảy. Trường-hợp của ông đốc-phủ Mỹ là vì hồi ngồi quận Chợ-lách ông đã ăn ở thất nhân-tâm và có tiếng là « Cọp - Chợ-L ch ». Nếu tôi cũng có đôi chút tiếng tăm như thế thì chắc chắn đã chịu chung một số phận..

Sau này tôi mới biết 2 tiếng « các...dùm » là do một loại đạn Dum Dum của Pháp chò tới hết tã n mới nổ làm cho nhiều người âm tường hể « các... dùm » ở đâu là súng nổ ở đó. Nếu vậy thì anh Thái-Phi và ông Đốc - phủ Mỹ cũng đều mắc hàm-oan.

Và lại trong khi Tây còn ở bên kia cầu Bông ai đại gì mà nổ súng ở ngay trong vòng vây của địch ?

Riêng đối với anh Thái - Phi tôi dám quả-quyết rằng anh không phải là người cầm súng mà bắn lại đồng-bào. Anh có thể nhân-Nhật, có thể chống Việt - Minh nhưng anh không thù ghét gì đồng-bào của anh.

Tôi đem những lý-lẽ đó lên nói với Chủ-Tịch Ủy-Ban Nhân -

Dân tỉnh Tân-Bình và yêu - cầu phải bảo-vệ sanh-mạng cho anh.

Người ta hứa với tôi sẽ cho điều-tra kỹ về vụ này và nếu xét thấy anh Thái-Phi vô-tội thì anh sẽ được trả lại tự-do lập-tức.

Nhưng rồi tôi cũng phải tàn-cư. Ủy-ban nhân-dân cũng tàn-cư. Hầu hết đồng-bào vùng tôi ở cũng tàn-cư.

Nhiều đoàn người chạy theo nhiều ngã. Rồi tới mỗi ngã ba, ngã tư lại phân tán thêm để rồi vợ, chồng, con cái cứ dẫn nhau đi lẫn đến những nơi vô-định và sống nhờ vào những đồng - bào mình chưa quen biết bao giờ. Có khi ngủ đậu ở trường học, có khi ngủ đình, ngủ chùa, ngủ bờ, ngủ bụi... Nhưng mấy ngày đầu hề nhắm mắt là tôi chiêm-bao thấy anh Thái-Phi nghe thấy tiếng các... dùm, bị ám-ảnh về 2 chữ Việt-gian và đau lòng vì những giòng-máu đỏ trong đó có máu của một bạn làng văn.

Trong suốt thời-kỳ kháng-chiến, tôi hỏi không ra tung - tích bạn tôi và chắc chắn rằng tới nay anh đã xương tan, thịt nát.

Tôi nhắc tới anh mà ngậm ngùi khôn xiết kể. Súng nổ, máu tuôn vẫn là cảnh hãi hùng bi đát. Nhưng súng nổ khơi khơi mà máu lại tuôn rơi vì bàn tay của đồng-bào ủng một nước. Đó là điều làm tôi đau lòng hơn hết.

(Còn nữa)

Không Minh

★ NG-QUANG-LỤC

(Viết theo P.T. số 23)

TRẠC XÍCH BÍCH

TÀI NGOẠI GIAO

1) Luận bàn mưu sách cự tào

a) Tào-Tháo với Lưu-Bị.

HỒI Tào Công đã phá xong Viên - Thiệu, từ phía Nam xuống đánh Tiên chủ. Tiên chủ sai My-Trúc, Tồn Càn đến nói sự tình cùng Lưu-Biêu.

Biêu ra tận ngoài thành lấy lễ thượng khách tiếp đón Tiên Chủ, lại giúp rất nhiều quân để đóng đồn ở Tôn Dã. Những hào kiệt ở Kinh Châu theo về Tiên Chủ rất nhiều vì vậy, Biêu đem lòng nghi kỵ Tiên Chủ và ngầm ngầm phòng ngự (Sách Cửu Châu Xuân-Thu có nói Thái-Mạo bề tôi của Lưu - Biêu có ý muốn hãm hại Huyền-Đức nên Huyền-Đức phải cưỡi ngựa vượt Đàn Khê thoát hiểm. Tam - Quốc chí Diển



nghĩa đã tỏ rõ đoạn này. Nhưng Tôn-Thịnh nói rằng lập thuyết này giả tạo vô căn cứ.

Còn như Lưu Biểu nghi Huyền Đức thì có lẽ đã nghe lời Thái Mạo như T.Q.C.D.N. đã nói. Thực ra Lưu-Biểu vốn là người trung hậu).

Tào Tháo cho đem quân đến đánh Lưu Biểu nhờ Tiên Chủ cự địch.

Tiên Chủ cầm cự mãi với bọn Hạ Hầu Đôn và Vu Cấm ở Bắc vọng. Tiên Chủ đã đặt phục binh đánh quân Tào đại bại, rồi một sớm thiêu đồn Bắc vọng cháy. Bọn Đôn đuổi theo bị phục binh đánh phá tan nát. (1)

Năm thứ XII Tào Công lên Bắc đánh rợ Ô Hoàn. Tiên chủ khuyên Lưu-Biểu đánh Hứa đô, Biểu không nghe lời.

(Sách Hán Tấn Xuân thu chép: khi Tào Công từ Liễu thành về, Biểu bảo Bị rằng:

— Tôi không nghe lời sứ quân đề mắt cơ hội lớn.

Bị nói:

— Ngày nay thiên hạ chia rẽ nhau, can qua nổi lên khắp nơi, thế nào chẳng còn có lúc, há một cơ hội này đâu. Nếu lần sau ta biết ứng phó thời cơ thì cũng còn chưa muộn).

Tào Công xuống phương nam

đánh Lưu Biểu gặp hồi Biểu chết.

(Sách Anh hùng ký chép:

«Biểu bị bệnh, nên tôn Bị lên lĩnh chức thứ sử Kinh Châu.

Ngụy thư cũng chép: Biểu bị bệnh nặng ký thác quốc tộ lại cho Bị. Biểu bảo Bị rằng:

— Con tôi thì bất tài mà các tướng thì linh lạc cả. Sau khi tôi chết xin khanh coi sóc lấy Kinh Châu.

Bị nói:

— Các con anh, người nào cũng cho mình là hiền năng. Mà anh còn lo phiền, đương bệnh xin anh đừng bàn đến việc ấy vội.

Có người xui Bị nên nhận lời.

Bị nói:

— Người ta ăn ở nhân hậu với ta bây giờ ta nhận lời, người khác tất cho ta là bội bạc. Ta lấy điều ấy làm điều bất nhân.

Thần, Tùng Chi n.hĩ rằng, Biểu là người yêu vợ lại yêu con là Tông, định ý bỏ trưởng lập thứ đã từ lâu. Không lẽ nào khi gần chết lại cử Bị giữ Kinh Châu, lời ấy là lời nói sai vậy».)

(Dịch giả thiên nghĩ rằng vì thực có chuyện Lưu Biểu nhường Kinh Châu cho Lưu Bị cũng chẳng khác sau này Lưu

Bị gần chết khuyên Không Minh giữ lấy thành đô. Đó là lối thác cổ khước hổ).

Lưu Biểu chết. Con là Tông lên kế vị thay cha, sai sứ đến hàng Tào Công.

Tiên chủ bấy giờ đóng đồn ở Phàn Thành, không biết Tào Công đã đem quân đến, mãi tới khi đến Uyển thành mới hay tin liền đem quân đi.

Qua Trương Dương, Chư Cát Lương khuyên Tiên Chủ đánh Tồng có thể chiếm được Kinh-Châu.

Tiên Chủ nói:

— Ta không nỡ làm như thế!

(Sách Hán Ngụy Xuân Thu của Không Diễn chép: « Lưu Tông xin hàng không dám báo tin cho Lưu Bị biết, Bị cũng không được ai cho hay, lâu mãi về sau mới rõ, sai người đến hỏi Tông. Tông sai Tống Trung đem thư đến nói cho Lưu Bị hay. Bấy giờ Tào Công đã ở Uyển Thành. Bị hay tin rất mực kinh hãi bảo Trung rằng:

— Các người làm việc như vậy mà không sớm báo ta. Nay tai họa đến mới báo ta hay, thật tài đóng kịch.

Rồi Lưu Bị cầm dao chỉ mặt Trung:

— Nay ta chặt đầu khanh cũng không bỏ lòng phần uất của ta, lại mang tiếng là kẻ đại

trượng phu khi lâm biệt còn nỡ tàn sát.

Nói rồi sai đuổi Trung về, và họp tập bộ hạ tướng sĩ lại thương nghị.

Có người khuyên Bị nên đánh Tồng cùng bọn lại sĩ Kinh Châu rồi đi tắt về phương Nam tới Giang Lăng.

Bị khóc nói:

— Lưu kinh Châu gần chết có cho ta tin nghĩa còn kia ta không làm loạn. Ta chết đi còn mặt mũi nào nếm thấy Lưu Kinh Châu».

Qua Kinh Châu Tiên chủ dừng ngựa lại gọi Tông, Tông sợ không dám ra mặt.

Tả hữu của Tông và người Kinh Châu theo về Tiên chủ rất nhiều.

(Sách Điền lược chép: Lưu Bị có qua thăm mộ Lưu Biểu, khóc lóc rồi mới đi.

Khi Tiên chủ tới Đương Dương số dân theo đã trên mười vạn, đồ tri trọng (quần nhu) có tới nghìn lượng. Ngày chỉ đi được hơn mười dặm Tiên chủ có sai Quan Vũ (Quan vân Trường) đem 100 chiến thuyền đến trước hội ở Giang hạ.

Có người khuyên Tiên chủ nên đi gấp đề kịp bảo vệ Giang Lăng. Nay bị giáp đều thiếu thốn mà cứ bảo vệ dân chúng mãi, vì bằng binh Tào Công đến, lấy gì mà kháng cự.

Tiên chủ nói :

— Muốn làm việc lớn phải lấy dân làm gốc, nay nhân dân về với ta nhờ nào ta hẳn tâm bỏ cho được.

(Tập Tạc xĩ chép : « Tiên chủ gặp tai nạn điều bái là thế, mà tình nghĩa vẫn còn sáng tỏ. Việc đã đến nguy bách là thế, mà lời nói ra vẫn không thất đạo. Theo mãi lời cổ mệnh của Cảnh Thăng, tình cảm-động cả ba quân mền cái tiếng kẻ sĩ phải vì nghĩa mà đành cùng dân chúng cam bại trận. (Truy Cảnh Thăng chi cố tặc tình cảm tam quân, huyền phó nghĩa phó chí-sĩ tặc cam dữ đồng bại). Ta cứ xem cách Tiên chủ hết tình cùng sự vật mới biết rằng không phải cứ cho cơm cho rượu, phủ dụ người ta khi rét, vẫn an người ta, khi bệnh cũng là đủ đâu.

(1) *Chỗ này ta rõ ràng được nhìn thấy mưu lược và chiến thuật của Không Minh. Tiếc rằng Tam quốc chí của Trần Thọ lại gán công cho Tiên Chủ, T.Q.C.D.N. đã diễn đạt đoạn này rất linh động.*

Tiên Chủ độ lượng quảng đại như vậy nên về sau làm nên được nghiệp lớn, ta cũng không lấy làm lạ).

Tào Công cho rằng Giang Lăng có nhiều quân đông, sợ rằng Tiên Chủ chiếm cứ, bèn bỏ cả tri trọng (quân phụ) lấy khinh xa tới Đương Dương, đến nơi Tiên Chủ đã đi rồi. Tào Công liền lấy 5.000 lính kỵ cấp tốc theo đuổi, một ngày một đêm đi hơn 300 dặm đến Trường bản địa phận Đương Dương thì kịp. Tiên Chủ phải bỏ vợ con, cùng bọn Chư Cát Lượng, Trương Phi và Triệu Vân và 10 tay kỵ mã cùng chạy trốn.

Tào Công bắt được người quân lính và tri trọng rất nhiều.

Tiên Chủ cùng tướng sĩ đến Hán Tân để chờ thuyền Quan vũ đến đón. May thuyền vừa tới cả bọn đều qua sông. Miện, gặp Kỳ là con trưởng Lưu Biểu, hiện đương làm thái thú Giang hạ.

Kỳ đem hơn 10.000 quân đến Hạ Khâu đón Bị.

Kỳ sau :

Lưu Bị và Lỗ Túc, Tào Tháo và Tôn Quyền. Nhiều cuộc đấu trí của những tay đa mưu.



Đai Sư Việt - Nam

đầu tiên tại Pháp triều,

một cậu bé 8 tuổi :

NGUYỄN - PHÚC - CẢNH



(Xem P. T. từ số 23)



L Ớ C Chúa Nguyễn Ánh nhờ Giám-mục d'Adran (Phiên - âm ra chữ Hán là BÀ - ĐA

ỊỘC; người Công-giáo ở Sài-gòn thời ấy gọi là CHA CẢ) sang Pháp triều để cầu cứu, thì không những Chúa Nguyễn gởi Hoàng tử Cảnh đi theo, mà còn trao luôn cả ấn son của Chúa cho vị Giám mục giữ đề sang Pháp tùy nghi xử dụng.

Chúa Nguyễn biết rằng cuộc hành trình này là cả một cuộc phiêu lưu mạo hiểm vì ông chỉ nghe Giám-mục D'Adran nói đến nước «PHÁP LANG SA» (France) chứ ông không biết là nước ấy ở tận nơi chân trời góc biển nào. Sự thật thì lúc bấy giờ có bốn nước Âu châu: ANH, HÒA LAN (Hollande) BỒ ĐÀO-NHA, (Portugal) và Ý PHA NHỎ (Espagne), cũng đã lên lời trớ trêu với Nguyễn Ánh về việc mỗi nước ấy sẵn sàng giúp Chúa Nguyễn đánh Tây Sơn để sau này họ lợi dụng. Nhưng Giám-mục D'Adran ở sát cạnh Nguyễn Ánh, nhất định khuyên Chúa từ khước hết, để ông sang cầu-cứu nước Pháp của ông.

Nguyễn Ánh nghe theo lời giám mục D'Adran. Chính ông

không có theo đạo Thiên Chúa, Hoàng tử Cảnh cũng không, nhưng chưa phải lúc ông tin ở Chúa Giê-xu, mà chính là lúc ông tin ở nước Pháp Lang Sa. Tuy rằng Nguyễn Ánh không hiểu một tiếng Pháp nào, không biết nước Pháp ở mô-tê nào, và chưa hề giao thiệp với vua xứ ấy. nhưng .Cha Cả, đã khéo-léo an ủi ông và khuyến khích ông, khiến ông đặt hy-vọng hoàn toàn vào vị «Cố Đạo» của Pháp Lang Sa. Vận mạng của xứ Gia-định, của đất «Nam Triều», của Kinh-đô Phú Xuân, của giang sơn nhà Nguyễn, của Chúa, của Hoàng tử Cảnh, đều ở hết trong tay «Cha Cả».

Giám mục D'Adran đem đưa con trai 8 tuổi của Chúa Nguyễn ra đi, với cả cái ấn son của nhà Nguyễn, có hy vọng rằng nếu lúc trở về, đem quân Pháp cứu-viện qua mà Nguyễn Ánh đã chết rồi thì quân Pháp cũng cứ lấy danh nghĩa của Hoàng tử Cảnh mà đánh Tây Sơn để khôi phục đất nước cho Chúa Nguyễn và đặt Nguyễn phúc Cảnh lên ngai vàng.

Phái-đoàn cầu-viện ra đi, ghé lại Pondichéry là một thành phố thuộc-địa của Pháp ở Ấn-độ. và ở lại đó hết HAI MƯƠI LĂM THÁNG, để cầu cứu Thống-độc

★ TÂN PHONG

Pháp là Bá-tước CONWAY. Bá-tước từ - chối, viện lẽ không muốn dính-liu đến chuyện «chúa nam kỳ» (Le Seigneur de Cochinchine). Giám-mục d'Adran gởi thư sang Bá-tước MONTMORIN, Thượng-Thư bộ Hải-quân của Pháp-Triều, nhưng chờ mãi không thấy ông này trả lời. Giám-mục d'Adran không thất vọng, nên ngày 27 tháng 10 năm 1786 cử liệu xuống tàu sang

Pháp, quyết phen này yết-kiến vua LOUIS XVI và Hoàng - hậu MARIE ANTOINETTE, để bày tỏ sự tình. Tàu đi bốn tháng ròng-rã mới cập bến LORIENT. ngày 4 tháng 2 năm 1787.

Vừa đặt chân trên đất Pháp, Giám-mục d'Adran đã lo sửa soạn trang - điểm y - phục cho Hoàng-tử Cảnh có vẻ âu - hóa một chút, để gây cảm - tình với các - quan Triều-đình Pháp và nhất là Vua, Hoàng-Hậu, và các bà mạng phụ, các giới quý-tộc ở Versailles và Paris.

Bắt đầu, Giám-mục thuê người thợ sửa tóc riêng của Hoàng-Hậu Marie Antoinette, tên là LEONARD, cúp tóc Hoàng - tử Cảnh cho gọn-gàng, và may cho cậu bé một bộ y-phục hoàng tử mới hẳn, theo kiểu triều phục của Vua Pháp mà vẫn giữ đôi chút vẻ «địa-phương xa-lạ» của Á-đông. Áo và quần toàn may bằng sa - tanh đỏ. Giám-Mục D'Adran không cho cậu bé mặc áo dài lưng-thụng và quần lụa rộng thênh - thang



Vua Louis XVI



Hoàng-hậu Marie ANTOINETTE với Hoàng-tử
FRANÇOIS Louis (đứng bên trái), bạn của Hoàng-tử CẢNH

của cậu nữa, bỏ cả cái khăn
nhiều bịt trên đầu theo lối
« An-nam ». Leonard đặt riêng
cho Hoàng-tử một kiểu khăn,
cũng bằng sa-tanh đỏ, thắt một
cái nơ lớn nở xoè ngay trên
đỉnh đầu, coi cũng đẹp (xem
ảnh ở P.T. số trước). Giám-
mục thuê thợ ở Paris đóng cho
cậu bé Hoàng-tử một đôi giày
mới, theo kiểu Pháp, dung hòa
chút ít với kiểu giày Tàu của
các quan « An-Nam », có vẻ
mới lạ nhưng không lộ bịch. Cái
mũ của Hoàng-tử cũng được
thay đổi chút ít về hình - thức.
Xong, Giám-mục d'Adran thuê
nhà Họa - sĩ MAUPÉRIN vẽ
một bức chân dung của « Hoàng
tử Nam Kỳ » (Le prince de Co-
chinchine), để trình bày tại HÀN
LÂM VIỆN VƯƠNG QUỐC HỘI
HỌA VÀ ĐIỀU KHẮC, năm 1789,
(Académie Royale de peinture et
de sculpture). Công chúng Paris
vào xem đông nghịt và trầm trồ
khen ngợi : « HOÀNG TỬ ĐẸP
TRAI CỦA XỨ COCHINCHINE »
một xứ mà không có một người
Pháp nào biết rõ là ở chỗ nào !
Một xứ thơ mộng áo nụyên của
một nghìn một đêm lẻ, ở tận
nơi phía bên kia quả địa cầu
chẳng ?

Nhờ Giám-mục d'Adran khéo
quảng-cáo, khéo giới-thiệu, khéo
ngoại-giao, nên Hoàng tử Cảnh
được các nhà quý phái trong các

giới chính-trị và văn-hóa Pháp
vuốt ve âu-yếm. Ngoài bức tranh
vẽ chân dung của cậu, được
trình bày tại Hàn-lâm-viện Hội
Họa và Điều khắc, còn có nhiều
nhà thi sĩ Pháp làm thơ tặng
cậu. Lọc lại một quyển sách cũ
của Pháp hồi ấy, người ta còn
thấy một bài như sau đây :

(Au Prince de Cochinchine)
Commençons par l'illustra-
Enfant :

Que son sort est intéressant !
Fait pour porter le diadème
On le voit assis parmi nous.
Royal enfant, consolez-vous :
Vous régnerez, Adran vous aime !
Tôt, tôt, tôt,
Il bat chaud,
Tôt, tôt, tôt.
Son courage.
Double quand pour vous est
l'ouvrage.

Các bạn thấy ngay rằng đây
là một bài hát do một thi-sĩ có
lễ ăn tiền của Đức Giám-mục
d'Adran, làm ra để ca ngợi
Hoàng-tử Cảnh, và ngâm lên
giữa một buổi tiệc ở Versailles !
Bài hát rất lạt lẽo, tác-giả của
nó là một loại Thi-sĩ 3 xu nhưng
cũng được đăng lên một tờ báo
ở Paris thời bấy giờ.

Xin tạm dịch :
Ta hãy nói đến vị Thiếu-niên
hiền-danh kia ;
Số phận của chàng đáng cho ta
chiếu-cổ !

*Chàng được sinh ra để đời mẫu
quốc-vương
Nay chàng ngồi đây với chúng
ta.
Hoàng-tử ơi, chàng nên tự an
ủi :
Chàng sẽ lên ngôi vua. Adran
thương chàng mà !*

*Sớm, sớm, sớm,
Ông đang tranh đấu gắt.
Sớm, sớm, sớm,
Lòng can - đảm của ông tăng
gấp đôi
Đề lo cho chàng được lên ngôi !*

Cả Paris và Versailles đều cười đôn với Hoàng - tử Cảnh, nhưng họ nô-đùa ngạo nghễ với một hoàng-tử bé con ở phương Đông hơn là sẵn sàng ủng hộ lời cầu cứu đem binh qua giúp « Vua Nam-kỳ ».

Nói đúng ra, lần này không phải là lần đầu nước Pháp được nhờ cầu-cứu. Năm 1687, nước Xiêm bị Việt-Nam uy hiếp, cũng đã nhờ Pháp can thiệp. Pháp đã gửi qua một đạo binh do DES FARGES chỉ-huy, gồm có 5 tàu trận và 12 tiểu đội bộ binh, nhưng đi nửa đường lại phải quay lộn về vì thời tiết xấu. Trước đó 11 năm, ngày 2-1-1676, vị Giám-mục PALLU, cũng đã trình lên Colbert, Thủ tướng Pháp, một dự-án lập một THUỘC ĐỊA ở BẮC - KỲ, hồi đời chúa-Trịnh.

Hai vị Giám-mục LEFEBVRE và GEFFRARD đã được vua LOUIS XIV phái qua Bắc-kỳ với một bức thư gửi vua LÊ - HI - TÔNG mở đường giao-thiệp, và yêu-cầu bang-giao về thương-mại với xứ An-nam.

Nhà Thi sĩ và Triết-học lừng danh, là VOLTAIRE, phản-đối vụ ấy, và trong một bức thư gửi Louis XIV, ông có viết : « Cần gì phải qua tận bên miệt nước Tàu để mua vải, làm như thể ở nước Pháp không có vải, và mua một thứ cỏ để nấu nước, làm như thể xứ ta không có cỏ ! ». Nhà Triết-học Voltaire có tư-tưởng cách-mạng, chống việc vua Pháp đi tìm Thuộc-địa, nhưng ông tưởng rằng « xứ Bắc-kỳ » và « xứ Nam-kỳ » là nước Trung-Hoa, và « thứ cỏ để nấu nước » mà ông chỉ-trích đó, chính là trà mà ông Thi-sĩ không thích uống !

Dù sao, tư tưởng đi kiếm thuộc địa ở Bắc kỳ đã nảy ra từ đời Louis XIV nhưng vì vua Lê và chúa Trịnh vẫn khôn khéo từ chối tất cả các cuộc ước thứ của người Pháp và cho họ buôn bán cũng như người Nhật. người Bồ-Đào Nha, người Ang-Lê mà không ký hiệp ước với ai cả. Mãi đến đời vua Louis XVI mới có con trai chúa Nguyễn qua xin viện binh để đánh Tây-Sơn.

Trong lúc chờ đợi quyết định của Louis XVI, Hoàng tử Cảnh ở tại điện Versailles làm bạn với con trai Pháp vương. LOUIS FRANÇOIS DE FRANCE, Hoàng tử nước Pháp, cùng một tuổi với Hoàng tử Cảnh, và Lịch sử nước Việt Nam bắt đầu thay đổi từ trong cái bắt tay của hai cậu bé con này.

Tuy hai cậu chơi với nhau thân mật, nhưng ngôn ngữ bất đồng, tinh nết tập tục cũng khác nhau, cho nên những cuộc vui chơi của đôi bạn nhi đồng khác giống ấy vẫn ngưng nghỉ và không thành thật. Đối với con trai của Louis XVI, Hoàng tử Cảnh chỉ là một « của lạ », « một chú Chệt bé nhỏ », (le petit Chinois), da vàng, mũi tẹt, và ngờ ngẩn làm sao ấy. Còn đối với con trai của Nguyễn Ánh, thì Hoàng tử Louis có nhiều cử chỉ hình như ngạo nghễ, khinh-khi, tuy là ngoài mặt cố gắng vui vẻ thân mật. Nhứt là vì hai cậu bé nói chuyện không hiểu nhau. Hoàng tử Cảnh có học chữ Pháp với vị Giám mục d'Adran, nhưng không được bao nhiêu, chỉ một ít tiếng một, chưa rắp được thành câu. Thường thường, Hoàng tử vẫn nói tiếng Việt với « Cha Cả ». Hoàng tử Cảnh chỉ học chữ « Quốc ngữ », và chính Giám mục d'Adran phải dịch quyền truyện ANDROMAQUE của Fénelon ra chữ Quốc ngữ

cho Hoàng tử Cảnh đọc.

Nhưng, hai cậu bé vẫn nắm tay chạy đôn trong vườn hoa Versailles, và có điều báo-hiệu trước cho cuộc bang-giao giữa 2 nước Pháp và Việt sẽ không lâu bền, là số phận của hai cậu nhỏ ấy cũng giống nhau ở chỗ mỏng-mạnh, chết sớm !

Hoàng-tử Pháp sinh năm 1781. Cậu là con trai đầu lòng của Louis XVI và Marie Antoinette. Hôm sinh-nhật của cậu, triều-đình Pháp tổ-chức những cuộc vui nào-nhiệt tại kinh-đô và khắp nước. Nào khiêu-vũ, nào đa-hội, nào đốt pháo bông, nào tiệc-tùng linh - đình cho dân - chúng ăn uống say sưa để mừng Thái-tử ra đời. Năm 7 tuổi cậu gặp Hoàng-tử Cảnh, hai cậu bé tìm cách gần-bó thân thiện, nhưng rồi Hoàng-tử Cảnh trở về « Nam kỳ », từ giã Louis. Một năm sau, ngày 4 tháng 6, năm 1789, Louis bị bệnh gầy mòn rồi chết.

Hoàng-tử Cảnh về xứ cũng không sống được lâu.

Tháng 11 năm 1787, Bá - tước Montmorin thay mặt vua Pháp ký Hiệp-ước đồng - minh, cứu-trợ Nguyễn-Ánh. Tháng 3 năm 1789, Hoàng-tử Cảnh về đến Sài-gòn. Năm 1799, cậu còn dự trận đánh Qui-nhơn, bên cạnh Giám-mục d'Adran. Tháng, 10

năm ấy, Giám-mục từ - trần vì bệnh kiệt-lực. Năm 1801, ngày 21 tháng 3, Hoàng - tử Cảnh cũng chết vì bệnh.



Đó là một triệu - chứng báo trước rằng sự bang-giao giữa hai nước Pháp-Việt « thân mật » cũng như sự gặp - gỡ của hai cậu bé con, một cậu là biểu-

hiệu cho nước Pháp, một cậu là biểu - hiệu cho nước Việt-Nam, sẽ không bền. Lịch - sử đã chứng minh rằng, quả - nhiên cuộc giao-hảo Việt-Pháp thật-sự bắt đầu từ 1885 cho đến 1945 thì tan-rã. Dù sau đó nước Pháp cố duy - trì, cũng không duy-trì được nữa. Lịch-sử không bao giờ tái diễn

N. V.



Chùa Nguyễn Anh đang đàm-luận với Giám-mục d'Adran (bên phải) và vị tướng Ollivier, một trong các tướng sĩ Pháp của Giám-mục dẫn qua giúp Chúa Nguyễn,

T
H
Ơ

mai sau

Tôi vẫn biết thời-gian trôi chảy mãi
 Và dòn , đời toàn những chuyện đổi thay
 Nhưng làm sao khi nghĩ đến ngày mai,
 Vẫn hồ hững không ngại ngùng luyến tiếc
 Đời hôm nay đầy tình thương thắm-thiết
 Nhiều màu xanh, nhiều hy-vọng đang lên
 Cho hoa thơm, nắng lạ đẹp môi cười
 Cho trọn vẹn những tình mười sáu tuổi
 Có những buổi chiều nghiêng trên khung cửa
 Trời ngoài kia đang đỏ nắng bên thềm
 Tôi say nhìn xem lá gió trao duyên
 Tay ngàn ngại trên cung đàn dịu dặt
 Có những lúc niềm vui tươi tràn ngập
 Lòng nao nao đón nhận một tin thư
 Người xa xôi gửi cả mền thương về
 Trang giấy ngát lên hương đời diễm tuyệt
 Ôi học đường, có thân tình muôn kiếp

Có những hồn trẻ dại lấm say mơ
Có tin yêu, có dịu dàng tha thiết
Và bàn tay đang nắm lấy bàn tay...

★

Nhưng chiều nao sức tỉnh giấc mơ dài
Tìm nức nở nghe thời gian đếm bước.
Lòng trong trắng giăng tơ buồn vô cớ
Tôi ngỡ ngỡ khi nghĩ đến mai sau
Đời còn ngân khúc nhạc tuổi thơ dào
Hay đã lịm ngây thơ vào cay đắng ?
Đời biết có mở vòng tay đưa đón
Hay lạnh lùng vùi dập những mộng mơ
Hay bạo tàn đẩy xuống vực thương đau
Cho hoen-ố những linh hồn băng tuyết ?
Đời vẫn lắm thương yêu hay đã chết
Và bàn tay biết có nắm lấy tay ?
Hay đã xa xôi rồi quên mộng ước
Như chủ hàng quên khách trọ một đêm
Tôi sợ lắm, chân tình rồi bôi xóa
Và lòng người chia mấy nẻo trần gian
Niềm thương đau nghe dậy cả tâm hồn
Tôi cầu khẩn thời gian dừng bước lại!

VÂN-KHANH
(Mỹ-Thơ)

Hòn đất

nắn nên ông Bụt

★ THANH-PHƯƠNG

MÔN ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM

ĐIA LÝ là môn học tìm hiểu những hiện tượng tự nhiên trên mặt Địa-Cầu có quan hệ đến các hiện tượng nhơn sinh. Môn học Địa-Lý có 3 bộ môn : Thiên nhiên Địa-Lý, số học Địa-Lý và Nhân Văn Địa-Lý.

Địa-lý của Tây Phương là môn học được giải thích như trên. Địa-Lý ở Tây Phương có lẽ cũng không khác gì Địa-Lý của Đông-Phương. Tây Phương nhìn Địa-Lý trên hình thể thực tại. Còn Đông-Phương nhìn Địa-Lý trên hình thể trừu tượng.

Địa-Lý Tây-Phương căn cứ vào khoa học, bằng phương tiện đo đạc khoa học. Địa-Lý Đông-Phương ước lượng theo tầm mắt

đề đo đạc, đề phân định hình thể.

Ở Trung - Hoa cũng như ở Việt-Nam, môn Địa-Lý được trừu tượng hóa từ đời mới phát sanh cách đây chừng trên 3.000 năm. Sử nước Việt có nói đến việc Phong-Thủy tức là việc khám phá Địa-Lý ở Nước ta. Năm Ất-Vị (875) vua Đường sai Cao-Biên sang làm Tiết-Độ Sứ Tây-Xuyên tức Tứ-Xuyên bây giờ. Biện dân người cháu họ là Cao-Tâm sang thay mình làm Tiết-Độ Sứ đất Giao-Châu tức là nước ta.

Sử chép rằng Cao-Biên làm Tiết-Độ Sứ ở Nước ta đã biết rõ đất Việt-Nam có nhiều đất Quý, chân mạng Đế Vương, anh tài sẽ ở bên Việt-Nam rất nhiều, sẽ là điều tai họa cho nước

Tàu sau này nên Cao-Biên phải sức cho các Quan Phủ Huyện vẽ lại hình thể sông ngòi nơi trú nhậm cho Biên xem xét.

Biên thường đi xem xét các mô đất và tỏ vẻ lo sợ Địa-Lý đất Việt rất quý sau này sẽ có nhiều vị tướng tài, để vương có thể lấn át Trung-Quốc được.

Biên mới lo xếp đặt phép tắc để trấn áp các mạch Đê Vương lớn. Nhứt là mạch đất Thăng Long là mạch phát Vạn Đại Đế Vương gồm thân Thiên Ma-Cao-Biên nhìn đất chạy từ bên Tây-Tạng Trung - Quốc sang, kéo gò, kéo đồng trùng trùng điệp điệp muôn đời chưa hết. Cao-Biên hô Thần đề hỏi Đất Đế-Vương muôn đời, vạn đại đề dành lại cho một họ ở Việt Nam. Cao-Biên xin đề, Thần đất không cho. Cao-Biên cải lệnh. Đem mã ông nội từ bên Trung-Quốc sang. Tục truyền rằng, Cao-Biên đem mã ông nội đặt đúng huyết nhưng nửa đêm sấm sét ầm ầm đánh bật mã ông Nội Cao-Biên. Thấy Đất quý có thần linh gìn giữ, Cao-Biên biết phúc chưa đến bèn sức dân đắp Thành Đại-La tức là thành Hà-Nội bây giờ, trên bờ sông

Tô-Lịch, nhằm mục đích trấn áp long mạch đất Đế Vương ấy. Cao-Biên còn lại lo sợ mạch đất đi mạnh không ngăn trọn được. Biên liền cho đắp một đường đê bao bọc lấy đất đắp đê đề đào đứt long mạch đất Đế vương ở Thăng long. Long mạch đất Đế-vương vạn đại của Thăng-long thành bị cắt đứt, Cao-Biên mừng rỡ nói cho tâm phúc biết :

— Ta làm việc này, trấn được đất Việt Nam hai ngàn năm mới hồi long mạch. Nếu không, chỉ một long mạch này nước Tàu sẽ bị người Việt Nam cai trị muôn đời không ngóc đầu lên được. Đê yếm thêm những ngôi đất Đế vương khác, Cao-Biên «thường ngôi điều giầy» đi yếm các ngôi đất Đế vương hoặc sức phá long mạch các nơi phong thủy đẹp cốt không cho người Việt được hưởng Địa lý của nước Việt.

Trên đây là lược thuật sơ sài về Địa lý của nước ta theo quan niệm phong thủy trừu-tượng, như sông ngòi, núi non, mô đất, thành những hình tượng Long, Ly, Quy, Phượng v.v... hợp thành một địa thế cấu tạo nên con người tài hoa, anh tuấn.

Quan niệm Địa lý như trên trong nhân dân mới có những câu ca dao về Địa lý như sau đây :

«—Người ta sống vì mồ, vì mã
Không ai sống vì cả bát cơm.»

«— Quý địa sanh Quý Nhơn
(Đất quý sanh người Quý).

«—Hòn đất nặn nên ông Bụt».

Quan niệm Địa lý một cách trừu tượng như ông cha chúng ta thật ra đến ngày nay không ai dám cho đó là mê tín, là không phải. Cũng như số Tử Vi. Hà Lạc là một bài toán số học rất tinh tế mà chúng ta chưa khám phá ra được.

Ở đây, chúng tôi không dám phê bình và cũng chưa dám đặt vấn đề nghiên cứu về Địa lý Việt Nam, chỉ làm một việc thông-thường là thuật lại những câu chuyện về Địa lý còn lưu truyền trong dân chúng, hoặc trong sử sách, để cống hiến bạn đọc Phở-Thông.

★
**NGÔI ĐẤT BÁCH NHỰT
PHÁT VƯƠNG PHI**
hay là
**BÀ CHÚA MÍA VÀ QUAN
NGHỀ LÀNG ĐÔNG MẬU**
★

Ông Đồ Đoàn-Công-Lương, người làng Mía, huyện Quảng - Oai, tỉnh Sơn-Tây, đã 3 lần lọt Tam Trường Trường Hà - Nội mà đành phải về tay trắng vì phạm Trường-Quy.

Nhà nghèo, quanh năm ông Đồ Lương chỉ khăn đóng, áo dài thợ phú ngậm vịnh, bạn cùng với khách tao nhân. Việc gia đình phó mặc bà Đồ tầm tang, canh cửi lần hồi nuôi chồng, nuôi con.

Lấy nhau đã ngoài 20 năm, bà Đồ chỉ hạ sanh được một gái, năm ấy vừa độ trăng tròn, đặt tên là Đoàn-Thị-Lan.

Năm Nhâm Tuất (1682), Chúa Tây Vương Trịnh - Tạc băng hà tại Thăng - Long nhằm đời Vua Lê-Hi-Tôn niên hiệu Chính-Hòa, tại làng Mía, bà Đồ Đoàn Công Lương cũng bị bạo bệnh mà qua đời.

Gia đình ông Đồ Lương đã hiu quạnh lại càng thêm hiu quạnh. Cái Lan vừa học sách vừa học nghề tầm tang của mẹ Nàng đề lại nên ngày nay Nàng Lan vẫn tiếp tục bỏ dâu, nuôi tầm, dệt vải, quay tơ hầu hạ cơm rượu, trà Tàu mỗi ngày bên cạnh cha già.

Kể từ ngày bà Đồ qua đời, ông Đồ Lương dạy thêm mười đứa học trò trong làng rồi quanh quần ở nhà trông nom gia đình, phụ giúp thái dậu, nuôi tằm hộ con gái.

Mỗi mùa dậu, Nàng Lan cấy cây ruộng hương hỏa trên bờ sông, thừa thái dậu nuôi tằm còn bán thêm cho bạn hàng lấy tiền mua rượu cho cha.

Khách của ông Đồ thường thường là những bạn tri-âm thơ phú, những ông Tú, ông Cử, ông Nghè hay những nhà Nho hay chữ mà nhớ thời vẫn lui tới thăm viếng ông Đồ trong những ngày phong vũ thê thê hay những đêm trăng thanh, gió mát gọi lòng của khách yêu thơ.

Một hôm, trời đã về chiều. Bóng ác xế non doài. Giếng núi Tản Viên xa xa xanh rì in trên nền trời hừng đỏ, chín, đã sào-sạc tìm nhau về tổ thì tại làng Mía có người Khách lạ từ vùng Kinh Bắc đến thăm ông Đồ - Lương.

Vừa trông thấy Khách, ông Đồ Lương mừng như bắt được vàng, ôm chầm lấy người khách lạ, tươi cười hả hê, la lớn :

— Đã lâu lắm, Đệ mới mắt ngóng Đại Huynh. Hôm nay, không hiểu Thiên Lý Hữu Duyên như thế nào mà Đại Huynh lại lạc về tệt xá.

Rồi ông Đồ quay vào trong nhà gọi Lan :

— Lan dậu ra lạy Bác và chạy đi mua rượu cho Thầy. “ Từ phùng tri-kỷ tám thiên bôi vẫn còn ít mà ”.

Nàng Lan như vui lây với Cha. Nàng ra chào khách lạ.

Nhìn nàng Lan chít khăn ngang buồng thông sau vai, khách như đoán biết gia đình Bạ vừa xảy ra chuyện chẳng lành. Khách treo ô lên cánh cửa và hỏi :

— Chẳng hay Hiền Tỷ quá vắng lâu chưa ? Sao Đại Huynh không cho Tiều Đệ biết ?

Nghe bạn hỏi, ông Đồ Lương ngậm ngùi đáp :

— Tiện nội về châu Tiên Tô đã gần đoạn tang. Việc nhà quần bách, Đệ không báo cho một ai biết cả. Và lại Tiện Nội cũng mất trong tháng tại Phủ Chúa chốn Kinh Kỳ cũng mang Đại Tang. Còn Đại Huynh như chim hồng học bay bốn phương trời, tin nhận biết đâu mà trao thơ.

Khách càng cảm động khi nhìn bức màn tang bụi mờ bóng nhện. Khách cuốn màn rồi tự tay thắp nhang trên bàn thờ trịnh trọng vái, Ông Đồ lật đật đứng đáp lễ.

Làn hương thơm phức của năm nhang sào bay tỏa khắp ba gian nhà của nhà Nho, nhớ thời.

Chủ, Khách cùng ngồi đàm đạo trên chiếc phàn gỗ. Một lát sau, Lan từ dưới nhà bưng lên một mâm thức ăn còn nghi ngút khói, một be rượu đầy. Nàng Lan chấp tay mời : — Lạy Bác, lạy Thầy, xin mời Bác và Thầy nhấm rượu. Rồi nàng chấp tay đứng hầu một bên.

Ông Đồ dơ tay mời khách :

— Xin thỉnh Đại Huynh nâng ly.

Rồi ông Đồ quay lại giới thiệu với con :

— Đây là Bác Lã Khanh. Thánh Địa Lý của nước ta bây giờ và là Bạ cố tri với Thầy. 1 nước kia, hồi sanh tiền mẹ con vẫn thường nhắc đến bác Lã luôn luôn. Đã năm năm nay, Bác Lã đi chu du thiên hạ. Hôm nay Bác Lã về đây thăm Thầy, thật là vạn hạnh cho gia đình ta lắm con ạ.

Nàng Lan chấp tay cúi đầu vái chào Lã Khanh.

Rượu được một tuần. Lã Khanh, ông thầy Địa lý nổi danh đất Bắc, suốt từ miền Kinh Bắc xuống đến Thăng Long, Sơn nam và thành Đông ai cũng biết tiếng, nhìn Lan tỏ ý bằng lòng và hỏi :

— Cháu bác năm nay mấy tuổi?

— Dạ lạy Bác cháu vừa đúng 16 tuổi. Lan đáp.

Rồi Lã Khanh quay nhìn ông Đồ và hỏi :

— Tôi sẽ giúp Bác một ngôi đất quý Bách Nhật phát Vương Phi và sau 100 ngày Cháu Lan sẽ thành Vương Phi đất Bắc.

Biết tài Địa lý của Bạ, ông Đồ Lương mừng rỡ :

— Được Bác ra tay tái tạo, ơn ấy gia đình Đệ bao giờ dám quên.

Lã Khanh quay lại nhìn Lan hỏi :

— Cháu Lan của Bác nghĩ sao ?

Lan e lệ, đỏ mặt, cúi đầu im lặng. Nàng Lan không tin và tin làm sao được khi nàng chỉ là một cô gái miền thôn dã, con nhà nghèo, cơ hội nào được tới Kinh kỳ để các bậc Đế Vương chú ý.

Lã-Khanh quay sang nói chuyện với ông Đồ :

— Chiều nay, Đệ qua đây thăm Đại-Huynh, có tìm thấy một ngôi đất rất đẹp ở ngay đầu làng này. Ngôi đất phát Vương-Phi rất nhanh chóng. Tôi không dám nói là Tam-Nhật-Vương-Phi e quá sớm chớ Bách-Nhật-Vương-Phi thì cũng chậm lắm rồi.

Ngôi đất này có Nga-Mi, có Ngọc-Tĩnh, tay Long cuốn từ núi Ba Vì trở về, tay Hồ cuốn từ bên kia núi Tân-Viên trở sang. Thật là quý Địa. Ngày mai tôi sẽ cùng Bác đưa cốt bác gái sang táng ở đó. 3 tháng sau đã phát rồi. Phát ngay cháu Lan.

Sáng ngày hôm sau, ông Đồ-Lương sai Lan ra chợ mua Tiều-Sành dựng cốt, vải điều bó xương chớ đêm tối ra đồng cải táng mồ bà Đồ.

Đề xong ngôi mộ, Lã Khanh phân kim xong thì trời nổi gió, vân vũ đầy tứ phương. Lã Khanh vui mừng bảo ông Đồ :

— Đất Quý đề trúng huyệt, âm dương chuyển động. Nhứt định 100 ngày cháu Lan đã an vị trên ghé Vương-Phi đất Bắc rồi.

Nhưng tôi chỉ tiếc một điều, đất tốt có tật, sau này cháu Lan sẽ làm một việc thất đức, chém một vị Tiên-Sĩ Đường Quan.

Rồi Lã-Khanh chép miệng :
— Ô ! Sự đời vẫn thế cả. Nhân vô thập toàn, Địa-Lý cũng thế ! Sáng hôm sau, Lã-Khanh từ giã ra đi. Ông Đồ-Lương cầm giữ mãi, Lã-Khanh vẫn không chịu ở lại.

Ngày tháng trôi qua... Lan bỗng nhiên thay đổi tính nết, cử chỉ. Từ lời ăn, tiếng nói đều có giáng điệu của một vị Mãng-Phụ, Vương Phi. Ông Đồ thấy con khác thường càng tin ở tài Địa-Lý của Bạ.

Rồi, một buổi sáng của mùa xuân, cây cỏ còn ướt hơi sương sớm, Lan đã quảy gánh ra bờ ruộng cắt lá dâu về nuôi tằm. Ruộng dâu là bãi đất phù sa nằm trên bờ sông Hồng. Dưới sông, từng con thuyền qua lại dập dề. Ánh nắng của vầng Thái-Dương vừa ló dạng Đông, chiếu xuống mặt nước lăn tăn gợn sóng nhấp nhô như ai rải năm kim nhũ trên sông lóng lánh ánh nước.

Nàng Lan đưa nhanh tay liềm cắt những ngọn cỏ non mượt.

Nàng cảm thấy tâm hồn sáng khoái vui lây với vạn vật đượm ánh nắng đầu xuân. Nàng cất tiếng hát lanh lảnh :

« Tay cầm bán nguyệt senh
sang ».

« Một trăm ngọn cỏ lai hàng tay
ta ».

Tiếng hát của Nàng Lan ngọt ngào cao vút văng vẳng như chảy trên mặt sông với làn gió mát. Tiếng hát của Lan đã làm cho vị Chúa Tề Đất Bắc, Định-Vương Trịnh-Căn vừa trải qua nghe rõ.

Giữa cảnh sông nước bao-la, dưới trời Xuân mát dịu, tiếng hát của nàng thôn nữ Làng Mía làm động lòng chúa Định-Vương. Chúa truyền hộ vệ ghé thuyền đậu bến để tìm người thiếu nữ cất tiếng hát.

Lính lên bờ tìm quanh ruộng dâu chẳng thấy một ai ngoài một nàng thôn nữ xinh tươi mặn-mà, tóc phượng, mày ngài, đang độ xuân tươi. Người đẹp vườn dâu thôn Mía đang cắt cỏ ruộng dâu. Hỏi ra mới biết chính nàng thôn-nữ kiều diễm là người đã cất tiếng hát làm giao động đến vị Chúa đất Bắc hồi bấy giờ.

Lính mời nàng xuống thuyền để chúa dò. Nàng Lan sợ hãi nhìn đám quan quân. Một hộ vệ Quan nhanh nhẩu bảo Nàng :

— Nhà Chúa vừa ngự giá qua đây nghe tiếng hát của Nàng nên cho vời nàng xuống hầu.

Nàng Lan nghĩ ngay đến ngôi mộ Bách Nhứt phát Vương Phi của Lã Khanh, người bạn tâm-giao với cha nàng cách đây ba tháng. Nàng vội sửa lại vành khăn mỏ quạ, vượt lại mớ tóc mây rồi theo lệnh xuống thuyền hầu Chúa.

Bức rèm vàng che phủ khoang thuyền rộng rộng rãi vừa được cuốn lên. Nàng Lan nhìn trong khoang, Chúa Trịnh Định Vương nằm trên chiếc võng đào đang liếc nhìn Nàng.

Quan quân như thuộc ý Chúa khi gặp người Đẹp, tất cả đều lên bờ dựng lều chờ đợi.

Dưới thuyền rồng, Đoàn thị Lan, cô thôn nữ vườn Mía đã được làm Vương Phi hầu bên Chúa Trịnh Định Vương.

Cuộc đời thơ của nàng thôn-rữ làng Mía, con gái cụ Đồ Đoàn công Lương đã được Chúa

Trịnh Định Vương khai mạc.

Một lát sau, tiếng chiêng nổi lên một hồi dưới khoang. Thị vệ như đã thuộc lầu tiếng chiêng lệnh của Chúa đòi lật đặt xuống hầu.

Cửa rèm lại mở. Nàng Lan đã chỉnh tề khăn mỏ quạ, áo đầm lấm ngời bên Long Ý, cạnh chúa Trịnh Định Vương. Vị Chúa tề đất Bắc dưới thời vua Lê Hi-Tôn ngồi bên người đẹp với dáng điệu chịu mến Thị vệ phủ phục dưới chân chúa Trịnh Định Vương đợi lệnh.

Chỉ nàng Lan, Chúa Trịnh Định Vương truyền :

— Quan Đô Ủy Chưởng Vệ Lê công Liêm và nhà người đưa

Wương Phi về nhà và đưa chiếu truyền Tổng đốc Sơn Tây về kinh hầu để định ngày rước Vương-Phi về phủ Chúa.

Thị-vệ vâng lệnh cùng quan Đô-Ủy Chưởng-Vệ Lê-Công-Liêm hầu ngựa Nàng Lan đưa về làng Mía.

Ngày 16 tháng 4 năm Giáp-Tý (1684), quan Tổng-Đốc Sơn-Tây vâng lệnh Chúa về làng Mía đón Vương-Phi Đoàn-thị-Lan con Cụ Đồ Đoàn-công-Lương về Kinh nhập hàng Vương-Phi nơi Phủ-Chúa : Đó là Bà Chúa Mía.

Kỳ Sau : Quan Nghè làng Đông Mầu, ngót đất phát Nhứt Đại Công-Khanh.



★ MỘT CÁCH GIẢI ĐỘC :

Trò A đi học về miệng dính mực tèm-lem, mẹu máo khóc. Mẹ nó liền hỏi :

— Bộ con uống mực sao mà tèm-lem vậy ?

— Dạ, dạ phải... vì hôm nãy con lấy mực bôi lên áo của thằng B ngồi trước con, thầy bắt được, phạt con phải uống hết bình mực... hu ! hu !

— Ừa, sao con lại khóc, thôi, mực không có gì hại đâu, ai bảo con rần mắt.

— Dạ không phải vậy đâu mẹ, mà thầy còn bắt con nuốt một tờ giấy chậm để giải độc, hu ! hu !



15.- NGUYỄN-VĂN-VĨNH

★ NGUYỄN-VỸ

HỒI hãy còn là một sinh-viên bé nhỏ, tôi đã nghe tên ông Nguyễn văn-Vĩnh, chỉ nghe cái tên thôi, với tất cả tấm lòng khâm-phục và tôn-kính như bậc đại-nhân, siêu-quần bạt-tụy, tài-giỏi vô song. Chỉ vì tôi đã đọc hết bản-dịch bộ sách « Les Misérables » của Victor-Hugo dày bằng bộ Tự-điền Pettt Larousse. Đọc bản dịch của Nguyễn-văn-Vĩnh, ai cũng phải nhận ông là một nhà học-giả tài

năng quán chúng. Trước đó tôi đã đọc vài bản dịch *Chinh-phụ-Ngâm* ra tiếng Pháp, và nhiều bản dịch thơ Pháp, nhất là một bài *Le Lac* ra tiếng Việt, tôi đã không được thỏa-mãn. Từ khi đọc mấy bài *Fables de La Fontaine* của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch ra Việt-ngữ, và bộ sách « *Những kẻ khốn-nạn* » của ông rất là vĩ-đại, hùng-tráng, tuyệt-kỳ, tuyệt-mỹ, thì mỗi lần chỉ thấy cái tên

của ông tôi cũng đã cúi đầu xuống khâm-phục rồi.

Sau đó, báo *l'Annam Nouveau* của ông ra đời. Tôi mua ngay tờ số 1, cũng như các bạn trẻ ham học hỏi đó, và cũng như tất cả các bạn sinh-viên nghèo, chúng tôi đều rán mua cho được, mỗi tuần hai kỳ, các số báo *L'Annam Nouveau* cho đến khi nó đóng cửa, vì ông Vĩnh bị vỡ nợ.

Mê Việt - văn của ông, mê cả Pháp văn của ông, tôi chỉ ao-ước được gặp ông một lần, được hầu-chuyện với ông, dù là một tiếng đồng-hồ thôi, cũng thỏa-thích. Một buổi chiều vào khoảng ba giờ, một người bạn của tôi và tôi đang đi trên vỉa hè phố hàng Gai, bỗng người bạn bảo tôi :

— Ông Nguyễn-văn-Vĩnh kia, mày !

— Đâu ?

Người bạn chỉ tôi một ông to béo, mặc áo-phục trắng, đội cái mũ trắng bự giống như cái « mũ thuộc địa » (casque colonial hồi đó), ngồi trên chiếc xe mô-tô kền-kàng, nổ bình-bịch và kêu rầm-rầm, từ trên hàng Bông chạy thẳng xuống hàng Gai. Chúng tôi đứng lại

ngó ông. Lúc ông bay vụt ngang qua chúng tôi, tôi cúi đầu chào. Ông không trông thấy. Nhưng tôi vui sướng vô cùng, Tôi đã thấy mặt nhà Văn-hào Nguyễn-văn-Vĩnh.

Trong ba năm mà tôi còn là cậu sinh viên nhỏ bé, tôi chỉ thấy ông Nguyễn-văn-Vĩnh có một lần đó thôi. Nhưng hình-ảnh của ông nhà-văn to lớn kia đã in sâu vào trong trí nhớ của tôi, và mỗi khi tôi nghĩ đến ông, hay đọc một bài báo, một quyển sách của ông, thì, lạ quá, tôi cứ nghe tiếng xe mô-tô nổ bình-bịch và chạy rầm-rầm bên tai tôi.

Cho đến bây giờ, tôi ngồi chép lại ký-ức này, tôi vẫn còn thấy bóng dáng ông Nguyễn-văn-Vĩnh ngồi trên chiếc xe mô-tô sơn màu đỏ, chạy vụt qua trước mắt tôi thật nhanh, như một chiếc xe mô-tô bay.

Trong những câu chuyện của đám sinh-viên Trường cao-dẳng Hà-nội, người ta thường nói đến ông Nguyễn-văn-Vĩnh luôn. Một vài anh cho tôi biết rằng ông có một người vợ hai là cô Đàm-lai rất đẹp và còn trẻ tuổi. Còn bà cả thì là người Bắc, rất hiền lành.

Nhà ông là cái biệt-thự có tường xây cao chung quanh và có cổng sắt, trên hồ Văn-chương, bên cạnh Đền thờ Khổng-Tử. Tôi đã đi ngang qua đó mấy lần. Tôi vẫn hằng ước mong làm sao có cơ-hội may-mắn được gặp ông một lần, để xem tường-tận gương mặt của ông và nghe ông nói chuyện.

Cơ-hội ấy đã đến. Tôi cầm tập thơ mỏng-dánh vừa mới xuất bản, đến Tòa Báo *L'Annam Nouveau* với ý-định kính tặng ông để xem ông nói thế nào. Buổi sáng tôi biết ông bận nhiều việc, tôi đợi đến buổi chiều. Tôi rón-rén bước vào phòng thư-ký. Bốn năm ông và cô ngồi làm sổ-sách, đánh máy, không ai để ý đến cậu nhãi con ngơ-ngác, như con nai đi lạc bước trong rừng chiều.

Bỗng một chàng con trai dong-dông cao hơn tôi, nhưng chạc tuổi với tôi, từ ngoài cửa đi vào. Chàng tùm-tùm cười, hỏi rất nhã-nhặn :

— « Vu » hỏi gì đấy ?

Tôi thấy cái miệng chàng như móm, nhưng đôi mắt rất lạnh-lợi.

Tôi bảo :

— Tôi muốn xin vào yết-kiến ông... Directeur.

Chàng nhanh-nhau trả lời :

— « Vu » chờ một tý nhé. Để tôi vào xem Thầy tôi có bận việc lắm không đã nhé... À mà, xin lỗi, « Vu » hỏi ông cụ có việc gì ?

— Dạ..., tôi muốn đem tặng ông Directeur tập thơ nho-nhỏ đây, mới xuất-bản.

Nói xong, tôi trao « Tập Thơ đầu » cho chàng ta. Chàng xem qua trên bìa, lật qua mấy trang trong, rồi tùm-tùm cười, cười mím chặt môi, để cái miệng như móm vậy.

Xong, chàng bảo :

— « Vu » cứ vào với tôi.

Tôi đi theo chàng, trong lòng hồi-hộp, không biết chàng này là ai mà coi bộ đi vào văn phòng riêng của ông Chủ-nhiệm có vẻ tự-nhiên như thế.

Một căn phòng rộng-rãi, mát-mẻ, có một dãy cửa kiến ngó ra ngoài đường. Ông Nguyễn-văn-Vĩnh mặc áo sơ-mi thật trắng, tay dài, đeo cà-vạt đen, ngồi chăm-chú viết. Nghe tiếng giày chúng tôi vào, ông ngưng bút, ngoảnh mặt ngó ra. Chàng trẻ

đến gần, cười bảo rất lễ phép và vui-vẻ :

— Thưa Thầy, có một chàng Thi-sĩ..

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh ngó tôi, thốt ra một tiếng Pháp :

— Ah !

Ông lại cười, tiếng nói rang-rang :

— Vous êtes poète ?

(Anh là Thi-sĩ hả ?)

Tôi mỉm cười đáp :

— Non, monsieur le Directeur.
(Đạ thưa, không phải.)

Chàng kia bỏ tôi ở lại một mình với ông Nguyễn-văn-Vĩnh, chàng đi ra ngoài.

Ông cầm quyển thơ mong-manh, bé nhỏ, lật coi từng tờ. Ông chú ý đến thơ Pháp nhiều hơn là thơ Việt. Rồi ông vui vẻ nói chuyện.

Tôi cảm thấy vinh hạnh được ông Nguyễn-văn-Vĩnh bảo ngồi chiếc ghế đối-diện, và được ông tiếp chuyện độ vài chục phút. Ông chỉ nói tiếng Pháp, thỉnh thoảng mới chêm vào vài câu tiếng Việt thôi.

Ông hứa sẽ viết bài giới-thiệu quyển thơ, và khuyến khích vài lời, làm tôi vô cùng cảm động.

Tôi đứng dậy chào cáo biệt.

Ra ngoài tôi lại chạm trán anh chàng lúc nãy. Té ra anh tự giới-thiệu là Nguyễn-nhược-Pháp, con trai cụ Nguyễn-văn-Vĩnh. Từ đó, hai đứa chúng tôi quen nhau và dần dần trở nên đôi bạn thân.

Rồi do nơi Nhược-Pháp mà sau đó tôi lại quen với Huy-Thông.

Hai ba lần, Nhược-Pháp đưa tôi đến tòa soạn L'ANNAM-NOUVEAU, tại đây tôi thường được hân hạnh hầu chuyện với cụ Vĩnh. Cụ thích nói về chính-trị vì lúc bấy giờ cụ chủ trương chế độ « *Administration drecte* » (trực trị), đối lập với ông PHẠM QUỲNH, lãnh tụ phe Bảo-Hoàng, chủ trương củng cố uy quyền Bảo Đại. Khác hẳn với Phạm-Quỳnh mà cử-chỉ, thái-độ, ngôn-ngữ đều ra vẻ học-giả quý-phái, lại kiêu-căng, tự-dãc, cụ Nguyễn-văn-Vĩnh rất là bình-dân, giản-dị, không khiếm-tốn một cách giả-dối mà cũng không kiêu-kỷ trịch-thượng. Nói thẳng thắn điều gì cần phải nói, quan-niệm thế nào thì nói ra thế ấy, không cần văn-chương bóng-bẩy, không dè-dặt, rào trước đón sau, không quanh-co.

khúc-khiu, không nham - hiểm. Đó là những đức-tính của Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh mà người đương thời đều mến phục. Nguyễn-văn-Vĩnh rất trung-trực, không nịnh ai mà cũng không ưa ai nịnh mình, không tùy thời, chỉ tùy mình. Cụ chủ trương lẽ phải của Cụ, không có lý lẽ nào khác đánh-dỡ được Cụ.

Cụ là người rất yêu nước, yêu dân, một nhà ái - quốc chân-chính, và Cụ đã thực-hiện đời sống dân-chủ riêng trong phạm vi của Cụ giữa thời kỳ phong-kiến thối nát của chế-độ thuộc-địa và quân-quyền.

Cụ chủ-trương « trực-trị » tức là Cụ chống lại quyết liệt cái chế-độ thuộc-địa và bảo-hộ của Pháp. Chánh sách trực-trị của Cụ gần như Chủ-trương Commonwelth của Ấn-độ hiện nay đối với Anh. Cụ đã kích quân-chủ, coi Bảo Đại như đứa con nít khờ-khạo để cho Tây vò đầu sai khiến. Hầu hết các lớp sinh-viên cao-đẳng và trí-thức giác-ngộ ở Bắc-Hà đều hưởng-ứng theo Nguyễn-văn-Vĩnh.

Bọn thanh-niên chúng tôi thời bấy giờ, — tôi nói đại đa-số sinh-viên Cao-đẳng và Văn-sĩ Thi-

sĩ mới ra đời — đều phục ông Nguyễn-văn-Vĩnh như ông Thầy, hơn nữa, như nhà lãnh-tụ. Nhưng Cụ vẫn hoạt-động công-khai, không thích làm « Hội kín ».

Tôi nhớ có lần, tôi muốn chơi nghịch chọc Cụ Vĩnh mà không cho Cụ biết. Tôi mượn cái tên *Lệ-Chi* của người bạn gái thân-yêu nhất của tôi để ký một loạt bài về phụ-nữ, bằng Pháp-văn, trong tờ báo Pháp *L'Ami du Peuple Indochinois* (*Bạn Dân*) của ông Giáo-sư Mi-chel. Tôi « công-kích » một bài của Cụ Vĩnh trong *L'Annam Nouveau*, nhan đề là « *Nos enfants chantent, nos enfants jouent* » (Trẻ em hát, trẻ em chơi). Cụ giảng nghĩa ra Pháp-văn một bài hát :
« *Chi chi chành chành, cát đánh thốt lữa, con ngựa đứt cương* » v.v...

Với bút hiệu *Lệ Chi*, tôi cãi lại, cho rằng Cụ giảng sai. Thực tình, tôi nghịch-ngợm, giả làm một Nữ sinh - viên để bắt bẻ Cụ chơi, xem Cụ bảo sao chứ đâu dám cãi bướng với Cụ. Vì vậy mà có cuộc « bút-chiến » giữa Cụ và « cô *Lệ-Chi* ». Độc-giả hai

rò báo chắc là tùm-tim cười, theo rôi cuộc « bút-chiến » lý thú kéo dài gần một tháng. Lê-Chi là cô gái nghịch-ngợm, ranh-mãnh, nhí-nha nhí-nhảnh, còn Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh tuy là già nhưng cái giọng châm-biếm vẫn còn hăng, quyết-liệt mà không đỡ quạu. Rốt cuộc, Cụ viết đại khái như sau đây :

« Nếu cô Lê-Chi mới đỗ Tiến-sĩ Vật lý-học ở Pháp về, chắc cô cũng chưa có chồng và chưa có con. Tôi khuyên cô nên có con đi đã rồi hãy nói chuyện với tôi về cách trẻ em hát và trẻ em chơi. Tôi thì tôi đã có chút ít kinh-nghiệm về trẻ con bởi tôi là một đứa trẻ con già.

Tôi còn nhớ mãi câu của Cụ là « je suis un vieil enfant » (Tôi là một đứa trẻ con già) !

Tôi phục câu ấy quá, không dám kéo dài cuộc « bút chiến » nữa. Nhưng sau đó Nguyễn-nhược-Pháp cười bảo ông bố : « cô Lê-chi là N.V. đấy, Thầy ạ », Cụ Vĩnh cười hà-hà : « Thế mà Thầy cứ tưởng là có cô Lê-Chi thật ! »

Tết năm ấy, tôi rón rén đến mừng tuổi Cụ. Với bàn tay hộ-pháp, Cụ tươi cười vỗ mạnh trên

vai tôi, làm tôi muốn liềng-xiềng. Nhưng nghe Cụ bảo :

— Chúc cô Lê-Chi đầu năm đẻ con giai, cuối năm đẻ con gái nhé !

Tôi mắc cỡ đỏ mặt, nếu không có Nguyễn-nhược-Pháp trong nhà chạy ra, tay bắt mặt mừng thì có lẽ tôi đã té-xiu xuống chiếc ghế phô-tơi cũ-kỹ nơi phòng khách của Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh.

Hôm được tin Cụ chết ở bên Lào, tôi ngồi nơi bàn viết của tôi, nhớ đến Cụ, bỗng dưng hai giòng nước mắt trào ra.

Tội nghiệp Cụ Vĩnh ! Trong lúc, kẻ biết xu thời đang ngất ngưỡng cân đai ở Huế, vênh-váo bên ngai rồng, thì một bậc Văn hào lỗi lạc, một nhà Ái quốc trung trực và liêm khiết, đã vỡ nợ, theo ông Amédée Clémenti sang xứ Lào để tìm vàng đi phiêu lưu mạo hiểm trong rừng thiêng nước độc, rồi chết trên một giường bệnh, xa vợ xa con. xa quê hương xứ sở, xa tất cả những người mến yêu kính phục, và trong túi không có một đồng xu !

Quan tài của cụ Nguyễn văn Vĩnh được đưa xe lửa từ Lào về đến ga Thường Tín, ở phía Nam Hà nội, cách thủ đô khá xa. Tất

cả các giới sĩ, nông, công, thương ở Hà nội và các tỉnh lân cận đều tự động kéo nhau đi, sấp hàng tư, hàng năm, có đến mấy chục ngàn người, đi bộ gần mấy cây số, để đón rước linh cửu của nhà Đại Văn-sĩ.

Linh cửu đến ga Hàng Cỏ giữa một biển người im lặng, ai nấy đều cúi đầu, rung rung nước mắt. Linh-cửu được đưa vào đặt trong Hội quán Hội Tam Điểm (Loge de Franc-Maçonnerie), có ông Lê-Thăng, Tiến sĩ Luật-khoa và cộng sự viên của *L'Annam Nouveau*, ông Phạm

huy Lục và hai người Pháp trong Hội, đứng túc trực đêm ngày.

Hôm đám táng của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, một số anh em làng văn, Lưu-trọng-Lư, Trương - Tửu, Lan-Khai..., bảo tôi làm bài ai-điếu. Tôi bảo :

— Không ! Các anh muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói, Các anh muốn đọc mấy chục bài điếu-văn cũng được cả. Đừng bảo tôi.

Tôi chỉ mong được vinh-dự khiêng quan-tài của Nguyễn-văn-Vĩnh trên vai, từ Hà-nội về đến huyệt mà nơi làng của Cụ...



★ NGHĨ SAO NÓI VẬY

Con — Ba ơi ! mua cho con cái trống để đánh chọi, Ba.

Cha — Con đánh trống, làm sao Ba ngủ cho được ?

Con — Vậy con chờ khi nào Ba ngủ rồi thì con mới đánh, sao đầu l...

Cha — ~~l...~~

THÁI-HÒA

★ ĐÁNH CÁ NGỰA

Mấy tháng nay, Lý Toét rất ham đánh cá ngựa. Mỗi Chúa nhật, anh đều đánh ở độ đầu 50d. con số 1.

— Bộ anh ăn dư lắm hả. Xả-Xệ hỏi.

— Ăn cái mớ khô gì anh ! Tôi nghi họ gian lận quá anh Xả à. Chắc là khi ngựa chạy phía bên xa quá mình không thấy rõ, mấy chú nài họ đổi số lại chớ gì !

NỤ CƯỜI PHỔ THÔNG

CÔNG TÁC XÃ-HỘI

NHÂN VẬT : Bà chủ và U già

★ **TRỌNG-TẦU**

U già.— Dạ, thưa bà...

Bà chủ.— Tại sao cứ hết thưa lại gửi ?

U già.— Dạ, thưa bà không thưa bà lại cho là vô lễ...

Bà chủ.— Nhưng nghe cái thưa của các người chường tai lắm ! Hẳn lại muốn xin xỏ truyện gì đây ?

U già.— Thưa bà, bà là người nhân đức...

Bà chủ.— (gắt gỏng) Bà khỏi cần nói, còn ai lạ tôi nữa sao ? Tôi là phó Hội Trưởng Hội nàng đỡ kẻ nghèo, Tổng Thư Ký Hội bố thí cho kẻ khó, Bí thư của Hội bạn thân của người thất nghiệp ; tôi lại có ba bốn

chân trong các hội làm phước quốc tế nữa. Các báo ngày nào cũng đăng tên tôi, hằng năm, không có danh sách lạc quyền nào là tôi để thiếu sót...

U già.— Thưa bà, vì biết bà phúc đức như vậy nên con mới xin bà giúp cho 500 đồng vì lũ nhỏ nhà con hiện giờ đang ốm nặng. Nhân tiện con xin phép bà cho nghỉ mướn hôm...

Bà chủ.— (Nhảy chồm lên) Trời ơi ! tiền tôi làm phước từ phương còn dư đâu cho bà ? Bà muốn nghỉ ? (bĩu môi) Bà nói dễ nghe chưa ? Thế cuối tháng bà có nghỉ lãnh lương không ?

U già.— Thưa bà, con xin lỗi,

đã đại đột lờ nghe người ta súi đục.

Bà chủ.— (càng nổi lời đĩnh) Đứa nào ? nó súi bà giết tôi phải không ?

U già.— Thưa bà không ạ ! Có anh học sinh nghèo trước cửa, anh ấy bảo con cứ thưa với bà : « Trước khi làm phước từ phương hãy giúp đỡ cho ngay người ở gần mình đi đã », con chắc nói thế bà thương.

Bà chủ.— Hừ, hồn thật ! Nhãi con đòi lên mặt giấy đòi. Tôi giúp bà thì ai biết cho tôi, các báo có đăng tên tôi lên không ?

U già.— Cậu ấy còn nói thêm : « làm phước mà không nêu danh tính là làm phước hai lần »... Ạ ! (Tác giả chú thích giùm : *Servir sous l'anonymat c'est servir deux fois*).

Bà chủ.— (sùng sộ) thằng nhỏ nào lớn gan thật. Bảo nó coi chừng tôi, hỏi nó muốn yên thân ở cái đường này hay muốn cuốn gói đi chỗ khác ? Thôi, tôi không có thì giờ nói truyện làm phước với u, (nhìn đồng hồ) tôi còn phải sửa soạn đi dự cuộc thảo luận giúp nạn nhân bão lụt ở Đài-Loan. . . đi vào trong nhà, đừng có lộn-xộn !

(U già lùi thủ đi vào trong đề.)
Màn hạ 1 cách rất k ch. . . còm.

★
BÀ BẦU TÂM SỰ

Hỏi.— Thưa bà « *Bầu tâm Sự* » em yêu cô đó, và em hỏi hẳn vô cùng, hỏi hẳn đời-đời kiếp. kiếp vì em quá đại đột làm cái việc mà chỉ sau khi cưới xin người lịch sự mới có quyền làm. Nhưng, rồi em vẫn không bỏ cô ấy và quyết đi, đến sự cưới hỏi đàng hoàng. Tiếc thay, cô ta tệ quá, lại bỏ em mà ngang nhiên đi với cả trăm bạn trai khác. Dù sao em vẫn muốn cưới cô ta để chỗ đỡ bị lương tâm cắn rứt, bà bảo có nên không ?

Đáp.— Cậu đã đi mau và mạnh quá, âu đó cũng là tính bồng bột của đa số thanh niên mới lớn lên. Cậu đã biết hỏi-hận thế là đủ rồi ; còn cưới 1 cô gái hư đốn như vậy về làm vợ tôi khuyên cậu đừng đại đột để khổ 1 đời. Bỏ người con gái hư đó đi là thượng sách.

★
Một tuần sau Bà *Bầu tâm sự* nhận được những lời sau đây của người hỏi :

— Thưa Bà *Bầu tâm sự*, bây giờ thì em đã hết hỏi hận rồi và em quyết bỏ cô đó. Cảm ơn bà đã cho em 1 bài học sáng suốt. Em càng không hối hận khi nghe lời khuyên của Bà *Bầu Tâm Sự*, 1 lời khuyên chí lý mà chính mà cô gái hư đó cũng không khuyên em khác hơn.

Thưa Bà *Bầu Tâm Sự*, cô gái đó là con của . . . Bà *Bầu Tâm Sự* đó ạ !

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

VIII

TRONG cái khi tôi đang chăm-chú nhìn bọn người kia, thì chính họ, họ cũng để ý vào tôi, vì tôi là một kẻ lạ - mặt đối với họ. Không những thế, y-phục của tôi ở giữa cái hoàn-cảnh nôm-tạm, bừa - bãi này, nó tố-cáo sự cao sang, chải-chuốt của tôi. Nói tóm lại, tôi không phải là một người cùng thuyền, cùng hội, với họ. Biết vậy, tôi cúi đầu, khẽ gọi

người hầu, đem lại cho tôi một chén cà-phê.

Bỗng, ở một góc phòng đằng kia, dăm nhạc-thủ khởi-tấu nhạc « jazz » ; đồng-thời, cả bọn liền bắt đầu ôm nhau khiêu-vũ ở trong cái sân nhảy nhỏ, hẹp của quán rượu. Ba đôi thanh-niên ngồi cùng bàn với tiểu-thư Thê - tư - Lãng cũng tham - gia cuộc vũ-đạo. Còn tiểu-thư Thê-tư-Lãng, nàng nhảy với một gã

CÔ GÁI ĐIÊN

cao, lớn, có râu mép. Mỗi đến lúc này, tôi mới lại nhận rõ cái thân-hình cực-kỳ yếu-điệu, mỹ-hảo của nàng. Một đôi vũ-khách gồm có một cô gái to béo và một người đàn-ông lực-lưỡng xoay vần tôi trước cái bàn tôi đang ngồi. Tôi có cái cảm giác cô gái đây-đà kia, không hưởng-thụ được hết hứng thú cuộc vui, trong tay người bạn nhảy. Còn tiểu - thư Thê-tư-Lãng, nàng cơ hồ như một người máy. Không một lần nào, tôi thấy nàng hé môi cười, mà, có cần nói gì, nàng toàn dùng cái giọng nhát gừng, như người bắt bớ dĩ mà theo đà vậy. Gã đàn ông, người bạn nhảy của nàng không có vẻ gì là khinh bạc, anh ta hình như rất đổi khoái lạc vì được ôm con người ngọc đỏ trong cánh tay. Tuy vậy, anh ta vẫn có dáng điệu e dè, sợ hãi, chứ không dám có ý suông-sã.

Tôi vẫn ngồi yên, đợi cho hết một khúc nhạc, mồm ngậm cái tàu thuốc lá, lơ đãng xem bọn người kia hoan hỉ múa may, quay cuồng.

Một lúc sau, tiếng nhạc ngừng thôi và cả bọn đều thôi nhảy; họ kéo nhau đi ngồi nghỉ.

Chờ cho tới khi âm nhạc nổi lên, tôi bèn đi đến phía người con gái to béo, để mời cô nhảy một bài; vì trong thâm tâm tôi,

tôi muốn dò thám một vài điều mà tôi cần biết. Bởi vậy, tôi đã cùng cô gái ấy nói chuyện rất lâu. Tôi cho cô ta biết, tôi là một người ngoại quốc; lần này là lần đầu tiên, tôi đến chơi ở nơi đây, và tôi rất lấy làm buồn tẻ, vì không có bạn. Tiếp đó, tôi hỏi cô ta:

— Cô và các bạn của cô, thường thường hay lại chơi đây, có phải không ạ?

— Phải, chúng tôi thường hay lui tới ở đây.

— Tôi hỏi thế không phải, có phải mấy người kia, và cô, đều là chỗ bạn thân với nhau cả, hoặc giả có bà con gì với nhau, chẳng?

— Không đâu, chúng tôi, chỉ vì đến chơi đây, mà thành ra quen nhau.

— Tôi xem mấy bạn trẻ tuổi kia, người nào, người ấy, đều rất là vui-vẻ.

—

Cô ta không đáp, mà chỉ gật gật đầu. Đợi giây lát, rồi tôi lại hỏi:

— Thừa cô, tôi trông cái cô bạn áo đỏ thăm kia, hình như quen quen, không biết tôi đã được gặp, ở đâu?

— Đã gặp cô ấy? mà ở đâu kia chứ?

Cô ta vừa phì cười, vừa hỏi lại tôi như vậy. Tôi trả lời cô:

— Tôi cũng chẳng nhớ rõ nữa.

— Ông có biết không? Tôi dám chắc ông không thể nào gặp được cô ấy vì cô ấy là một nhân vật rất đời bí mật, chẳng ai rõ được lai-tung, khứ-tịch của cô ấy cả.

— Chính cô, cô cũng không biết được tung-tịch của cô ấy, hay sao?... à thế, tất cả bạn bè ở đây thường gọi tên cô ấy là gì?

— Chúng tôi chỉ vẫn gọi cô ấy là cô Bạch-Tần..

— À, thế ra, không ai biết cô ấy họ gì, hay sao?

— Không biết thật, vì cô ấy không hề nói ra bao giờ, mà chúng tôi cũ g chẳng hỏi làm chi.

— Kỳ-dị thiệt đấy!

Tôi vừa nói đoạn thì âm-nhạc ngừng tấu. Tôi bèn đưa cô ấy về chỗ và cúi đầu cảm ơn cô. Hình như cả bọn người kia đều chú ý vào các cử chỉ của tôi. Đi thẳng về chỗ ngồi, tôi nhận thấy rõ ràng đối với cái lũ người kia, tiêu thư Thê-tư-Lãng quả là một cái gì cực kỳ bí mật, huyền ảo. Sau đó, trong khi nàng đang ngược mắt nhìn lên khoảng không, tôi ung-dung đi lại mời nàng khiêu-vũ.

Nàng nhận lời và khi tôi đã cầm bàn tay nàng trong tay tôi, tôi nói:

— Thưa tiêu-thư Thê-tư-Lãng,

tôi đã chờ đợi mấy tháng trời nay, mà mãi tới bây giờ, tôi mới có hân-hạnh được nhận-thư tiêu-thư...

— Á! Sao ông lại biết tôi là tiêu-thư Thê-tư-Lãng, kia?

— Tôi xin lỗi tiêu thư, sao tiêu-thư lại không nghĩ tới rằng, chính cái cô nhảy với tôi trong bài kèn trước, đã nói cho tôi rõ?

— Không, không, nhất định không phải, vì, tất cả ở đây, chẳng một ai biết rõ tính danh của tôi hết.

— Và, thưa, họ chỉ biết tiêu-thư là Bạch-Tần tiêu-thư thôi, kia à?

— Đúng thế đấy!... Nhưng xin ông cho tôi rõ, tại sao ông biết tên, họ của tôi?

— Tôi cũng hiểu, đó là một điều bí-mật, nhưng, xin tiêu-thư cứ phóng-tâm, không khi nào tôi đem nói hở ra cho ai rõ đâu.

— Nhưng, còn ông, tại sao ông lại thông tỏ ngõ đường làm vậy, kia chứ?

— Xin tiêu-thư chờ nghỉ oan cho tôi, quả tôi không có ý thọc-mách, tôi chỉ mong có dịp để làm quen với tiêu-thư.

— Hay là cha tôi đã rẽ đầu đuôi... và... ông đã cố-tình theo dõi tôi, chứ gì?

— Tiêu thư nên tin ở lời tôi, tôi không hề bịa đặt một điều gì.

— Nhưng mà...

— Thôi, bây giờ xin tiêu-thư chờ cật vấn tôi nữa; tối mai tiêu-thư hãy đợi tôi ở đây, tôi sẽ xin nói rõ đầu đuôi, tại sao tôi đã « thông tỏ ngõ đường » như lời tiêu-thư vừa bảo tôi, căn này.

— Được, tối mai, tôi xin đợi ông, ở đây.

Nàng nói rút lời, trở nên trầm lặng, cho tới khi hết bản nhạc. Nàng về ngồi ở chỗ cũ, hút một điếu thuốc, và ngược cặp mắt, lơ-dãng nhìn lên khoảng không-gian. Nàng vẫn cứ lặng thinh, không thốt ra thêm một lời nào nữa. Dăm phút sau, nàng đứng lên, đi vào phía nhà trong. Tôi ngồi yên, đợi hơn hai mươi phút đồng-hồ, chẳng thấy nàng trở ra, tôi cũng đi vào phía nhà trong. Ở nơi đây, có đặt mấy bàn bi-a và có vô số người xúm đông chung-quanh, và đang ăn thua với nhau một cách rất nhiệt-náo. Tôi chẳng thấy hình-dong bóng vía cô nàng ở đâu cả. Trong lúc tôi còn đang do-dự, chưa biết tính sao, thì tôi chợt trông thấy một người đi về phía bên hữu và bước qua ngưỡng một cái cửa nhỏ, hẹp; tôi bèn nói gót đi theo người đó. Thì ra, đây chỉ là một lối đi, ăn thông sang một cái đại-sảnh, đèn đuốc sáng-trung. Tiếng người

ồn ào, họ đang quây-quần chung-quanh những bàn bạc. Tôi lón vào một đám, và, vừa ra may, chính tiêu-thư Thê-tư-Lãng cũng có mặt ở đó. Nàng đương vui đầu trong cái cuộc đổ đên này, nó có vẻ vô-cùng hào hứng. Xem chán một hồi, tôi cũng móc tiền ra mua một số trư-mã nhỏ, để có thể lân la tới bên cô nàng. Tôi chẳng cố ý ăn thua, mà chỉ cốt để truy tuyền bệnh nhân của tôi thôi. Nàng cơ hồ như mê man trong đám bạc, mà chẳng hề để ý gì tới tôi cả. Một lát sau, tôi thấy cái cô gái to béo và gã đàn ông có râu, cùng kéo nhau tới bên bàn bạc của chúng tôi. Cô gái béo nói với Bạch-Tần:

— A ha, Bạch-Tần, tối nay, cói có vẻ rất « đổ » thi phải?

— Cũng không đến nỗi, không đến nỗi.

Nàng đáp như vậy và quay đầu lại, thì liền nhận ra tôi, nàng hé môi cười với tôi, rồi lại quay đi, chuyện vãn với hai người kia.

Tôi để mắt nhìn về phía Bạch-Tần, hình như cô gái béo và gã có râu, cùng ngồi xuống đánh ké với nàng. Chỉ một lát sau, nàng đã thua hết số tiền ở trước mặt; cả ba người đều đứng lên, ra khỏi đám bạc và trở ra nơi tửu-sảnh. Họ gọi lấy rượu « vich-ky » ra và Bạch-Tần bắt đầu một

euộc cuồng âm. Tôi cũng chẳng rõ cái gã có râu có say hay không, đột nhiên, anh ta quay lại hỏi tôi:

— Ô, ờ, làm sao anh lại cứ đi theo chúng tôi?... Sao anh lại luôn luôn chú ý tới vị tiểu thư đây, là thế nào?

Tôi cười, đáp:

— Ô hay, tôi cũng xin hỏi lại ông, sao ông lại hỏi tôi như vậy, kia?

— Tôi cần phải hỏi anh cho ra lẽ.

Chính sắc mặt lại, tôi đáp:

— Vậy thì tôi, tôi có một lẽ riêng, không cần phải trả lời ông.

— Nhưng tôi cảm anh, anh không được chú ý đến vị tiểu thư này.

— Tôi có quyền tự-do hành-động của tôi, không ai cấm được tôi cả.

— Tôi cấm anh, nghe chưa?

Hắn nói xong, đứng lên, lấy thế, để chực dùng vũ-lực.

May sao, lúc ấy, âm nhạc lại nổi dậy. Tôi ngang nhiên đi tới, cúi đầu mời Bạch Tàn khiêu-vũ; nàng ưng nhận ngay. Mấy lời trách vấn của gã kia, bỗng trở nên vô hiệu lực.

(Còn tiếp)



★ BẠN CÓ BIẾT RÀNG

- Trong thân thể người ta có đến 240 cái xương?
- Mỗi ngày một con bò cái ăn đến 50 kilos đồ ăn?
- Phải mất 13 năm để xây cất kênh Suez?
- Muốn có một cân tơ phải cần đến 2.300 con tằm?
- Trong 25 phân vuông bánh làm bằng mật có đến 9.000 tế-bào?
- Luôn luôn có trên 1.000.000 người ở trên biển?
- Tim của người thường đập mỗi ngày độ chừng 92.160 cái?
- Mỗi mùa 1 con ong chúa đẻ 100.000 trứng?
- Khi nhắm mắt lại, luôn luôn người ta đi về phía bên tay mặt?

★ DANH NGÔN

— Người ta bảo y là một bậc nhơn tài, nhưng sự thực y chỉ là một kẻ ngu dốt, nếu y không phải là ông Tổng Trưởng. (Tel passe pour un grand esprit, qui ne serait qu'un sot s'il n'était pas ministre).

HELVETIUS (1758)



CÁC THI-SĨ
CUỐI CÙNG
CỦA THẾ-HỆ
LÃO THÀNH

3.— Bà CAO-NGỌC-ANH

★ ĐIỀU-HUYỀN

Lần đầu tiên, bốn câu thơ chữ Hán đăng trong Nam-Phong tạp chí vào khoảng 1926, khiến các giới văn-học ở Hà-nội chú ý đến một bậc tài hoa, còn trẻ tuổi, ký tên là NGỌC-ANH Nữ-sĩ. Bài thơ tứ tuyệt ấy như sau đây:

ĐÀO HOA KHÂU CHIẾM:
Tích niên lang tháp song đào thụ,
Kim kiến đào hoa bất kiến lang.

Giật sử hoa thần như hữu thức,
Vị lang tiêu-tụy giảm dung quang.

Chính Nữ-sĩ dịch ra Việt văn:

Song đào chàng mới trồng năm trước

Nay thấy đào hoa chàng thấy chàng.

Vì khiến thần hoa như có biết,

Vì chàng nhan sắc giảm phần chàng?

Người thiếu phụ làm ra bốn câu thơ chữ Hán đó ắt phải là một bậc Nho-học uyên-thâm, tài ba lỗi lạc. Và phải là một người có tình cảm rất tế nhị, hạ bút xuống viết hai câu đầu cũng đã diễn tả được nỗi buồn nhớ-âm thầm trong tâm đê.

Rồi kể tiếp, có vài ba bài thơ khác, hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Việt, được đăng rải rác trong báo chí Hà thành, ký tên Ngọc-Anh Nữ-sĩ.

Từ đó, tiếng tăm của Nữ-sĩ được vang lừng trong các giới trí thức nhất là giới quan liêu ở Trung-Bắc, vì người ta đã biết bà Cao-thị Ngọc-Anh là ái-nữ Cụ Đông-Các Cao-xuân-Dục, vợ ông Nguyễn-duy - Nhiếp, An-Sát Sơn - Tây, cũng một tay kiện tướng trong làng thơ thuở ấy. Vì vậy người ta thường gọi nữ-sĩ là bà An Cao.

Bà sinh ở làng Thịnh-Mỹ, phủ Diễn-Châu, tỉnh Nghệ-An, năm Mậu-Dần 1877, bốn năm sau khi Francis Garnier chiếm thành Hà-nội.

Nhờ sinh trưởng trong một gia đình danh nho, bà được học chữ Hán từ buổi thiếu thời, và

lúc 19 tuổi kết duyên với ông An-Sát Sơn-Tây, người làng Kim-Lư, Huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông, bà đã nổi tiếng là một bậc tài hoa trong văn đàn nữ-giới Trung-Bắc Việt. 26 tuổi, bà đã được 3 người con, thì ông An thất lạc. Từ đấy bà thủ tiết nuôi con, thỉnh thoảng làm thơ để tự an ủi đôi chút cảm tình đau xót.

Năm 1953, Bà đã lựa chọn những bài thơ hay nhất của bà, cả bằng Hán-văn và Việt-văn, độ 80 bài, xuất bản thành một quyển đề là « KHUÊ - SÀU THI THẢO », do cụ Trần-trọng-Kim đề tựa.

Cụ Trần-trọng-Kim cho rằng thơ của bà Cao-Ngọc-Anh « cùng một giọng điệu, cùng một khẩu khí với thơ của bà Huyện Thanh Quan, nhưng thơ của bà Thi-sỹ họ Cao lại đầy đủ, văn từ sung thiệm, ý tứ bóng bẩy và nhẹ nhàng hơn ».

Đọc hết tập thơ « KHUÊ-SÀU THI THẢO » của Ngọc-Anh Nữ-sĩ, tôi thấy lời phê bình của cụ Trần-trọng-Kim rất đúng. Tôi còn nhớ năm 1953, trước khi bà Cao-Ngọc-Anh xuất bản tập

thơ của bà, cụ Trần-trọng-Kim đã nói chuyện với tôi ở Đà-lạt : « Bà Huyện Thanh-Quan chỉ để lại vài ba bài thơ, kể ra chẳng có gì là xuất sắc lắm mà một vài ông giáo sư đã đem bà vào trong chương trình giáo khoa. Còn bà An Ngọc - Anh, thơ hay hơn nhiều, và nhiều hơn, súc tích hơn, thì tại sao họ không đem vào chương trình giáo khoa ? »

Nhưng gác lại quan - điểm đó một bên, chúng ta chỉ đứng về phương diện khách quan của Văn học Sử, mà nói đến Nữ sĩ Cao ngọc Anh.

Như tôi đã nhận xét về Thơ của cụ UNG BÌNH Thúc gia Thị, và của cụ THƯỜNG TIÊN Lê quang Nhơn, về phương diện giá trị Văn chương và tư tưởng, nghệ thuật điêu luyện, siêu việt của thơ, chúng ta cũng tìm thấy trong thơ của bà Cao Ngọc Anh một nguồn thi-cảm trong trẻo nhẹ-nhàng và lưu-loát vô cùng.

Đây chúng ta chỉ nói đến thơ Việt thuần túy của bà mà thôi, không nói đến thơ chữ Hán mà

nhiều bài rất hay.

Như bài thơ Việt sau đây :

VỊNH CẢNH HOÀNG HÔN

Còn trời còn đất, hây còn ta.

*Chân cứng lo chi bóng xế tà,
Nhớ mẹ thêm rầu khệ sớm tối,
Thương con nào quản nổi gần xa.*

Giám phạt lời hện cùng non nước

*Cũng gượng vui cười với cỏ hoa
Phong cảnh buồn trông nơi đất khách,*

Chiều hôm lác đác hạt mưa sa.

Lời thơ nhẹ nhàng, điêu-luyện, không gò bó. Nữ sĩ tả tâm sự của mình trong lúc hoàng hôn, rất tự nhiên mà rất cảm động. Vịnh cảnh NGŨ-HÀNH-SƠN (Đà-năng), Nữ sĩ vẫn có lối thơ nhẹ nhàng và rất tự nhiên, không có những nét giả tạo :

*Nghe nói Hành - Sơn cảnh
kỳ diệu vời.*

*Cối trần đạo bước thử xem chơi.
Năm hòn chót với cây chen đá
Bến mặt mênh mông nước lộn
trời.*

Bãi cát trắng phau cơn gió bụi.

*Chòm râu xanh ngắt bóng trắng
khor,*

Ngự thi nét bút còn như vẽ.

Dấu bề bao phen đã đời đời!

Chúng ta thấy Nữ-sĩ Ngọc-Anh làm thơ rất dễ dàng, hình như thi tứ của bà thông cảm rất mau nhiệm với hồn thơ của cảnh vật, cho nên lời thơ không cần gọt đẽo, và tô điểm màu mè làm sai lạc vẻ thiên nhiên, như phần nhiều các nữ sĩ khác.

Thơ của bà Cao Ngọc-Anh uyển chuyển thướt tha, và luôn luôn đượm một u hoài man mác:

ĂN TẾT Ở SAIGON

*Nghìn dặm xa xôi trải nước non
Thoi đưa thấm thoát sáu trăng tròn.*

*Xuân về hôn hờ người vui bạn,
Tết đến buồn ngùi mẹ nhớ con.*

*Người trước năm mươi đã biết
đạt,*

*Ta nay sáu chục vẫn chưa khôn.
Nam-Kỳ nào biết ai tri thức,*

*Khắc khoải xa nghe quốc gọi
hồn.*

Dịu dàng, êm ả, nhưng đến khi cần phải tỏ rõ một thái độ đối với kẻ nào không hiểu mình, Nữ

sĩ Cao Ngọc-Anh cũng có lời thơ cứng rắn, mà vẫn không kém phần trang nhã:

**ĐÁP LẠI NHỮNG AI
CHO LÀ NGẠO ĐỜI**

Ai bảo là ta tính ngạo đời,

Khinh đời vẫn khó, há rằng chơi.

Khinh người lắm của, còn ham của,

Khinh kẻ cao ngót chẳng xứng ngôi.

*Khinh gái chung tình chung cửa
mịng,*

*Khinh trai át quốc át đầu mồi,
Có khinh chẳng nữa là khinh thể,*

*Nào dám khinh đâu khắp mọi
người.*

Và dưới đây là bài thơ bà Cao Ngọc-Anh mới làm hồi tháng 9-1959:

**VÀO CHƠI THÀNH-NỘI
CẢM TÁC**

Mười năm nay lại tới Thàn-Kinh,

Dấu bề bao phen nôi bất bình.

Ngọn núi Bình-Sơn cây héo hắt.

*Giòng sông Hương thủy nước
mông mênh.*

*Nhân dân, thành quách, còn tro
đó,*

*Cung điện, lâu đài, đã lạch
tanh.*

*Cảnh cũ người xưa đâu vắng
nhí,*

Biết ai mà hỏi chuyện tâm tình?

Các bạn tưởng tượng một bà Cụ già 82 tuổi, tay cầm cây viết run run, viết chữ ngoèo - ngoặc như con mèo quào, mà còn làm được bài thơ dịu dàng, trong

suốt, cảm hứng mạnh mẽ êm đẹp như thế, chẳng kém gì bao nhiêu một Thi-sĩ như Cụ Ưng-Bình, cũng 82 tuổi, mà giọng thơ còn phong phú dồi dào.

Thật là một vinh dự cho nước Việt-Nam có được hai nhà thơ cổ lão ấy tiêu biểu cho tinh thần mãnh liệt phi thường của dân tộc ta, phái Nam cũng như phái Nữ vậy.

*** NỤ CƯỜI... ĐEN**

Hai anh da đen ở Cameroun nói về chuyện săn bắn. Anh Nausti mới hỏi anh kia:

- Này anh Simba, nếu anh gặp một con sư tử thì anh làm sao?
 - Tôi lấy một cây súng và tôi giết nó.
 - Nhưng anh không có súng.
 - Vậy thì, tôi rút con dao và đâm nó.
 - Nhưng anh không có dao.
 - Không có dao? Được rồi, thì tôi leo lên cái cây gần nhất.
 - Nhưng không có cây.
- Anh chàng Simba giận dữ, la lên:
- Thôi đi anh. Anh là bạn của tôi hay là bạn của con sư tử?

*** CHUYỆN TÀN THỜI**

Có người kể rằng:

« Một lần nọ, trên xe buýt, một người đàn ông nhường chỗ cho một bà. Bà này rất khinh ngạc đến xiêu đi. Khi tỉnh lại, bà thấy lời cảm ơn người đàn ông nhường chỗ cho bà. Thì lại đến lượt người đàn ông phát xiêu, cũng vì ngạc nhiên quá.

T.L.L.

Đôi bóng

Ai ngồi mơ trên lầu
Bên hương hoa?

Ai thân-thơ bên cầu
Giêm sương sa?

Ai ngân câu thơ sầu
Giao môi tơ muôn màu
Gió đưa lên lầu
Gởi người trong mộng?

Ai tưởng-tư trên lầu,
Phải người yêu thơ?
Góc sầu
buông tơ,
mắt sầu
buông mộng,
Nhìn sao Mai,
hỏi ai
chờ ai
bên cầu?

Ai đêm đêm âu sầu,
Đi êm-êm trên cầu,
Nhìn sao Mai,
hỏi ai
chờ ai
trên lầu?

Sương vờng-vờng
Mùi hương

Nhớ nhung,
Giông sông hương
thê lương
lạnh lùng.

(Long hương hương
bâng-Khuâng,
mông-lung...)

Đêm khuya sao nở,
Giông sông lãng-lờ,
Âm-thầm đờ bóng
Kết thành bài thơ,
Đê-mê hôn buồn
Kết thành giấc mơ,
Xe đờ giầy thềm
Kết thành duyên tơ

Sương rơi trên Giông sông hương,
Sao rơi trong lòng yêu-đương.
Đờ bóng yên-vàng
Như lên trên lầu.

Hoa cô-đơn
Uớp hương nguyệt-riêu,
Chờ bóng ai pha-thiết,
Mơ-ước,
Cau thâu.

Bóng ai tang bước,
lên-ên
trên cầu,
trong đêm
Nhiệm màu,
bên trời vờng to,
bên người
trong mơ...

Ng. H.

Mình ơi!

Trái Bom Nguyên-tử

bí-mật đầu-tiên

MÌNH ƠI ?



— Mình ơi ! tại mình sống ở một thời - đại được gọi là Thời-đại nguyên - tử, thường cứ nghe nói đến « bom nguyên-tử » luôn mà thực ra em không hiểu một tý gì về « bom nguyên-tử » cả. Mình nói chuyện trái bom nguyên-tử đầu tiên cho em nghe đi, Mình !

— Anh đầu có phải là « Tác-giả » trái bom nguyên-tử mà anh biết ?

— Em không hiểu Mình nói cách làm trái bom nguyên-tử. Em chỉ muốn biết lịch sử trái bom nguyên-tử. Người đầu tiên chế tạo ra bom nguyên-tử là ai ?

— Kề ra thì có nhiều nhà bác học đã góp phần chế tạo trái bom ấy chứ không phải là một hai người. Nhưng có thể nói rằng thủy tổ của bom nguyên-tử là V1, V2 . . .

Bà Tú cười ;

— V1, V2, là vợ một, Vợ hai đó phải không ?

— Thôi mà, cứ đỡn hoài. . .

— Chớ sao lại gọi V1, V2 ?

— V, là viết tắt chữ *Vergeng-tungswaffe* của Đức, có nghĩa là « khí-giới trả thù » của Đức

chế-tạo ra để trả thù lại các cuộc thắng trận của Đồng - Minh. Nguyên-tắc chế tạo của V1, V2 cũng là nguyên-tắc chế-tạo các Hòa-tiến và vệ-tinh nhân tạo hiện nay. Do nguyên-tắc khoa học V1, V2 mà một số các nhà Bác-học mới dùng nguyên-tử lực, chế tạo ra Bom nguyên-tử, và lần đầu tiên họ thí nghiệm tại LOS ALAMOS.

— Los Alamos là ở đâu ?

— Ở Mexique, giáp-giới phía Nam nước Mỹ. Hai người chỉ-huy cuộc thí-nghiệm sơ-khởi này, là nhà Bác-học OPPENHEIMER và đại-tướng GROVFS, và một nhà Bác-học trẻ tuổi là LUIS ALVAREZ. Cuộc thí-nghiệm rất kín đáo bắt đầu từ năm 1943 đến tháng 7 năm 1945 thì hoàn thành, lặng lẽ, cả thế giới chưa ai hay biết gì hết. Ngày Thứ năm 12 và Thứ sáu 13 tháng Bảy 1945, các máy móc nội-dung của trái bom nguyên-tử đầu tiên được chở đi bí mật từ Los Alamos đến địa điểm giấu kín, một khu đất hoang ở Mexique mà các nhà chế-tạo bom nguyên - tử đặt tên là « JORNADA DEL MUERTO », nghĩa là « du-



ELDAW



Nơi sinh trưởng của trái bom nguyên-tử đầu tiên, ở giữa bãi cát hãy còn dấu vết cái tháp bằng thép dùng lên để đặt trái bom thí nghiệm. Hai người này là Bác sĩ OPPENHEIMER (bên trái) và Đại tướng GROVES (bên phải) chụp nơi địa điểm thử bom nguyên-tử đầu tiên.

lịch đến chỗ chết », gần một làng nhỏ hẻo-lánh tên là OSCURO (Âm-u), nơi đây là một bãi cát đều-hiụ quanh-quê, giữa bãi người ta đã dựng lên một cái tháp cao bằng thép.

Ngày 14 và 15 tháng Bảy, 1945, một số lớn các nhân-viên có tham-gia vào việc chế-tạo trái bom đều được lệnh đến chứng kiến cuộc thí-nghiệm; nhưng cách xa chỗ bom 15 ki-lô-mét 500. Ai nấy đều được trùm với một thứ bao bằng vải riêng, gọi là *Snate bite kit* (đề phòng rắn cắn), danh-từ bí mật có nghĩa là đề phòng nguyên-tử xạ. Mắt thì đeo kính đen, mặt bôi một thứ kem để giữ khỏi bị nám da. Có lệnh dặn trước rằng khi bom nổ thì mọi người phải nằm sấp xuống đất và ngoảnh mặt ngó chỗ khác, vì sợ ánh sáng của trái bom loè ra sẽ làm đui mắt liền, tuy rằng nơi chứng kiến ở cách xa trái bom đến 15 ki-lô-mét 500.

Kế-hoạch thí-nghiệm đã nhứt định đúng 5 giờ 30 sáng ngày 16.7.1945 sẽ cho bom nổ, 5 giờ 10, ai nấy đã lo sợ, nằm sấp xuống hết rồi. Trên vòm trời còn lác-đác mấy ngôi sao.

5 giờ 15, 5 giờ 20, 5 giờ 25, 5 giờ 26 phút, 5 giờ 27 phút, 28 phút, 29 phút... 5 giờ 30. Tất cả đều im lặng. Một tiếng nổ như tiếng sấm vang dậy rền khắp vòm trời. Một ánh sáng đỏ-lòm bật ra, làm sáng rực cả một miền và các dãy núi chung quanh. Thế rồi cục lửa ấy to dần to dần lên, lúc đầu tiên to bằng cái vung, rồi lớn như cái thúng, rồi như cái mũ, rồi cứ nổ dần dần ra như một cái nắm kết-xù bằng khói trắng, Một nhà Bác học. CARON MARK có mặt tại đây, bỗng dâm ra sợ hãi. Ông lo ngại cái nắm khói ấy sẽ lan mãi ra và đốt cháy hết cả vòm trời, cả trái đất... Vì nó cứ tràn lan ra mãi...

Nhà bác học ROBERT OPPENHEIMER, người đã chế tạo ra trái bom nguyên tử, rùng mình, nhắm mắt, không dám nhìn cái đụn khói kinh khủng lan tràn khắp cả...

Đại tướng FAR ELL cũng chứng kiến cuộc thí-nghiệm này (mới chỉ là một cuộc thí nghiệm 1) đã chép trong quyển nhật ký của ông:

“ Cả vùng này đều bị chìm đắm trong một ánh sáng vô nuốt cả

• cảnh vật ... ba chục giây đồng
• hồ sau khi bom nổ, lại dẹt ra
• một tiếng động làm cho không-
• khí phải lay chuyển, một tiếng
• động âm ý, âm u, như tiếng báo
• hiệu của giờ tận số ...»

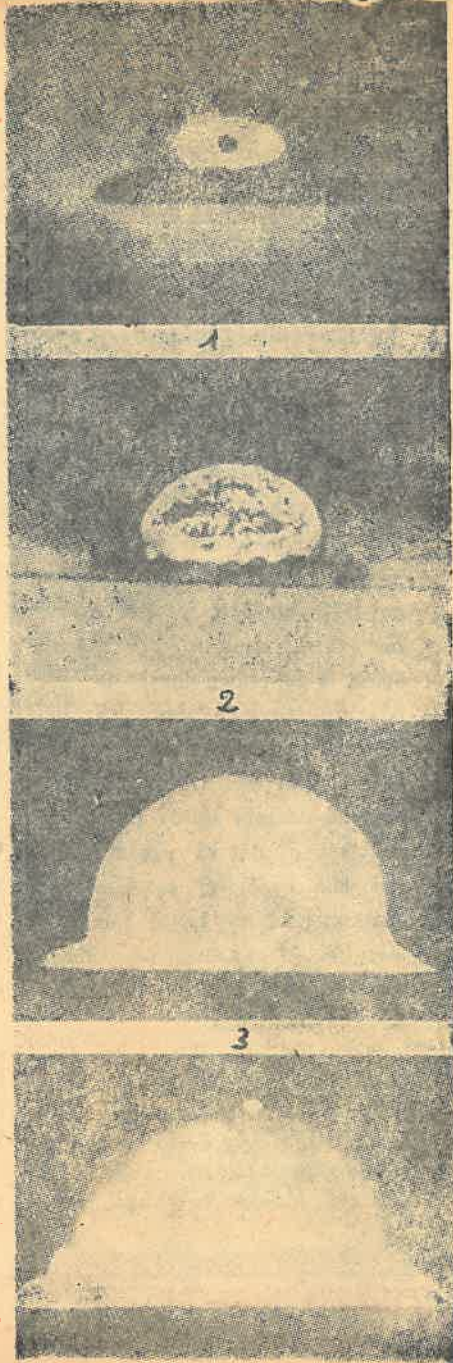
Nhưng rồi Đại tướng Farrell,
xoay tay, nói một câu :

«Chiến tranh sẽ không còn nữa.
• Với một hay hai trái bom đó,
• nước Nhật sẽ tiêu tan ra khói.»

— Mình ơi, rồi sau đó họ đem
bom qua thả bên Nhật liền hả ?

— Lúc đầu các nhà Báo và
các giới dân chúng Mỹ nghe tin
cuộc thí nghiệm bom nguyên tử
thành công liền xôn xao phản đối.
Nhưng lúc bấy giờ Đức và Ý đã
đầu hàng rồi còn Nhật thì cứ tiếp-
tục cương quyết đánh mãi. Quân
Mỹ đổ bộ lên đảo OKINAWA bị
tồn thất rất nặng nề. Những phi-
cơ cảm-tử Thần phong của Nhật
(Kamikaze) lao mình xuống các
tàu chiến Mỹ và đâm vào các phi-
cơ Mỹ, gây ra thiệt hại kinh-
khủng vô số kể. Dư luận Mỹ
sóng nẩy, bèn để mặc cho quân -

*Khối lửa biến thành khói, và cứ
to dần, của trái bom nguyên-tử
thí nghiệm lần đầu tiên; hồi 5 giờ
30 sáng ngày 16-7-1945, tại sa-mạc
Osuro. (Ảnh chụp ngay lúc
bom nổ).*



đội dùng bom nguyên tử để kết-
liệu chiến tranh sớm được ngày
nào hay ngày ấy, để cho quân
lính Mỹ đỡ bị chết nhiều nữa.
Thế rồi, ngày 5 tháng 8 năm 1945,
Đại tướng GROVES long trọng
hỏi ý kiến tổng thống Mỹ lúc bấy
giờ là TRUMAN. Theo trong
quyền Hồi ký của Tổng thống
Truman, thì ông trả lời ngay :
«Yes» (ừ).

Nhưng Đại tướng Groves chép
trong quyền Hồi ký của ông, thì
«Tổng Thống Truman không có
nói tiếng «yes». Ông chỉ không
nói tiếng «No» (không) mà thôi,
và ông chỉ gật đầu».

Thế là ngày hôm sau, tức là
6 tháng 8 năm 1945, trái bom
nguyên tử được thả lần đầu tiên
trên thành phố HIROSHIMA...

Bà Tú lắc đầu :

— Ghê quá, Mình nhi. Rồi
người ta thả trái bom đầu tiên
xuống Hiroshima như thế nào hả
Mình ? Thiệt hại như thế nào ?

Ông Tú hơi buồn buồn... ông
làm thinh một lúc, rồi nói chậm
rãi :

— Trong quyền BHAGAVA-
DJÊTÂ của SRI KRISHNA,
một Thi-sĩ Ấn-độ, có một đoạn
thơ như sau đây :

*Nếu ánh lửa của muôn vạn
mặt trời*

*Nê bùng ra trên đám mây sáng
ngời,*

Thì trong lúc đó đẹp tuyệt vời !

Rực-rỡ hay-hoàng biết mấy !

Nhưng ta, là cái chết,

Ta thiêu-đốt hết !

Cái Chết tiêu-diệt cả loài người !

*Cái Chết kình - động các bầu
trời !..*

*Cái Chết cuối cùng tận-số, hỏi
ai ơi !*

Đó là cái chết của muôn vạn
người Nhật bị hai trái bom
nguyên tử. Đó cũng sẽ là cái
chết của cả loài người trên trái
đất nếu lại sẽ có chiến - tranh lần
thứ ba với một trăm trái bom

Đại tướng GROVES, giám đốc Viện chế tạo bom nguyên tử, đang đứng trước bản đồ nước Nhật, để tìm xem nên thả trái bom nơi nào.

(Ảnh chụp năm 1945 trong Văn phòng của ông ở Los Alamos)



nguyên tử (Bom A) và bom khinh khí (Bom H).

— Mình thuật lại vụ ném bom Hiroshima đi.

— Thôi, đề Noël đã... Chẳng nào tiếng chuông nhà-thờ báo tin lễ sinh nhật của Jésus Christ, anh sẽ kể cho mình nghe rõ vụ bom

nguyên tử đầu tiên tiêu-diệt mấy chục ngàn người... trên đảo Phù-tang.

Diệu Huyền

Y học phổ thông

Mấy điều cần biết khi các bà cho con bú



TRONG một số trước, tôi đã nhấn mạnh đến sự cần thiết và ích lợi về việc các bà mẹ cho con bú.

Thực thể, trẻ con bú sữa mẹ tránh được nhiều bệnh tật mà trẻ con bú sữa bò thường mắc phải. Sữa bò không thể nào bằng sữa người được. Sữa người là một đồ ăn đầy đủ, cân bằng, riêng biệt, hoàn toàn thích hợp với tất cả nhu cầu của trẻ sơ sinh. Sữa mẹ sạch sẽ tươi mát hơn, và con bú sữa mẹ thì đỡ được bao nhiêu phiền phức trong việc pha, chế, cân, đo. Tuy nhiên, khi các bà mẹ cho con bú, xin các bà hãy theo một vài lời khuyên cần thiết dưới đây.



★ TUẦN LỄ ĐẦU TIÊN

Ngày đầu tiên hay trong 12 giờ đầu tiên, người ta không cho đứa trẻ ăn. Nếu nó quấy khóc, cho uống vài thìa nước đường.

Đến hôm thứ hai, các bà cho trẻ bú, xin cho trẻ ngậm ngậm đầu vú và bà khẽ lấy tay bóp nhẹ nhẹ vú cho chảy ra vài giọt sữa để đứa

QUANG * HOA

trẻ tập quen bú. Hôm đó, cho trẻ bú độ ba hay bốn lần trong chừng năm phút thôi. Thực ra, vú chưa có sữa, chỉ mới tiết ra một thứ nước lỏng đục nhờ gọi là sữa đầu (colostrum), rất cần cho trẻ để rửa ruột. Trẻ bú như vậy sẽ làm cho sữa lên.

Thường thì vào ngày thứ tư, thứ năm là có sữa. Lúc đó sẽ áp dụng một thời khóa biểu nhất định.

★ MỘT THỜI KHÓA BIỂU NHẤT ĐỊNH

Cứ cá h ba tiếng đồng hồ, lại xin bà cho em bú. Đó là thời gian cần thiết để cho sữa kịp tiêu hóa hết. Trẻ bú như vậy mỗi ngày được sáu lần cho tới 4 tháng. Bữa sữa bú đầu tiên lúc 6 giờ sáng, và bữa cuối lúc 9 giờ tối, tức là trẻ bú vào những giờ sau đây :

6 giờ, 9 g. 12 g, 3 giờ chiều. 6 g, 9 g. Nếu bà không tiện dậy sớm, thì cho con bú vào lúc 7 giờ sáng và bữa cuối vào lúc 10 giờ tức là : 7 g, 10 g, 1 giờ chiều, 4 g, 7 g, 10 giờ.

Bà có thể cho trẻ ăn thêm một bữa vào nửa đêm, nhất là đối với

những trẻ nặng dưới 3 ký. (Giáo sư Possompès). Độ một vài tuần, trẻ lớn lên, ngũ ký; và sẽ quen bữa ăn này.

Từ tháng thứ tư trở đi, mỗi ngày trẻ bú năm bữa cũng đủ.

Về thời gian bú, tùy theo sức khoẻ của đứa trẻ, theo nguyên tắc trẻ bú mỗi vú trong vòng 5 phút (Giáo sư Mouriquand). Đừng bao giờ để trẻ bú quá mười lăm phút. Quá thời hạn đó, đứa trẻ chỉ hút không khí và ngậm mãi vú như thế cũng vô ích. Đôi khi cũng cần thúc đẩy những đứa trẻ lười bú, hay đánh thức dậy khi nó ngủ quên, ngược lại cũng cần dừng lại vài giây đồng hồ nếu đứa trẻ bú nhanh quá. Theo giáo sư P. LE-REBOULLET, các bà mẹ cho con bú hãy triệt để tuân theo ba qui tắc sau đây :

1/ Đừng bao giờ rút ngắn khoảng thời gian giữa hai bữa sữa, dưới một số tối thiểu cần thiết cho sự tiêu hóa (con số tối thiểu là 2 giờ rưỡi, khoảng thời gian 3 giờ là tốt đẹp nhất).

2/ Đừng bao giờ để trẻ bú một bữa sữa quá một khắc đồng hồ, sang tới 20 phút. Như vậy đứa trẻ đã hút không khí hơn là sữa.

3/ Hãy tôn trọng triệt để thời khóa biểu đặt ra trong mọi trường hợp, để đứa trẻ tập theo thói quen và đừng bao giờ cho trẻ bú giữa khoảng giờ đã định sẵn, mặc dầu bữa ăn vừa qua có vẻ không đủ.

★ SỐ LƯỢNG SỮA

Theo quy tắc APERT và nhất là theo TERRIEN thì trong năm tháng đầu tiên, đứa trẻ phải dùng hàng ngày một lượng sữa bằng một phần mười trọng lượng của nó cộng thêm 250 gam.

Như vậy, một đứa trẻ nặng ba ký, sẽ ăn mỗi ngày 300gam + 250 gam = 550 gam sữa.

Giáo sư MARFAN làm cho chúng ta một tấm bảng sau đây :

Tuổi	Lượng sữa trong 24 giờ	
	từ	đến
Ngày thứ nhất	0	30 gam
Ngày thứ hai	40	60
Ngày thứ ba	80	150
Ngày thứ tư	100	200
Ngày thứ mười	200	400
Từ ngày thứ 10 đến thứ 30	300	600
Từ tháng thứ hai đến thứ ba	500	800
Từ tháng thứ tư đến thứ năm	700	900
Từ tháng thứ sáu đến thứ chín	900	1000

Theo Giáo sư Mouriquand, thì thường thường mỗi khi trẻ bú xong không cần phải cân, một

đứa trẻ bình thường, bú xong sẽ ngủ và đến gần bữa ăn sau sẽ kêu lên trong mấy phút. Trong tuần lễ đầu tiên, cân mỗi ngày một lần, rồi về sau cân mỗi tuần một lần cũng đủ xét đoán việc bú sữa của đứa trẻ.

★ CÁCH CHO CON BÚ

Bà hãy chọn một chỗ thật yên tĩnh để đứa trẻ được nghỉ ngơi. Bà tìm một cái ghế thấp ngồi cho ngay ngắn vững vàng. Âm thanh đứa trẻ, gáy nó đặt trên cánh tay bà. Bà nhét đầu vú vào miệng nó rồi khẽ nhẹ bóp vú cho chảy ra vài giọt sữa. Bà nhớ đừng « lấp miệng em », đặt vú sao cho mũi đứa trẻ khỏi bị bẹp và cho

nó thở được dễ dàng.

Những ngày đầu, nên cho trẻ bú cả hai bên vú cho chóng lên.

sữa. Đến khi sữa đã có nhiều, bà chỉ cho con bú một bên vú và bú cho thật hết.

Khi đứa nhỏ bú xong, bà nên bế thẳng lên trong vài phút để hết những không khí đứa trẻ hút phải trong lúc bú rồi bà đặt đứa trẻ nằm xuống cho nó ngủ.

* VỆ SINH CỦA CÁC BÀ MẸ CHO CON BÚ

Chỉ cần một vài điều phòng ngừa rất đơn giản đủ để các bà dễ dàng theo.

Xin các bà giữ gìn đầu vú cho thật sạch sẽ. Hằng ngày phải lau rửa bằng nước có pha dầu glycerine và rượu, để tránh nứt nẻ và nhiễm trùng.

Xin bà vẫn cứ tiếp tục cuộc sống thông thường của bà, miễn là tránh tất cả những vất vả, buồn phiền, không làm việc quá sức, không thể thao nặng nhọc, dữ dội. Đời sống phải thật tĩnh mịch điều hòa, thoải mái, đáng kể hơn là giấc ngủ và sự nghỉ ngơi cần được hoàn toàn đầy đủ.

Việc ăn uống nên dồi dào hơn, vì nếu ăn thiếu thì sữa cũng ít đi. Vitamin và các muối khoáng ở trong sữa tùy thuộc vào bữa ăn người mẹ, vì vậy, thức ăn cần phải nhiều và thay đổi, phải gồm

nhiều rau tươi, quả chín. Không nên ăn quá nhiều thịt, nhiều trứng và tránh dùng dùng những đồ ăn có thể làm thay đổi vị sữa như hành, tỏi, kiệu, các đồ sắn bần, Trà, cà phê, rượu nên cứ. Tránh dùng những thuốc men loại độc, có thể đầu độc đứa trẻ được, tuy nhiên một vài thứ thuốc thông thường có thể dùng được với một số lượng rất nhẹ. Mỗi khi dùng một thứ thuốc lạ, nên hỏi qua y-sĩ.

Trong những tháng đầu tiên cho con bú, kinh-nguyệt thường không có. Tới khi thấy kinh, đứa trẻ bú sữa mẹ thường hay quấy, đi tiêu nhiều hơn và hơi xanh. Không có gì đáng ngại, vài ngày sau sẽ qua đi.

Trong trường hợp bà mẹ lại có thai, thì nên cai sữa, tuy nhiên nên tuân tự, chớ dùng cai đột ngột quá.

* CÁCH KIỂM SOÁT VIỆC CON BÚ SỮA MẸ

Nhìn sắc-diện đứa trẻ cũng có thể biết được tình trạng sức khỏe của nó. Một đứa trẻ bú sữa mẹ thường thường có một vẻ tươi tỉnh, da mát mẽ, hồng hào, thịt chắc, con mắt nhìn đầy tinh thần.

Nhất là nên căn cứ vào bảng trọng lượng của đứa trẻ. Khi một đứa trẻ bú sữa mẹ mà hợp thì lên cân rất đều đặn, chỉ cần mỗi tuần cân đứa trẻ một lần. Thông thường trong ba tháng đầu đứa trẻ mỗi tuần tăng thêm 175 gam, và ba tháng sau mỗi tuần thêm 150 gam. Đến khi được năm tháng, nó nặng gấp đôi lúc mới sanh và khi được một tuổi thì nặng gấp ba.

Một khi trọng lượng của nó không đủ, ta phải nghĩ ngay tới đứa trẻ ăn thiếu: mỗi lúc bú xong, đứa trẻ kêu lên và ngậm tay. Đứa trẻ thiếu ăn có thể vì sữa người mẹ chảy ra ít, như thế cần mỗi bữa, trước và sau khi ăn, phải cân để xem lại. Trong trường hợp sữa mẹ ít, dành cho con ăn thêm sữa bò.

Một đôi khi đứa trẻ thiếu ăn vì sữa mẹ thiếu các chất bổ, như vậy người mẹ cần sửa đổi lại lối ăn uống của mình.

Nhận xét về việc trẻ sơ sinh bú sữa mẹ, giáo sư DEBRÉ nói: «Một đứa trẻ có bộ mặt tươi tỉnh và lên cân đều đặn là một đứa trẻ khỏe mạnh, còn ngoài ra không có gì đáng quan tâm cả».

* ĐÔI ĐIỀU TRỞ NGẠI

Bắt đầu cho con bú sữa, thường vẫn gặp một hai trở ngại. Một bà mẹ quả quyết mình nuôi con mình và hết sức kiên tâm thì sẽ qua hết nỗi khó khăn. Tuy nhiên bệnh tật hay những đòi hỏi vật chất trong cuộc sống hàng ngày có thể ngăn trở người mẹ cho con bú.

Chẳng hạn trong trường hợp sữa lên chậm, đứa trẻ lẽ dĩ-nhiên vẫn phải bú mẹ, vì có bú thì rồi sữa mới lên. Ngoài ra đứa trẻ phải ăn thêm sữa bò. Sự lên sữa cần tới hai tuần hay hơn nữa, cho nên có một số bà mẹ không chịu đựng nổi đành bỏ không cho con bú.

Cũng có những bà, đầu vú không nhô lên. Trường hợp này cần thật bình tĩnh, và chịu khó cho con bú cho quen. Đôi khi dùng cái vắt sữa để vắt sữa ra. Những đồ dùng này cần phải tuyệt đối sạch sẽ.

Một vài bệnh như nứt vú, sưng vú có thể tạm ngừng hoặc dùng cái vắt sữa. Có một vài bệnh về vú, mà nếu chỉ ở một bên, thì đứa trẻ vẫn có thể bú vú bên kia như thường. Có một vài tật của đứa trẻ, tỷ như sút môi, bà mẹ cần kiên gan chiều con

đề đứa trẻ được bú sữa mẹ. Đôi khi bà mẹ cũng cần nghỉ cho bú trong một thời gian khi mắc một bệnh hay lây. Khi bà mẹ mắc một bệnh nhẹ như cảm hàn, sưng cổ, thì vẫn có thể cho con bú được, miễn là che mũi che miệng cho kỹ.

Còn ngoài ra có một vài chứng bệnh nguy hiểm bắt người mẹ phải cai sữa, hoặc vì tính mạng đứa con, hoặc vì sức khỏe người mẹ, tỷ như bệnh lao phổi, đau tim, thiếu máu, đi đái đường, ung thư vú, giang mai, rối loạn thần kinh...

*** THAY LỜI KẾT :**

Xem như thế, các bà cho con bú cũng không khó khăn gì, mà lại ích lợi và cần thiết biết bao ! Tuy nhiên trong những trường hợp ngoại lệ, các bà mẹ phải dành lòng cho con bú sữa bò, vậy xin các bà hãy tuyệt đối thận trọng trong việc pha chế, vì vấn đề ăn uống là vấn đề căn bản đối với đứa trẻ sơ sinh, chỉ hơi sai nhảm một chút đủ là đầu mối của biết bao nhiêu bệnh tật hiểm nghèo, mà cho đến nay, đôi khi, nền tân y-học cũng đành thúc-thủ...

ĐÁ PHÁT HÀNH :

VĂN-HÓA Á-CHÂU

Số 20, tháng 11-1959

Với các bài của : Nguyễn-đăng-Thục, Trần-Việt-Son, Phan-Khoang, Trần-trọng-Thiện, Lê-Thương, Đường-bá-Bôn, Nguyễn-Nam-Châu v.v...

Bán khắp các hiệu sách lớn trong nước và tại trụ sở Hội V. N. N. C. L. V. H. A. C. số 201, đường Lê-văn-Duyệt, Saigon Đ. T. : 24.655

GIÁ : 20 ĐỒNG



Phóng sự của NGUYỄN-THU-MINH

(Tiếp theo P. T. số 22 và hết)

GẶP nhau trong lúc này là cả một niềm vui vô kể đối với chúng tôi. Những buồn đau của tôi và Thành, đều không còn nữa, để nhường cho những cái mới lạ, tươi trẻ, gọi là « yêu đời » hơn!

Tôi nhìn Hoàng cười chào :

— Hay quá, hai đứa mình định đến thăm cậu đấy.

Hoàng với dáng điệu vui-vẻ, tự-nhiên, của con người « lớn tuổi », tiến lại bắt tay chúng tôi, đáp :

— Hoàng vừa được Nguyễn cho biết, nên vội đến thăm M. và Thành đây. Lâu ngày quá nhỉ, có hơn ba năm rồi, phải không, Thành ?

Thành mỉm cười gật đầu chứ không đáp. Trong khi tôi đang suy nghĩ về những điều nhận thấy sự thay đổi ở con người của Hoàng, mặc dầu cùng lứa tuổi, cũng sống với nhau những ngày dài cuồng nhiệt, trẻ trung nhất của lớp tuổi. Thế mà, chỉ cách nhau trong vòng ba năm thôi, con người của Hoàng đã trở nên xa lạ với chúng tôi trong cuộc sống nhiều. Chỉ riêng có tình bạn là không thay đổi mấy. Giữa lúc này bỗng có tiếng Hoàng nói với Thành làm tôi chú ý.

— Cậu trách mình mấy, mình cũng chịu lỗi hết. Còn bắt mình đi... thì xin đầu hàng không điều kiện.

—Tối nay cả cả t hăng M. cùng đi mà cậu vẫn từ chối? Sống lại những ngày cũ một đêm nay có hề gì đâu, nếu cần phải nói lại với «bà đầm» ở nhà thì chúng tớ cùng đến nói cho.

Nhìn Hoàng có vẻ phân vân, suy nghĩ, tôi cảm thấy thương bạn quá nên đỡ lời cho Hoàng :

— Không lúc này thì lúc khác cũng được, mình còn ở đây lâu mà. Chán gì dịp cho chúng mình gặp nhau, vui đùa. Hoàng nó bận việc, chúng mình không nên ép, Thành ạ. Đi chơi mà không có gì hứng thú thì làm sao vui được.

Rồi tôi xoay lại Hoàng, và tiếp :

— Cậu lúc này làm ăn thế nào, có khá không? Trông người cậu gầy và xanh đi nhiều !

Hoàng nhìn tôi với vẻ mặt buồn bã, thở dài đáp :

— Lắm điều chán ngán trong cuộc sống, hơn nữa vợ, con, rồi, chỉ không già và gầy đi.

Nghe vậy, Tư-Nguyễn vội chen vào, với câu nói đầy khôi-hài như con người của Tư-Nguyễn :

— Bộ mấy già hơn mấy đứa tao sao? Thằng M. nó hỏi mày tại sao lúc này xanh và gầy, chứ có nói là già đâu mà 'mày nói thế.

Bốn chúng tôi đồng nhìn nhau cười, vui vẻ. Tư-Nguyễn lại tiếp :

— Hoàng ạ, cậu cứ thú thật với thằng M. là vì «bà-đầm» nhất cậu ở nhà mãi, không cho ra ngoài nên gầy và xanh người đi, có được không. Cần gì phải nói quanh, che đậy việc làm của cậu mà theo mình nghĩ: rất là hợp lý hợp tình vô cùng.

Câu chuyện vui đùa cứ thế mà kéo dài ra mãi... từ chuyện này sang chuyện khác, cho đến khi tôi cần phải đề nghị đi Sài-gòn chơi và ăn tối luôn thể — vì, thú thật là tôi « hơi nhận thấy » đói bụng — thì được tất cả đều đồng ý. Ngay cả Hoàng, lúc này cũng chịu nhận lời và bảo nhỏ với tôi :

— Nếu cậu hiểu hoàn cảnh mình..., không cho phép mình nghĩ đến một cuộc vui nào cả, hơn nữa, bạn bè càng làm mình chán, khổ thêm, cậu ạ. Chẳng ai chịu tìm hiểu ai cả !...

Chúng tôi kéo nhau ra đi giữa lúc bóng đêm bao trùm lên cảnh vật. Những ngọn đèn đường không đủ sức soi sáng khắp lối đi.

Tôi giật mình, buồn rầu chợt nghĩ đến đời sống của mỗi chúng tôi hôm nay và ngày mai đây... sẽ ra sao, đi về đâu, làm gì ích lợi cho bản thân, lẫn xã-hội? Hoàn cảnh nào đã đưa chúng tôi gần nhau, mền cảm nhau, rồi xa nhau, ganh ghét nhau? Tại sao lại có sự khé hiểu ở

Thành và Hoàng hay những ai khác nữa. Tôi tự hỏi và tự trả lời rất thản nhiên : « — Không hiểu nổi, hoặc không biết gì hết — » Tóm lại, nghĩa là không trả lời gì cả !.

Tuy đi bên nhau, nhưng chẳng ai nói với ai một câu gì vui, đáng lưu ý đến cả, mãi khi lên xe, đưa nhau tới nhà hàng T.T. mới có một nguồn vui đến với chúng tôi.

Có lẽ vì trước ánh sáng nên con người cũng thay đổi chăng? Chúng tôi tha hồ đùa nghịch chẳng khác gì những cuộc vui bên nhau như ngày nào.

Tư-Nguyễn có lẽ là con người vui nhất và đã đem lại sự vui này cho chúng tôi. Lúc nào cũng nói khôi hài luôn miệng, không những khôi hài mà còn dám nói đến cả « sự thật » của con người một cách rất tự nhiên không hề ngượng miệng.

Xong buổi ăn, chúng tôi bèn kéo nhau đi thăm các phòng trà ca-nhạc theo lời đề nghị của Thành và Tư-Nguyễn.

Đầu tiên, chúng tôi ghé lại phòng trà D.H. để nghe các chàng, các nàng biểu diễn nhạc « ngoại quốc » rất mê-ly, hấp dẫn, sau là V.L., H.H.N. và cuối cùng là phòng trà ở đường T.H. Đ. của đạo nào, nơi mà chúng tôi ưa thích nhất và cũng có lắm

chuyện tình ái lẽ nòng nàng, say mê, khôi hài, đau đớn, mỉa mai nhất đối với chúng tôi.

Lần lượt viếng qua bốn phòng trà, nhưng chẳng có nơi nào khiến chúng tôi vừa ý, thích thú. Vẫn chừng ấy người, chừng ấy bộ điệu đem ra xào đi tái lại trước mắt mọi người. Có điều, bây giờ các cô biết cách lồng những cái đi điếm của mình vào trong nghệ - thuật ca hát mà thôi. Riêng phòng trà T. H. Đ. là chúng tôi ngồi lâu nhất bởi ở vào giờ cuối, lần cuộc nhẩy của chúng tôi đã định sẵn.

Lúc mới bước chân vào ngưỡng cửa phòng trà T.H.Đ. đã làm tôi chú ý tới những người đến thưởng thức... « nghệ thuật » tân nhạc ! Sở dĩ tôi nói nghệ thuật là vì phòng trà đạo này không riêng ca hát mà còn cả nhẩy thiết-hài, ảo thuật, vũ... theo lối « Ả-rập » như trong các cuốn phim ngoại quốc đã từng chiếu ở thủ-đô.

Phần nhiều khách đến thưởng thức là vị thành niên — những « vị thành niên » đã từng hiểu biết thế nào là... đàn-bà và đàn-ông.

Tôi và Hoàng, Thành đồng nhìn nhau chỉ biết lắc đầu. Ngồi được một chốc bỗng cánh cửa xích mở, một đôi nam nữ thành niên ưu tư cầm tay nhau bước vào rất ngang nhiên, « lịch sự ». Thấy vậy,

Hoàng ghé vào tai tôi nói nhỏ :

— Cậu trông kia, mới «rảy mũ» mà đã miêng ngậm tầu.

Tôi nhìn kỹ thì quả, cậu ta ngậm tầu thật. Không những riêng cậu ta mà đa số thanh niên đồng tuổi cậu cũng ngậm tầu, ngời phi phà, nói, cười lớn tiếng, chẳng xem ai ra gì, khiến tôi ngạc nhiên và băn khoăn vô cùng. Thành, Hoàng, Tu-Nguyễn vẫn im lặng ngồi nghe.

Giàn nhạc vẫn liên tiếp trình bày những bản tango, mambo rất giạt gân, tình tứ, mê ly, chen lẫn những trò ảo thuật, điệu vũ «tân kỳ» hào hứng, và hấp dẫn cho đến tận cuối.

Suốt buổi nghe ca nhạc, tôi không mấy may hứng thú nhưng cũng chẳng hề chán, buồn. Con người tôi quá thần nhiên với mọi việc — mà chính tôi cũng chẳng hiểu nổi.

Cho đến, giờ khiêu-vũ bắt đầu là làm tôi đau buồn nhiều! Hình ảnh những người bạn cũ lại trở về trong khi tôi chợt trông thấy Phương cô vũ nữ ngày trước bạn của Dung, Nga, và Thùy.

Nhìn thấy tôi và Thành, Phương vội vã chạy đến bắt tay chào hỏi, vẫn dáng điệu muôn thuở đầy lời khiêu khích :

— Chà, trông anh lâu ngày quá! Đi đâu vắng, thế?

Thành vỗ nhẹ vào lưng Phương, đáp :

— Đi tìm Phương chứ đi đâu, giờ gặp có mừng không?

— Nhưng, đâu có mừng anh, anh M. kia chứ.

Tôi mỉm cười, đưa tay nhẹ nhàng vào má Phương và hỏi :

— Phương vẫn đẹp nhiều, à còn Dung, Thùy dạo này làm ở đâu?

Phương làm ra vẻ thương xót, luyến lưu, đáp :

— Anh không biết gì cả sao? Dung đau, nằm ở nhà thương lao hơn nửa năm nay rồi. Thùy thì nhảy ở M.P.

Câu chuyện chưa đi đến đâu, bỗng một cô bạn của Phương từ đầu bước đến chào mời nhảy. Chúng tôi nhận lời. Sau vài câu xã giao, nàng tự xưng cho chúng tôi biết nàng là Bích-Vân. Một cái tên rất hợp với người, nàng đẹp và lộng lẫy hơn Phương nhiều.

Thế rồi, chúng tôi thay phiên nhau nhảy, vui đùa theo ý thích. Từ cái hay, hiền cho đến những cái có thể gọi là «động trời». Cuối cùng Tu-Nguyễn và Thành còn hẹn mời hai nàng về nhà để cùng nhau trao đổi tình ái lẽ qua một đêm kê chăn đẩu gối, và không cần nghĩ tới ngày mai tốt hay xấu!

Chúng tôi vui say như vậy đến gần một giờ sáng mới tỉnh chuyện ra về. Khi vừa ra đến đường cái, tôi bỗng bắt gặp một dáng người quen-quưa từ đằng xa đi lại.

Tôi hỏi hộp bảo các bạn dừng lại để xem ai cho biết, nhưng Thành kéo vai tôi nói :

— Nhìn làm cái mẹ gì cho mẹ về nhà mà nghĩ và «đùa» với con Vân, con Phương còn khoẻ hơn,

Tôi không buồn đáp lại và nhất định đứng đợi với tất cả nôn nao, rạo rức của cõi lòng, thì hỡi ôi! Quả là không mong không hẹn mà gặp lại Alice-Lan giữa lúc này, nơi này, đang quàng-vai một gã đàn ông cười nói ra điều âu yếm nhau lắm.

Tôi vẫn lặng lẽ nhìn nàng qua từng cử chỉ. Mãi đến lúc còn cách độ 5, 6 thước, bỗng nàng quay mặt nhìn về chỗ chúng tôi và ngạc nhiên kêu lên một tiếng như hốt hoảng :

— Ô !!! anh M.

Tôi khẽ đáp rất nhỏ :

— Lan.

Rồi tiếp :

— Lan về đây lúc nào?

Alice-Lan nói với gã đàn ông những câu gì tôi không nghe rõ rồi tiến đến bên tôi nét mặt ra chiều buồn bã lắm :

— Em thật... khó nói quá!

Chỉ chừng ấy lời và cử chỉ cũng đủ để tôi hiểu rõ tất cả những đắng cay của cuộc đời đã dành cho nàng, mà ngay từ khi mắt liên lạc với nàng tôi đã từng nghĩ đến.

Tôi hỏi nàng rất khẽ :

— Em lại... như ngày xưa?

Tôi biết câu hỏi vô tình của tôi đã làm nàng đau buồn nhiều, nên nàng đáp :

— Như anh đã hiểu!...

Này giờ Nguyễn, Hoàng, Thành đứng làm thinh chứ không nói gì cả, đến khi nghe Alice đáp thế, Thành mới lên tiếng :

— Anh M. vừa về lại Saigon được mấy hôm nay đấy!

Alice - Lan suy nghĩ một

chốc rồi đáp với tôi :

— Anh có thể cho em biết địa chỉ được không? À, mà thôi. Thế này cũng đủ rồi, còn... chán gì dịp gặp lại!.

Đến đây, Alice-Lan vội chào từ giã chúng tôi để ra đi với gã đàn ông bạn pây đang đứng chờ nàng ở đằng xa, nhưng xem bộ không vui mấy!

Tôi theo các bạn lên xe về nhà mà trong lòng tràn ngập một nỗi buồn man mác khi nghĩ đến cuộc đời của Hoàng, Thành, Tu-Nguyễn, tôi, và A.-Lan, Dung v.v., hiện nay và ngày mai, vui hay buồn, sung sướng hay cực khổ...!

Bỗng Hoàng lay nhẹ vai tôi :

— Cuộc đời là vậy.

Tôi không suy nghĩ, đáp :

— Ừ!

Thành chất lưỡi :

— Hẳn vậy rồi! Đã nói, luôn miêng, nói cho luôn, cậu đã gặp cô em ngày trước của cậu chưa?

Tôi lắc đầu. Thành lại tiếp :

— Càng bẽ bối, như cậu đã từng biết... Mình không tin rằng định luật mà bây giờ phải tin.

Nghe vậy, tôi không vui cũng không buồn lắm. Vì cuộc đời đâu giống như người ta nghĩ — Và tự hỏi rằng: Cuộc sống của mỗi người đã dành sẵn như vậy, liệu có ai chống chọi, thay đổi được không? Tôi có còn hy vọng... chỉ ngồi mà hy vọng, trong khi không thể làm một cái gì khác được không?

Liệu giữa cuộc đời này còn để dành cho cá nhân mỗi người, cho Alice-Lan một ít ánh sáng, không khi trong lành để thở không?

— HẾT —



quây mãi ở giữa giòng. Tôi cười ngất :

— May là anh chưa đi ở rề, chứ kiểu này là mất vợ.

Tôi cho xuống vào lạch nhỏ và bơi đến ruộng nhà tôi. Khi ấy lúa đã đồng đồng, bỏ với nặng trĩu những hạt. Một mùi sữa lúa thơm dâng lên man mát. Không khí dịu hiền, Mây cao vút. Trời trong sáng. Giữa ánh nước lồng bóng lúa xanh, vài con cá nhỏ lội tung tăng, nhơ nhớn...

— Anh thích đồng quê lắm. Và thế nào sau này cũng về sống ở đồng quê.

— Nhà còn ruộng hoang thiếu gì, anh muốn làm bao nhiêu lại không được ?

— Không. Ruộng nhà anh cũng có ở miệt kinh xáng Hà-tiên, những đến ngàn mẫu mà bấy lâu nay vẫn bỏ không. Anh thấy rằng bốn phận của anh phải khai thác lại cơ nghiệp. Ba má đã bỏ tiền ra rất nhiều để khai khẩn cuộc đất ấy và chưa thu hoạch kết quả gì, bây giờ các anh phải tiếp tục lo bồi đắp.

Tôi hỏi người Thổ giữ trại ruộng xem các em tôi và mấy bạn của Thanh đã lên đến chưa. Tà Mốc người thổ ấy, trở tay về đám tràm ở xa và nói một tràng tiếng Miên.

— Anh ấy nói gì vậy, em ?

— Mấy anh đi lại chòm tràm kia để tìm trứng cò. Chỗ đó

KIÊN TRINH

cò và việc ở đồng lằm, ban đêm về đậu đầy cả cây. Đạo trước, bạn của anh Ba tới chơi, muốn ăn cháo khuya thì cứ ra đó mà bắt.

— Bắt cách nào ?

— Rọi đèn pin lồi lấy vòng giắt cổ. Cò con thì leo lên bắt dễ dàng. Thịt cò thì thường xào lằng, hay băm nhỏ xào gừng, hoặc nấu canh rau răm, để nhậu rượu cũng được. Còn anh nào muốn ăn dơi thì qua chòm tràm của ông Cả Thêm, không thiếu gì. Nhưng em không dám làm thịt dơi, ai muốn ăn thì tự làm lấy rồi đưa thịt em xào nấu cho ăn.

Thanh chỉ đàm sen ở xa và bảo tôi :

— Chúng mình lại đi chơi còn thú vị hơn nữa.

Tuy không phải mùa hoa sen nở rộ, nhưng đầm sen vẫn còn vài hoa trắng, đỏ thưa thớt đứng im lìm trong cảnh quạnh hiu. Thanh ngắt mấy nụ hoa trao cho tôi và bảo :

— Người ở đồng quê không thường thực thú chưng hoa trong nhà là thiệt thòi lắm. Ở tỉnh, người ta phải mất tiền mua, còn ở đây lại nhan nhản ra, chẳng ai màng đến. Hoa dại mọc tầm bậy trong đồng, dưới bưng nào kém màu sắc hơn hoa trồng ? Anh đã thấy nhiều thứ hoa không biết

tên, nhưng đẹp không thua loài hoa quý.

— Hoa nở tự nhiên để tô điểm thêm cho cảnh đẹp đồng quê vẫn là thú hơn đem cắm riêng vào lọ.

Khi trở về, ruộng chúng tôi phải qua một lung rau muống. Thanh mừng quá bảo với tôi :

— Ngừng một tí để hái rau muống về ăn em ạ.

Tôi nhìn làn nước đục bần nổi màng màng và nhàn nhạt :

— Ai lại ăn thứ này ? Rau muống tàu mới ăn được cơ.

— Không. Thứ này người ta vẫn có ăn chứ. Ở khám lớn, thỉnh thoảng nhà thầu cho vào phần lễ-gim thứ rau muống luộc này. Các anh gỡ nùi rau muống ra, thấy có cọng dài hơn một, hai sải tay, và vẫn cho là lạ. Bây giờ thấy đây mới biết có cọng còn dài hơn thế nữa.

— Ăn thế thì ăn vào đâu được ? Ở đây người ta chỉ cho heo ăn thứ này thôi, nhưng cũng rất ít vì mắc công nhiều hơn là cầm con dao bầu ra góc vườn chặt một cây chuối đem về xắc. Ở đồng, thiếu gì thứ ăn, tội gì phải ăn thứ này. Muốn ăn sống, thì có lá cơm nguội non, ớt màu đỏ đỏ và lằng như nhiều, mùi chần chát và giống cải sà-lách, hoặc lá lựu non, màu trắng nõn và bóng, ăn chua chua rất ngon, còn về rau thì có rau ngổ, rau cần

Truyện dài của Cô VÂN-NGA (Tiếp theo P. T. số 23)

OM rượu làm xong, tôi rủ Thanh đi thăm ruộng. Chàng bằng lòng ngay. Chúng tôi xuống ruộng, chàng dành bơi mũi cho được.

— Không, anh cứ ngồi yên, để em bơi cho.

— Sao lại vậy ? Đàn ông ngồi khoan tay rể để đàn bà lèo lái như vậy coi sao được.

Nhưng, như phần đông thanh niên thời tiền chiến không hề biết xử-dụng đến thuyền, chàng cứ bỏ một dầm bên mặt lại quay một dầm bên trái, con xuống lắc lư như say rượu, xà-

ta, rau dứa v. v... mọc hoang không hiểm gì, kẻ không hết được. Ngoài ra: lại con búp bông sữa dứa luộc nấu canh hay làm thứ rau chám, ăn đắng - đắng mà ngọt, bông diên diên xào với tôm hay làm dưa ăn thế giá... À, mà anh thêm ăn món gì cứ nói, em sẽ làm cho ăn, ở đồng tôm cá không thiếu gì mà lại rẻ rề.

— Anh đang thêm ăn hột vịt luộc đây.

— Hột vịt luộc mà thêm cái nổi gì? Hay là anh chê em không biết nấu ăn? Hoặc là nhà em sợ tốn cơm tốn gạo cho anh và các bạn?

Thanh thấy mặt tôi không vui liền phân trần:

— Em đừng giận, anh nói thiệt đó em à. Ở khám lớn, chúng cho ăn hột vịt luộc quen rồi tới khi ra Côn - Đảo ăn toàn khô mọt, nên bây giờ anh thèm, muốn ăn một lần cho tốn luôn về sau. Hột vịt luộc ăn với đường thề, có cái mùi thơm thơm như hột gà nấu trà đường vậy.

Chiều hôm ấy, tôi luộc cho Thanh bày cái hột vịt. Anh hô hào các bạn cùng ăn tiếp, nhưng ai cũng từ chối. Anh đem ra gốc cây, chám muối tiêu ăn hết cả một cách ngon lành.

Đến sáng hôm sau, Thanh gặp tôi, cười lớn lên một lúc rồi mới thuật cho tôi những giây

phút mà anh gọi là kinh khủng nhất từ khi trở về đất liền đến bây giờ:

— Hồi khuya, anh thức dậy không biết hồi mấy giờ, và thấy rằng đau bụng. Anh mở cửa đi ra ngoài một lúc rồi trở vào, đóng cửa lại. Thế rồi... anh không còn biết đường trở về giường mình nằm nữa... Nguy không!...

— Sao anh không lên tiếng?

— Lên tiếng cái gì? Kêu ai? La làng à? Khi khóa cửa lại, anh vẫn định nhìn bước về mé tay trái độ hai mươi bước là đến giường. Té ra anh đi nhầm chỗ và rồi tới một bên mùng nọ, nghe tiếng thở thì biết không phải là đàn ông nằm trong ấy. Anh thật bối rối vô cùng, lần mò trông đêm tối, tìm giường của mình mà không biết ở đâu. Có một lúc hình như anh có đến gần bên phòng em, anh lại càng kinh hoảng lên hơn nữa. Em thử tưởng tượng có ai thức dậy, đánh đèn lên và thấy anh ở đó thì người ta sẽ nghĩ thế nào? Chắc chắn là về sau anh sẽ không dám vác mặt vào nhà này nữa...

Tôi không thể nào mà không ôm bụng cười cho được:

— Rồi chừng nào anh mới về được giường anh?

(Còn nữa)



BA TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ **Bạn SONG-AN (Châu đốc)**

2810.— Em đổ anh :

Trăm thứ dầu, dầu chi không thấp

Trăm thứ bắp, bắp chi không ran

Trăm thứ than, than chi không quạt

Trăm thứ bạc, bạc chi đem bán không mua

Trai nam như chàng dả dối dặng

Thiếp chịu bốn mùa theo chân.

2811.— Trăm thứ dầu, dầu bạc hà... dầu cù là không thấp

Trăm thứ bắp, bắp cau bắp chuối không ran

Trăm thứ than, than thân không quạt

Trăm thứ bạc, bạc tình bạc nghĩa đem bán không mua

Trai nam như chàng dả dối

đặng

Thiếp phải chịu bốn mùa theo anh.

2812.— Ông Đới đòi cưới ba heo

Mụ đội đòi cưới con mèo cụt đuôi

2813.— Cụ già đầu bạc răng lóng

Cưới cô con gái còn mần tuổi dào.

2814.— Lầu nào cao bằng lầu ông chánh,

Bánh nào trắng bằng bánh họ bông,

Thương em từ thuở má hồng,

Bây giờ em lớn có chồng bỏ anh.

2815.— Chăn tằm rồi mới ươm tơ,

Làm dầu rồi mới được như mẹ chồng.

(Còn nữa)

CHÚT NIỀM TÂM SỰ

MỀN TRAO BẠN ĐỌC PHỔ THÔNG



Tạp-chí PHỔ-THÔNG ra đến số 24 này, chúng tôi kiểm-điểm lại, nhận thấy còn nhiều khuyết-điểm, đại-khái như sau đây:

★ Chúng tôi chưa có nhiều kiểu chữ mới, phải tạm dùng những chữ hơi cũ, cho nên **CHỮ IN KHÔNG ĐƯỢC SẮC-SẢO.**

★ Chúng tôi chưa mua được thứ giấy đắt tiền hơn, nên tạm dùng giấy thường, gọi là « giấy nhựt-báo », cho nên **GIẤY KHÔNG ĐƯỢC TRẮNG LẮM.**

★ Chúng tôi chưa có máy in tối-tân, phải tạm dùng máy in thường, cho nên **ẤN-LOÁT CHƯA ĐƯỢC ĐẸP LẮM.**

★ Số nào **IN CŨNG CÒN LỖI**, vì chúng tôi chưa có nhiều nhân-viên, cho nên sự sửa bài còn đôi sơ-sốt. Đó là những khuyết-điểm về kỹ-thuật.

NHƯNG CHÚNG TÔI SẼ CỐ GẮNG MÃI MÃI...



Chúng tôi rất cảm ơn Quý Bạn đã vui lòng tha-thứ những khuyết-điểm ấy và đã tỏ nhiều cảm-tình chân-thật và nồng hậu đối với PHỔ-THÔNG trong một năm qua. Nhờ sự ủng-hộ trung-kiên và triu-mến của Quý Bạn, chúng tôi sẽ **CỐ GẮNG CẢI-THIỆN LẦN LẦN ĐỂ CHO TẠP-CHÍ PHỔ-THÔNG ĐƯỢC-TOÀN-THIỆN TOÀN-**

MỸ. Chúng tôi vẫn chú-trọng cả về nội-dung lẫn hình-thức, vì tất cả ước-mong của chúng tôi là có một tạp-chí văn-hóa Việt-nam xứng-dáng trong tay Quý-Bạn cũng như trong tay các Bạn đọc giả ngoại-quốc mỗi ngày mỗi đông thêm. Chúng tôi sẽ cố gắng lần-lượt hy-sinh từng giai-đoạn, để làm sao PHỔ-THÔNG in chữ cho đẹp hơn, giấy cho trắng hơn, và thêm nhiều trang nữa, đăng thêm nhiều bài nữa.

CHÚT NIỀM TÂM SỰ

BỘ BIÊN-TẬP PHỔ-THÔNG Ở NGOẠI-QUỐC



Sau mấy tháng tiếp-xúc thân-thiện với một số Văn-nhân Thi-sĩ của các nước bạn, chúng tôi vui mừng đã tổ-chức xong một ban Biên-tập PHỔ-THÔNG ở Hải-ngoại. Ban Biên-tập này gồm có một số các Nam-Nữ giáo-sư Đại-học và Nam-Nữ Thi-sĩ, Văn-sĩ, của Nhựt-bôn, Ấn-độ, Phi-luật-Tân, Thái-lan, Úc, Anh, Mỹ và Pháp. Chúng tôi đang cố-gắng mở rộng ban biên tập Hải-ngoại nơi các quốc gia khác. Các bạn ấy sẽ viết bài hoặc bằng tiếng Việt, hoặc bằng Anh-ngữ hay Pháp-ngữ, gửi về tạp-chí Phổ-Thông. Những bài bằng ngoại-ngữ chúng tôi sẽ tự dịch ra Việt-ngữ. Một Giáo sư Đại-học Nhựt ở Tokyo sẽ trình bày với Quý-Bạn một bài bình-luận về quyền *Kim-Vân-Kiều* của NGUYỄN-DU, so-sánh với một quyền *Kim-Vân-Kiều* khác của một Thi-sĩ Nhựt bôn, và quyền *Đoạn-Trường Tân-Thanh* của Tàu. Một Giáo-sư khác, kiêm Thi-sĩ ở Phi-Luật-Tân, sẽ phê-bình văn thơ của các Thi-văn-sĩ Việt-nam. Khởi từ số này, chúng tôi đăng bài viết bằng Việt-ngữ của Giáo-sư GUSTAVE MEILLON, ở Đại-học đường Sinh-Ngữ Á-Đông, Paris, và tiếp theo là bài của một nhà Văn Nhựt viết về hai Thi-sĩ danh tiếng SHIMAZAKI TOSON và KITAHARA HAKUSHU. Lần lượt, Quý bạn sẽ làm quen với các Thi-văn sĩ hiện đại của các nước Bạn. Quý Bạn sẽ nghe họ nhận-xét về các Thi-văn-sĩ Việt-nam và Văn-hóa của nước ta.

CHÚNG TÔI MONG CÓ SỰ GÓP PHẦN CỦA QUÝ BẠN



Chúng tôi xin hứa với Quý Bạn rằng chúng tôi sẽ cố gắng về mọi phương-diện để tạp-chí PHỔ-THÔNG xứng đáng lòng tin-cậy triu-mến của Quý Bạn, và được cảm-tình ở Hải-ngoại, để cho Văn-hóa của Việt-nam được một địa-vị nào đó, dù là rất khiêm-tốn, trên đài Văn-hóa quốc-tế.

Đồng thời, chúng tôi tha-thiết mong mỗi Quý Bạn vui lòng giúp sức với chúng tôi về hai phương diện:

1.— GIANG-SƠN VIỆT-NAM. Chúng tôi đã đăng một loạt

bài về tỉnh HÀ-TIÊN của bạn NGỌC-TỈNH. Chúng tôi đã đăng loại bài về NON NƯỚC MIỀN MẠM của bạn THÁI-VĂN-KIỆM. Chúng tôi đang đăng bài về tỉnh SÓC-TRĂNG của bạn V.Đ. HÀ. Vậy chúng tôi mong các bạn vui lòng sưu-tầm về các tỉnh quê-quán của quý Bạn, gửi cho chúng tôi để chúng ta có thể tiếp-tục trình bày với Đồng-Bào và ngoại-quốc về bộ-mặt xinh-đẹp của GIANG-SON VIỆT NAM.

2.— THẮNG CẢNH VIỆT-NAM. Cùng một ý ấy, chúng tôi mong các Bạn gửi về cho chúng tôi các bức ảnh đẹp của các Thắng-cảnh Việt-nam ở tại nơi Địa-phương của Quý Bạn. Những tấm ảnh ấy, chúng tôi sẽ in lên bìa PHỒ-THÔNG, hoặc nếu có nhiều thì chúng tôi sẽ in cả trong các trang ruột nữa.

Dĩ-nhiên, chúng tôi xin đài-thọ tất cả các món tiền thù-lao về bài lai-cảo cũng như về hình-ảnh do các bạn có thịnh-tình gửi cho.

Chúng tôi tha-thiết mong mỗi Quý Bạn trong toàn quốc vui lòng góp phần xây-dựng rất quý báu ấy, và chúng tôi xin chân thành cảm tạ.

Đôi lời tâm sự, mong Quý Bạn thông-cảm.

N. V.

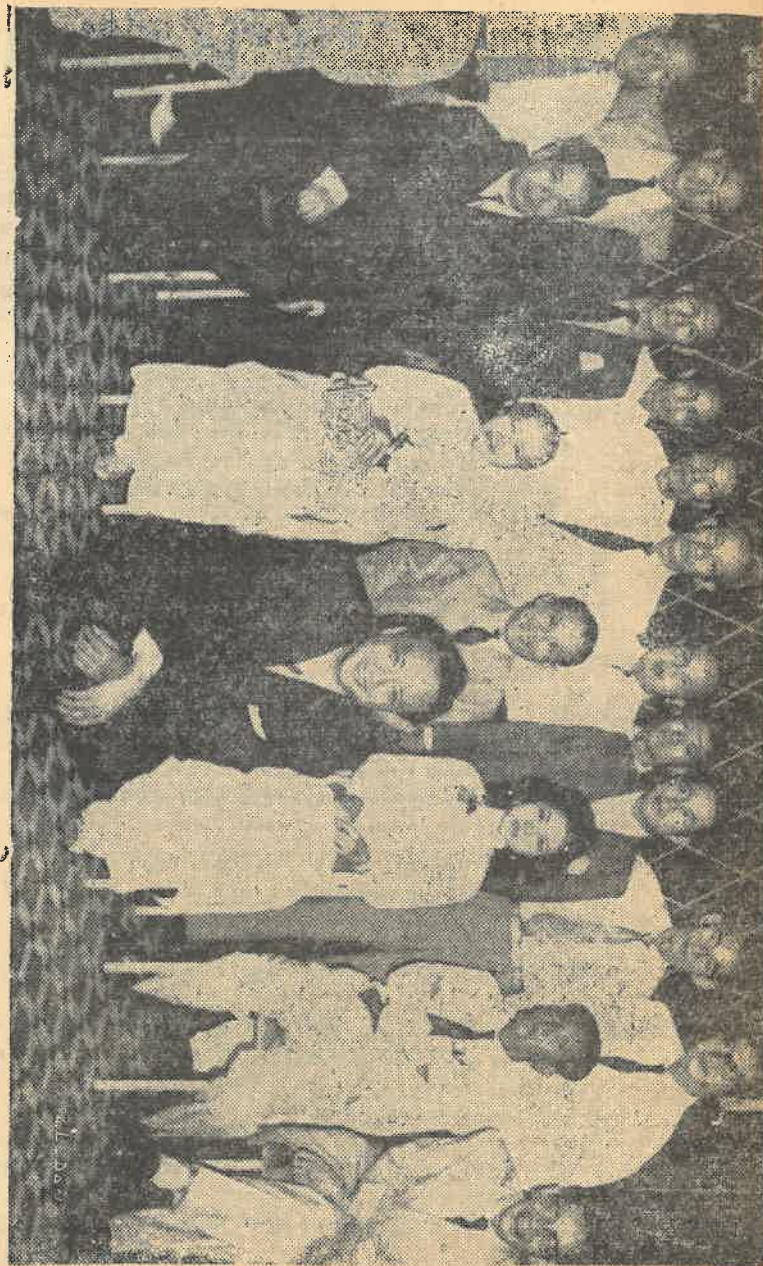
MUÔN ĐỒ ĐỆ THẤT

Quý vị phụ huynh hãy
cho con em theo học

LỚP DZÔ-TA

khai giảng khóa mới 15-11-59
tại 95 Nguyễn Thái Học — Saigon

Bộ Biên-tập PHỒ-THÔNG chụp hình Đệ Nhứt chu niên của Tập-chi ngày 1-11-1959.
Hàng đầu (ngồi) từ trái sang phải: Thiệu-Son, Bà Thường-Lạc, Nguyễn-Vỹ, Nguyễn-Anh-Ca
(ngồi chồm hóm phía trước), Cồ Bạch-Yến, Nguyễn-Triệu, Bác-sĩ Hoàng-Mộng-Lương.
Hàng đứng: Văn-Son, Nguyễn-khắc-Thị, Duy-Liêm, Nguyễn-Thu-Minh, Vi-huyện-Đắc,
Vương-hồng-Sân, Thái-thúc-Diện, Đặng-Nhâm, Quang-Hoa, Phong-Cầm, Cửu-Lang.
Còn thiếu vài ba bạn đi công tác nơi xa về không kịp.



Mừng Đệ-Nhất Chu-Niên Tạp-Chi

PHỔ - THÔNG

Chúng tôi nhận được rất nhiều thư của Bạn đọc thân mến gửi về mừng tạp-chí PHỔ-THÔNG trong dịp Đệ-nhất chu niên của nó. Chúng tôi xin có lời chân thành cảm tạ thịnh-tình của các Bạn.

Đề ghi chút kỷ-niệm trang-nhã của duyên văn tự, chúng tôi xin đăng một bài thơ sau đây của Cô Minh-Đài và xin thành thật cảm ơn hảo ý của cô.

N. V.

« Hạ bút đề thơ thấy ngại ngừng
Mong lời thơ thien được bao dung
Hương lan tỏa ngát nhiều phong-thái
Hoa đại đời hoàng góp sắc Xuân. »

Văn hóa ngày nay đã trưởng thành
Tao đàn cùng họa nét đan-thanh.
Thi-nhân rộn-rã tình thơ thắm ;
Chiếc bướm vờn hoa giữa lá cành.

Một áng văn hay mấy vấn-ương
Một vài ý đẹp đủ xông hương,
Cho đời bừng dậy niềm hoan-lạc
Cho đỡ chồn chân khách dặm trường.

Tạp-chí PHỔ-THÔNG ngọn gió lành,
Mang về ước hẹn thuở đầu xanh
Gửi đi bốn hướng nguồn vui sống
Nhắc nhở người trai chí đấu-tranh.

« NGÀY MỚI » cầu mong nhựa sống trào,
« PHỔ-THÔNG » ghi lại đến nghìn sau ;
Chút duyên văn-ngệ tình tri-kỹ.
Đề loạ lòng nhau nghĩa cố-giao.

Mừng ngày Đệ-nhất chu-niên
Tạp-chí PHỔ-THÔNG
MINH-ĐÀI
Bản-cờ ngày 1-11-59



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

★ Bạn Anh-Tú — Bến Ngự — Huế.

1) Viết thư giao-thiệp đúng-đắn, hoặc thư gửi các Thân bằng cố hữu, nên viết giấy trắng, các bạn trẻ thân mến nhau (trai hay gái) có thể dùng giấy xanh. Thư tình, viết với giấy màu hồng nếu bạn muốn.

2) Trong xe, chỗ sang nhất là ghế sau chớ không phải ghế trước, ghế sau dành cho người mình kính trọng. Nếu người bạn lái, ta nên ngồi cạnh bạn ở ghế trước. Nếu có hai người khách thì để họ ngồi ghế sau, ta ngồi ghế trước, cạnh tài xế. Vợ chồng thì dĩ nhiên ngồi gần nhau.

3) HENRI SCHLIEMANN là một nhà khảo cổ Đức, sinh tại Neu-Buckow, năm 1822, chết tại Naples năm 1890. Vì yêu thơ của HOMÈRE mà ông bán hết nhà cửa ở Đức để qua Hy-Lạp, xin phép Chính phủ ấy cho ông đào đất nơi HISSARLIK để tìm vết tích thành TROYE, và ông đã thành công. Ông đã tìm lại trọn vẹn thành Troye đúng y như trong sử sách thời Homère ghi chép.

★ Bạn Hoa Ngô Đồng (Quảng Nam) hỏi.

« Trong cuốn « La Littérature noi » mục « La Littérature, expression de la société » nhà văn học Pháp Baldensperger có viết câu :

— L'histoire est une géographie qui marche et la littérature quelque chose comme une démographie qui parle ou qui révo.

Thưa ông, tại sao Lịch-sử là 1 tập địa dư chí hay đi, còn văn-học có thể xem như một pho « dân-sinh chí » biết nói, biết mơ-mộng ?.

2) Vì sao có danh từ : Nhóm thi-sĩ *Décadents* ?

3) Tôi thường nghe người ta nói những danh từ : *Đệ tam quốc tế*, *Đệ tứ quốc tế*, như vậy có đệ nhất, đệ nhị quốc tế không ? và mỗi danh từ như trên dùng để chỉ khuynh-phái nào ?

4) Người ta thường nói đến chỉ-số, vậy chỉ số căn cứ vào đâu để lập số lương bổng ? Thí dụ chỉ số 470 thì số lương là bao nhiêu ?...

Đáp : 1) Câu : « *L'Histoire est une géographie qui marche et la Littérature quelque chose comme une démographie qui parle ou qui rêve* » trong quyển LA LITTÉRATURE, mục « La Littérature, expression de la société » của giáo sư Thạc-Sĩ và Văn-Sĩ Pháp FERNAND BALDENSBERGER (1913) có ý-nghĩa như sau đây : Lịch-sử là những sự kiện, những biến cố xảy ra nơi một địa phương, liên tục, từ thời đại này qua thời đại khác, nó di chuyển trong thời-gian, (une géographie qui marche) qui se déplaçent dans le temps. Còn Văn Chương cũng đại khái như một khoa dân sinh học, nhưng không phải chỉ chú trọng ở đồng tiền, hạt gạo, tấm áo, mái nhà, hay là các cuộc sinh hoạt vật chất của nhân dân mà thôi, mà còn diễn tả cả tinh thần và tư tưởng của nhân dân ấy nữa.

2) Nhóm Thi-Sĩ DÉCADENTS, là nhóm Thi-sĩ Pháp hồi cuối Thế kỷ XIX, ưa đề cao chủ trương Tượng trưng (Symbolisme) đến mức quá lộ, cốt đối chọi lại lập trường quá mực thước của nhóm Parnassiens. Danh từ *Décadents* sinh nẩy ra từ sau khi quyển Thơ trào phúng *Les Déliquescences d'Adoré Eloupette* (1885) của cặp Thi-sĩ hài hước G. Vicaire và H. Beauclair ra đời. Danh từ ấy được xuất hiện do các nhà phê bình văn học thời bấy giờ đặt ra để công kích phái Thi-sĩ tượng trưng, rồi các nhà thơ này cũng dung nạp luôn danh từ ấy, nhất là PAUL VERLAINE sẵn-sàng tán-thưởng, để thách đố lại các nhà phê-bình Parnassiens, và ông hoan-hỉ cho là danh-từ POÈTES DÉCADENTS thật là « long-lanh như sơn son thếp vàng » (miroitant de pourpre et d'or). Kể đó, Thi-sĩ ANATOLE BAJU sáng lập ra tạp-chí « *Le Décadent* » ra được 31 số, sống được 3 năm (1886-1889) mà bộ biên-tập có Verlaine, Maurice de Plessy, Ernest Reynaud, Jean Lorrain, Laurent Tailhade, toàn là của phái Tượng-trưng (Symbolistes). Phái này tự cho rằng họ chịu ảnh-hưởng của Baudelaire, Barbey d'Aureville, Villiers de l'Isle-

Adam, Mallarmé, Tristan Corbière. Nhưng sau cùng, chủ-trương quá lập-di, quá lộ-bịch của Thi-phái *Décadents* không đứng vững, nên dần-dần bị... suy đồi (décadent), chỉ còn lại tinh-hoa của Thi-phái Tượng-trưng mà thôi.

3) Về các lý-thuyết chánh-trị : Đệ-nhứt, đệ-nhị, đệ-tam và đệ-tứ quốc-tế, phải một bài dài lắm mới trình bày tàm đầy-đủ được.

4) Về vấn-đề chỉ-số của lương-bổng, xin ông hỏi nơi Bộ Tài-chánh.

★ **Bạn Hồ văn Bưu — Qui Nhơn**

Về nhà văn LINH-BẢO, bạn viết thư hỏi tại tòa báo *Tân Phong*, 217 Lê văn Duyệt — Saigon.

★ **Một bạn đọc ở Quảng Ngãi**

Câu chuyện « *Vết sơn trên má tiểu thư* » là một đặt sử, do các cụ thời trước truyền khẩu lại. Nó không ở trong phạm vi lịch-sử, cho nên tác giả đã đặt nó vào một khuôn khổ truyền thuyết. Còn những chuyện của ông Cấn Chánh NGUYỄN THÂN, những chuyện « ghê gớm » hơn nữa mà các cụ đương thời còn nhắc lại về cái tinh tàn ác của « Ông Cấn » thì còn nhiều lắm. Chỉ một việc ông ấy đối xử với xác chết của cụ PHAN ĐÌNH PHÙNG, đã chứng tỏ cái tâm tàn ác của kẻ phản-quốc ấy.

★ **Em Huỳnh văn Thu — học sinh Tân Thành Sài Gòn**

Tiểu thuyết « *Khát tình* » của Đoàn-Ngọc, quảng cáo trong PHỒ-THÔNG số 22 của tác-giả gửi đăng chứ không phải của chúng tôi. Xin cảm ơn thư em. Mến chúc em gặp nhiều may mắn trên đường học vấn.

★ **Bạn Thanh Văn — Hội An**

1) Bạn gửi thư cho cô ấy bảo rằng bạn còn đang đi học, chưa nghĩ đến vấn đề yêu đương, hay bạn cứ lơ đi, có ấy sẽ chán và không đeo đuổi bạn nữa.

2) Các tập PHỒ-THÔNG từ số 1 đến số 11 hiện ở tòa soạn cũng không còn, khi nào có, chúng tôi sẽ loan tin trên báo.

★ **Một bạn đọc không đề tên và địa chỉ**

Chúng tôi có coi giùm các vé số xổ ngày 28-10-59 của ông, không có số nào trúng cả.

★ **Ông Văn Giang — Đồi trả — Blao (ông Thiệu-Son trả lời)**

Nhà báo đã chuyển giao cho tôi một bức thư và một gói trả

lớn của ông gửi biểu tôi. Tôi có do địa chỉ trong thư gửi lời cảm tạ ông, nhưng nhà bưu điện đã gửi trả lại, bảo rằng « Địa chỉ dễ thiếu », vì lẽ đó mà tôi phải nhờ nhà báo nhìn cho tôi mấy hàng đề tạ đáp mỗi thịnh tình của một bạn văn chương tri kỷ, mà tôi mong sẽ được biết địa chỉ để gửi thư riêng.

Thiếu-Son

12, Trịnh hoài Đức — Gia Định

★ Ông Lê văn Tất — Châu Đốc

Xin ông gửi thư trực-tiếp đến Cụ Ứng Bình theo địa chỉ sau đây :

CỤ ỨNG BÌNH

25, Trần Hưng Đạo — HUẾ

★ Bạn Thu-Hương — Biên-hòa.

1) Quyền tiêu thuyết « Thi-sĩ Kỳ-Phong » xuất bản ở Hà-Nội năm 1937 là của ông Nguyễn-Vỹ ký dưới bút hiệu LỆ-CHI.

2) Ông N.V. không có làm giáo-sư ở Biên-Hòa. Mấy năm gần đây ông có làm giáo-sư ở Sài-gòn, nhưng bây giờ ông không còn dạy học nữa.

★ Bạn Trần-An-Cát — Huế — hỏi :

Chúng tôi thường nghe người ta nói tiếng Pali, trong các sách báo, thường thường chúng tôi cũng có nghe, nhưng không thấy mặt chữ thế nào. Có nhiều bạn nói rằng nơi tờ giấy của ve-dâu Nhi-thiên-Đường phải không? Vậy, quý báo có thể cho chúng tôi thấy nét chữ Pali thế nào? Và hiện giờ các nước nào dùng mẫu tự đó? — Hiện trên thế giới có mấy thứ mẫu tự? — Chẳng hạn nước Đức dùng kiểu mẫu tự nào? Vậy luôn tện đây cho chúng tôi biết nét chữ và mẫu tự của Nga, Đức.

ĐÁP :

1) Chữ PALI (cũng có người viết: Pali) là chữ của miền Nam Ấn-độ thời xưa. Nó viết cũng gần giống như chữ SANSKRIT là chữ Ấn-độ cổ-diễn. Các sách Phật về phái tiểu-thừa đều viết bằng chữ Pali. Hiện nay, các thổ-dân Miến-Điện, Tích-Lan (Ceylan) Thái-lan, cũng còn viết lối chữ Pali. Chữ Pali cũng giống như chữ SANSKRIT, là văn-tự chính-thức của người Bà-la-môn (Brahmanes) ở Ấn-Độ. Nó có từ 2000 năm trước J. C. Đại-khai, một vài mẫu-tự Sanscrit như sau đây :

अ = a	ठ = tha	इ = i
क = ka	ढ = dha	उ = u
ख = kha	ण = na	ल = l
ग = ga	ढ = da	ऐ = ai
ज = ja	य = ya	ह = ha
ट = Ta	फ = pha	ळ = la

v.v..

Trên các giấy tờ « Nhi-thiên-đường » như bạn nói, là chữ khmer (Cao-miên). Những chữ trên ve-dâu cũ-là Mac-Phsu là chữ Miến-Điện. Các thứ chữ ấy đều do gốc ở chữ Sanscrit và Pali.

Đây vài kiểu mẫu tự Nga :

A = a (a)	И = i (u)	С = s (c)
Б = be (b)	Л = l (u)	Ф = f (ph)
В = ve (b)	М = m (u)	Ц = tse (tse)
Г = ghe (g)	Н = n (u)	Ш = cha (sh)
Д = de (d)	П = p (u)	Я = ia (ia)
Е = e (e)	Р = r (u)	Ѳ = fita (f)
Ж = je (zh)		

v.v..

Mẫu-tự Đức, thuộc về phân-loại latin, cũng như mẫu-tự

Pháp,

3) Nhà Bác-học Ý đã bị Tòa-Án Công-Giáo ở La-Mã kết-án năm 1633 (ông 70 tuổi) vì nói quyết là quả đất xoay, tên là GALILÉE.

4) Xin miễn trả lời những câu hỏi riêng về N.V.



TRẢ LỜI NGÀY THÁNG AM VÀ DƯƠNG LỊCH

- ★ Ông N. P. Tường — Trường quốc học — Huế
Ngày 1-2-1938 là ngày mồng 2 tháng giêng âm lịch, năm Mậu Dần, tháng Giáp Dần, ngày Giáp tý.
- ★ Một độc giả ở Bình Tây — Cholon
Ngày 13-2 âm lịch năm Tân Sửu = Lundi 1-4-1901
- ★ Em Cẩm Vân — Đường Nguyễn Du — Sài Gòn
Ngày 18-2 năm Canh Thìn = Mardi 26-3-1940
- ★ Ông Lâm Lễ — Quế Sơn — Quảng Nam
Giờ Thân ngày 13 tháng tư Tân Vị nhằm ngày Thứ tư 3-6-1931, 4 giờ chiều.
- ★ Em Quách tú Trung — Kiến Phong
Ngày 14 tháng 5 nhuận 1933 là ngày 6-7-1933
- ★ Một Độc giả ở Nha trang
— Ngày 30-2 âm lịch năm Tân Tị = Jeudi 27-3-1941
— 6-8 âm lịch năm Mậu Tuất = Mardi 18-9-1858
— Ngày 8-7-1955 = 19-5 âm lịch năm Ất Vị, tháng Nhâm Ngọ, ngày Canh Ngọ
— 22-6-1957 = 25-5 âm-lịch năm Đinh Dậu, tháng Bình Ngọ, ngày Ất Sửu
- ★ Ông Trần Minh Hoàng — KonTum
Ngày 1-4-1937 là ngày 20-2 âm lịch (năm Đinh Sửu, tháng Quý Mão, ngày Mậu Ngọ.

- ★ Ông Nguyễn văn Am — k.b.c 4061
— Ngày 15 tháng 5 âm lịch năm Kỷ Mão = Samedi 1-7-1939
— 21-6 âm lịch năm Giáp Thân = Dimanche 9-8-1944
- ★ Ông Nguyễn hữu Từ — đường Chu mạnh Trinh — Sài Gòn
— 17-8-1944 dương lịch nhằm ngày Quý Sửu, tháng Tân Vị âm lịch
- ★ Cô Bích Vân — Cholon — Bình Tây
Ngày 5-5-40 là ngày 28-3 âm lịch năm Canh Thìn, tháng Canh Thìn, ngày Mậu Thân.

NGUYỄN . TRIỆU

Cùng Bạn gửi Bài

Chúng tôi nhiệt-liệt hoan-ngheh các bài của quý Bạn có nhã-ý gửi đến tòa soạn. Chúng tôi lần lượt xem hết, không bỏ sót bài nào. Còn đăng được hay không, tại sao không đăng được, chúng tôi không thể trả lời. Vì thì giờ của chúng tôi rất ít, mà bài nhận được thì rất nhiều, chúng tôi không thể trả lời riêng tất cả từng bạn được.

Phổ-Thông ra mỗi tháng 2 kỳ và số trang có hạn, số bài dư nhiều, nên có nhiều bài đã nhận được nhưng 4 tháng sau, hoặc 5, 6 tháng sau mới đăng được. Vậy, muốn các bạn yên-tri, từ nay chúng tôi dành riêng một trang để báo tin «NHỮNG BÀI SẼ ĐĂNG» để các bạn gửi bài biết trước rằng những bài của bạn sẽ đăng (tuy chưa biết là sẽ đăng trong số nào : có thể đăng ngay, hay đăng chậm hơn). Sau khi gửi bài, bạn chờ hai kỳ báo mà không thấy có bài của Bạn trong cột « Những bài sẽ đăng », thì xin Bạn hiểu rằng bài ấy vì một lý do nào đó không đăng được

Xin Quý Bạn thông-cảm cho. Thâm tạ.

**NHỮNG
BÀI
SẼ
ĐĂNG**

- Bình đa tình của anh hùng (*Lâm hữu Ngán*).
- Công Chúa Thổ-nhĩ-Kỳ. “
- Từ-Hi-Thái hậu “
- Nguyễn-tri-Phương (*Phong Cầm*)
- Hiểu lầm học thuyết Lão-Tử (*Hà-thanh-Tử*).
- Mối tình Nguyễn-Du (*Nguyễn-khắc-Thiệu*)
- Hội chùa (thơ) (*Cao-hoàng-Nhân*).
- Êm ái (thơ) “
- Trương-công-Định (*Võ-bá-Hải*).
- Nguyễn-trường-Tộ “
- Nguyễn-thượng-Hiền “
- Đoàn-Phú-Tử (*Tô-Lang*)
- Ông Bao-Công xử một vụ phá trình (*Mai-hương-Vân*)
- Một vài nét về Bưu-Đình (*Ba-den*)
- Hai thăm kịch giữa kho vàng (*Lâm-tùng-Sinh*)
- Xã-hội Việt-Nam vào thời Tú-Xương (*Việt-Tử*).
- Cô Kiều mất nét (*Nguyễn-khắc-Thiệu*).
- Charles Baudelaire — Thi-sĩ bệnh hoạn (*Ng. Lưu*)
- Thanh-Niên Anh ham học lái phi cơ (*Denis Bardens — Anh*)
- Người Thơ xuất hiện (*Mặc Thu*).
- Món quà kỷ niệm (*Hoàng-Thắng*).
- Xuân Cổ (thơ) (*Từ-trâm-Lệ*).
- Giấc mơ của con púp-pê (*Aokiyama — Nhật*)

Thanh-Minh

(Còn nữa).

Tên của cô C.T.T.N TUYẾT-NGỌC đăng trong PHỔ-THÔNG số 22 trong mục «Đáp bạn bốn phương» không phải là cô C.T.T.N. TUYẾT-NGỌC, HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC ĐỒNG-KHÁNH — HUẾ.

ĐÁP BẠN BỒN PHƯƠNG

Cùng Bạn gọi Thư

1) Các bạn muốn hỏi điều gì thắc-mắc trong PHAM VI VĂN-HÓA, theo tôn chỉ phổ-biến Văn-hóa của tạp-chí PHỔ-THÔNG, thì chúng tôi xin hoan-hỷ phúc đáp, theo chút ít hiểu-biết của chúng tôi.

Ngoài ra, xin đừng hỏi về những đề-tài KHÔNG LIÊN-QUAN TRỰC-TIẾP ĐẾN VĂN-HÓA.

2) Bạn viết thư về tòa báo, sớm hay muộn, chúng tôi cũng sẽ trả lời, tùy theo ngày nhận được thư trước, hay sau. Vậy xin các bạn đừng biên thư thúc-giục, và cũng đừng gọi tem yêu cầu trả lời thư riêng.

BỨC THƯ RA MẮT CỦA :

THI ĐÀN «Sơn hải nguyệt phong vân»

★ Thi đàn S.H,N,P.V. Châu đốc. thành lập vào mùa thu 1958. Đến nay đã một năm qua. xin có lời ra mắt quý vị thi hữu tứ- phương.

★ Thi-hữu trong thi đàn có 16 vị :

- 1) THANH-TÂM cư - sĩ (75 tuổi) — 2) PHẠM-KỶ-XƯƠNG —
- 3) MINH-CHON (Phan-trường-Thọ) — 4) ĐỨC-LIÊN —
- 5) NGUYỄN-ĐÌNH-NGỌ — 6) BẠCH-LIÊN—7) HÓA-LIÊN —
- 8) BÀ THÚY-LIÊN — 9) BÀ PHẠM-LIÊN — 10) CHÍ-LIÊN —
- 11) TRẦN-LIÊN — 12) BÀ MỸ-LIÊN — 13) MÀN-LIÊN —
- 14) THÂN-LIÊN — 15) THẾ-PHƯƠNG — 16) TỪ-LY -HÀ.

★ Từ trên xuống dưới, sắp theo thứ tự niên kỷ.

★ Mục đích của thi đàn «Xứng họa thi văn đề trau dồi thi nghệ».

★ Bởi bút hiệu của nhiều thi hữu có chữ Liên, nên người Châu đốc thường gọi các Huynh Đệ này là «NHÓM HOA SEN» hay là «LIÊN HOA THI HỮU».

★ Chúng tôi có thành lập một vườn thơ trên núi Sam, lấy tên là «BẠCH HOA VIÊN». Kính mời quý khách nhàn du. có dịp tiện, đến đó ngắm thi, ngắm cảnh : Nơi đây gió lộng bốn mùa. Thư tứ giao thiệp xin đề.

Ô. LÊ VĂN-TẮT

Thi-Đàn Sơn-Hải-Nguyệt-Phong-Vân
(An-Giang) CHÁU ĐỐC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
NHA TỒNG GIÁM ĐỐC
KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
ĐÔ-THỊ

THÔNG-CÁO

Trực.thuộc Phủ Tổng-Thống
 Sở Xổ-Số Kiến-Thiết

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ.số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : **THỨ SÁU HÀNG TUẦN.**

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc.Đặc trúng	1.000.000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55	lô an ủi	2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ-Số KIẾN-THIỆT

K. D. số : 443/11ĐKD — Saigon, ngày 24-11-1959
 In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

